

PHẦN V

NGÔN NGỮ

▪ Giao tiếp

Theo cách định nghĩa cổ điển thì giao tiếp là sự chuyển thông điệp giữa người cho tin và người nhận tin. Nhưng cũng phải biết thêm rằng những người này có thể là cá nhân hoặc tập thể, là thể xác hoặc tâm hồn. Phần lớn các thông điệp được truyền đi bằng nhiều hệ thống ký hiệu (ví dụ: cử chỉ, điệu bộ và hoàn cảnh đi kèm giao tiếp). Kênh truyền tin cũng rất quan trọng, người ta có thể nói rằng: “thông điệp, đó là chất pha màu” (Maclucham).

Đặc tính xã hội của giao tiếp thể hiện ở chỗ tất cả bức thông điệp đều tham gia vào hoạt động xã hội (ví dụ: văn học, pháp lý, quảng cáo) và mỗi hội thoại được chia thành từng loại (ví dụ: sân khấu, ca nhạc, thơ, xã luận). Nắm bắt được tình huống và cách thức giao tiếp rất cần thiết để phân tích toàn bộ thông điệp.

Sự ra đời và phát triển của các phương tiện thông tin mới đã kèm theo những chuyển biến của đời sống xã hội.

Tất cả các biện pháp tu từ cũ hay mới đều được sử dụng để hoạt động giao tiếp trở nên hấp dẫn và thuyết phục. Các dạng giao tiếp mới này đã phản ánh và tạo nên tầm quan trọng của các hình thức giao tiếp và hẳn nhiên đã bắt chúng phải chiều theo những trò ăn thua kinh tế và chính trị. Lĩnh vực giao tiếp trong kinh tế phát triển nhanh và trở thành một trong những sân chơi chính của cuộc cạnh tranh quốc tế.

▪ Giao tiếp bằng ngôn ngữ

Giao tiếp bằng ngôn ngữ là một hiện tượng rất phức tạp được quy định bởi các chuẩn mực khác nhau thậm chí là theo tập tục. Tính phức tạp trong ngôn ngữ giao tiếp xuất hiện rất nhiều trong dạng giao tiếp mà người ta tưởng là đơn giản nhất: giao tiếp bằng lời nói.

Một mặt, giao tiếp nói luôn kèm theo những yếu tố ngoài ngôn ngữ: từ ngữ thay đổi kèm theo những dấu hiệu về ngữ

điệu và vắn luật, mặt khác, lời nói luôn kết hợp với các dấu hiệu có thể nhìn thấy được như: điệu bộ, cử chỉ và tư thế, khoảng cách giữa những người đối thoại đánh dấu những sắc thái tôn trọng, suông sẻ hoặc thân mật.

Lời đối thoại bị nghi thức hoá. Các thể thức tư sản và các thể thức khác đánh dấu sự bắt đầu hay kết thúc cuộc trao đổi, thường phụ thuộc vào quan hệ thứ bậc và quan hệ con người giữa những người tham gia đối thoại. Việc lặp đi lặp lại là để duy trì sự tiếp xúc (chức năng thực hành của giao tiếp). Các lượt lời nói cũng được quy định bằng các chuẩn mực như độ dài và chủ đề của các bài tham luận. Xã hội học vi mô đã tích lũy những quan sát chi tiết cho lĩnh vực nghiên cứu này.

Nếu người ta biết rõ tình huống giao tiếp và nguồn gốc hội thoại của những người phát ngôn, người ta có ý định miêu tả hành vi ngôn ngữ. Vì vậy cần phải thiết lập một lý thuyết về tính cố ý. Đó chính là cái mà ngữ dụng học (môn học nghiên cứu ngôn ngữ trong sự tác động qua lại với bối cảnh giao tiếp) đang cố gắng vươn tới.

Về giao tiếp bằng chữ viết, nó cũng sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong khi thể hiện (chữ viết hoa, chữ màu sắc, tranh, ảnh) tạo nên một thông điệp đặc biệt phức tạp.

▪ Câu động từ và câu không động từ

Trong thông tin quảng cáo, sự tác động qua lại của dạng câu “động từ” và “không động từ” rất tinh tế.

Quảng cáo là một dạng truyền thông đại chúng nhằm mục đích thuyết phục. Bằng cách sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin quảng cáo tìm hình ảnh tới đối tượng là tập thể (toàn bộ xã hội hoặc một bộ phận nhỏ). Mục tiêu của quảng cáo là kêu gọi (kích động) hoặc chí ít cũng chuẩn bị một sự phản hồi ở phía đối tượng mà nó nhằm tới (phiếu mua hoặc phiếu bầu, thay đổi cách đối xử hoặc đơn giản hơn là thay đổi thái độ).

Người quảng cáo, không có bất cứ quyền gì đối với đối tượng quảng cáo, sử dụng nhiều cách khoa trương thuyết phục

dưới nhiều hình thức khác nhau. Vậy thì, người quảng cáo có thể tìm cách thuyết phục đối tượng quảng cáo (bằng một bài diễn văn hợp lý) hoặc làm cho đối tượng xúc động (bằng một bài diễn văn hợp tình).

Là một bài diễn văn có sức thuyết phục, quảng cáo cũng là một bài nói mang tính tư tưởng: quảng cáo tìm cách thuyết phục đối tượng về giá trị (chức năng hoặc biểu tượng) của vật cần quảng cáo. Quảng cáo cũng cố tạo thêm hệ thống giá trị của công ty cần quảng cáo và cũng góp phần giúp phát triển.

Việc lựa chọn kênh quảng cáo có những kết quả quan trọng về việc tổ chức thông tin. Về phương diện này thì áp phích quảng cáo cũng rất thú vị. Thiết lập thông tin quảng cáo ở đường phố khó hơn là vào phim ảnh: trước tiên áp phích phải thu hút sự chú ý của các đối tượng, tuy nhiên nếu nó đạt được điều đó thì sẽ không phải chỉ trong một giây. Quảng cáo không phải là ngôn ngữ dành riêng cho nói: nó được sử dụng để thể hiện sự kết hợp giữa các cách nói của động từ hay không động từ mà nó không tạo ra. Trong suốt lịch sử của quảng cáo, các bài quảng cáo tạo nên quy tắc vào lời dẫn riêng. Ngoài chức năng thuyết phục, quảng cáo trở thành một sự thể hiện đích thực của nền văn hoá quần chúng.

Biên giới của thông tin quảng cáo không thể thiết lập một cách chắc chắn. Để ảnh hưởng đến đối tượng, một vài dạng giao tiếp sử dụng đường vòng hơn quảng cáo theo nghĩa hẹp. Do vậy, các hoạt động nhằm trực tiếp với đối tượng lớn hướng tới những người cầm đầu quan điểm: một mặt hàng được biết đến nhờ hoạt động của mỗi quan hệ cộng đồng sẽ có thể ca ngợi giá trị của sản phẩm bằng cách so sánh và đáng tin hơn là bài này lại được phát biểu từ một bài quảng cáo công minh. Quảng cáo chỉ là một trong những yếu tố của chiến lược bán nói chung và đặc biệt là maketing bao gồm việc xác định đối tượng, giá cả và nơi bán hàng.

▪ Một vài hệ thống tín hiệu học

Đối với ngành tín hiệu học, những tương tác giữa các hệ thống tín hiệu là một lĩnh vực nghiên cứu đang trong thời kỳ

phát triển mạnh. Quả vậy, giao tiếp đại chúng giờ đây là giao tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Theo F. de Saussure thiên hướng của tín hiệu học là “nghiên cứu đời sống tín hiệu nằm trong đời sống xã hội”. Định đề này cho rằng ngôn ngữ tự nhiên không phải là công cụ giao tiếp duy nhất của con người: một môn học mới có nhiệm vụ miêu tả bằng cách gộp lại và đồng nhất các cách nói khác nhau có động từ hoặc không động từ, những cách nói này rập khuôn theo hình ảnh thể hiện (sự miêu tả), áp đặt và kích thích tư duy về những lĩnh vực mới có thể quan sát được mà chúng ta phải biết. Ngày nay, có thể một phần quan tâm của các nhà nghiên cứu về tín hiệu học gắn với vị trí to lớn của “không gian ngữ nghĩa” thông qua các cách nói, các cách nói này đề cập đến ngôn ngữ ở tất cả mọi mặt: truyền hình, điện ảnh, truyện tranh, kiến trúc, âm nhạc.

Trong thời kỳ đầu, dưới sự thúc đẩy phương pháp học của thuyết cấu trúc ngôn ngữ, tín hiệu châu Âu chú tâm biệt lập các yếu tố khác nhau tối thiểu, cấu thành nên ý nghĩa mà tổ hợp của nó phải cho phép miêu tả một cách khoa học các tập hợp rộng lớn đầy ý nghĩa (như các văn bản). Phương pháp này được áp dụng riêng biệt vào các cách nói khác nhau đưa ra khái niệm về tín hiệu học “là khoa học nghiên cứu các hệ thống tín hiệu”. Nhưng công trình về ký hiệu học của nhà triết học Mỹ Charle Sanders Peirece cũng gần đúng với ý đồ này.

Dựa trên những quy tắc ngoài ngôn ngữ, tín hiệu học đã xác định đối tượng riêng của mình một cách nghiêm khắc và đã nới lỏng các quy tắc miêu tả. Để nắm được ý nghĩa của các tín hiệu, ký hiệu học đã phục tùng theo sức mạnh của kết cấu lý thuyết. Nhiệm vụ của ký hiệu học là vạch rõ các cấu trúc ý nghĩa khuôn mẫu hoá lời nói xã hội và lời nói từng con người dù các cách nói biểu hiện thế nào. Đi từ nguyên tắc ý nghĩa (có thể thiết lập lại từ các câu đầu) bị tinh lược rộng rãi, các nhà tín hiệu học đã tiến hành phân quyết định tạo nên từ các tầng nghi thức; những cấu trúc quan hệ từ sự khác nhau và sự phụ thuộc tạo nên trung tâm phát sinh ý nghĩa và xác định các sơ đồ đọc. Sự năng động của các cấu trúc này được ghi

trong các khuôn mẫu tự sự hình thành định hướng và kết thúc các bài nói (bài diễn văn) thông qua việc tìm kiếm, thoả thuận và chống đối của các tác giả. Cách nhận trách nhiệm bởi các người trình bày chủ đề (là các người sản xuất và người phiên dịch) cùng một lúc nói ra sơ đồ của việc thể hiện (nghệ thuật tạo hình, ngữ điệu, nhịp điệu) và của nội dung (có nghĩa bóng hay không) xác định các hình thức giữa hai đối tượng với nhau cho dễ đọc, dễ nhìn và dễ nghe. Quan điểm này được trình bày một cách đặc biệt ở pháp bởi các công trình của A.J. Greimas.

Người ta không thể tin tưởng vào hiệu quả xã hội của các bài diễn văn trong lĩnh vực ngữ học hoặc là nghệ thuật mà không cân nhắc đơn vị tổng hợp của các cách nói khác nhau thông qua đó thực hiện được truyền thông đồng nhất bằng nhiều phương tiện.

▪ Những ngôn ngữ trên thế giới

Có rất ít quốc gia thực sự thuần ngữ: chẳng hạn như 2 nước Triều Tiên, Bồ Đào Nha hay Ailen. Nói chung, nhiều tiếng nói cùng tồn tại trong một nước: tiếng Anh trong 80 nước (trong đó 45 nước sử dụng là ngôn ngữ chính) Tiếng Pháp trong 50 nước (trong đó 32 nước là nước chính) hoặc còn có tiếng Xuahêli được sử dụng khoảng trong 10 nước.

Thực ra, 5 thứ tiếng được sử dụng nhiều nhất đã chiếm gần nửa dân số thế giới, dù cho có đến 6000 ngôn ngữ hay phương ngữ (nhưng chỉ có 185 tiếng ở Châu Âu). Bộ Kinh tân ước và Kinh cựu ước (hoặc một vài trích đoạn) được dịch sang hơn 1000 thứ tiếng và rất phong phú.

Tất cả các dữ liệu thống kê liên quan đến những người sử dụng ngôn ngữ thì gần giống nhau bởi rất nhiều lý do: việc ghi chép khó khăn, các câu hỏi khó hiểu, những quan ngại về mặt chính trị về việc giảm thiểu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, quy chế không chính xác về việc biết một ngôn ngữ thứ 2, các tình trạng sử dụng song ngữ hay đa ngữ không ổn định, sự có mặt của các ngôn ngữ pha tạp hay các ngôn ngữ làm phương tiện.

Hai mươi ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất như những tiếng mẹ đẻ và một vài thứ tiếng khác trong đó vai trò ngôn ngữ phương tiện (tiếng Anh, Pháp, Nidi-Urdu, Malaixia-

Indonêxia) được chia ra: tiếng Trung Quốc một thế giới người; tiếng Anh 450 triệu, tiếng hindi - urdue 350 triệu, Tây Ban Nha, Nga (cả phương ngữ) từ 250-300 triệu, tiếng A Rập, Bồ Đào Nha, Pháp, Bungari từ 150 - 200 triệu, tiếng Mã lai- Ấn-đô, Nhật, Đức 80 - 120 triệu. Một trăm thứ tiếng được sử dụng nhiều hơn chiếm 95% dân số thế giới và gần 200 thứ tiếng được ít nhất là 1 triệu người sử dụng

▪ Hệ thống phân loại ngôn ngữ

Việc phân loại hàng nghìn ngôn ngữ trên thế giới có thể phụ thuộc vào lịch sử (mặt di truyền), vào hoạt động của tín hiệu học (mặt loại hình học) hoặc là vào không gian (mặt khu vực).

Ngôn ngữ học phát sinh có ý nghĩa khôi phục lại lịch sử ngôn ngữ bằng cách tiến hành so sánh số 2 cho biết sự giống nhau trong những ngôn ngữ ấn-Âu: 2-số hai (tiếng Việt), deux (tiếng Pháp), two (tiếng Anh) zwei (tiếng Đức), dovon (tiếng Britagne), dio (tiếng Hi Lạp hiện đại), dva (tiếng Nga), doi (tiếng Bengali) đối với các kaksi (tiếng Nhật) và roa (tiếng Manga). Những luật tương ứng được thiết lập cho phép suy ra tính cân đối trong sự phát triển: pater- father-pedar; mater-mother- madar, frater- brother-baradar (tiếng Latinh- tiếng Anh- tiếng Ba Tư). Trên cơ sở mất dần theo thời gian sự giống nhau về từ ngữ giữa các ngôn ngữ, người ta cũng đã có ý định ấn định ngày cho thời kỳ phân chia. Vì vậy, giữa tiếp Pháp và tiếng Tây Ban Nha có sự giống nhau giữa “main” và “mano”, “doigt” và dedo, nhưng không phải là “tête” và “cabeza”, “épaule” và “homo” dù rằng các từ gốc có một nghĩa khác nhau (tiếng Tây Ban Nha “testa”, là một công việc cao quý, tiếp Pháp “chef”).

Mức độ hiểu biết và miêu tả ngôn ngữ rất khác nhau. Tiếng ấn-âu sử dụng kiểu mẫu lấy từ sự phong phú của tư liệu trong không gian và thời gian. Trong các tình trạng ít thuận lợi, các giả thiết được trình bày như việc nhóm tiếng Basque và ngôn ngữ vùng Cápcá hay tiếng Nhật Bản với tiếng vùng Altai. Một lĩnh vực lớn về nghiên cứu (được mở ra) đang bỏ ngõ.

Ngôn ngữ học loại hình phải kể đến tập tính các yếu tố ngôn ngữ. Mặc dù mỗi ngôn ngữ có thể sử dụng các tiền tố khác nhau, nhưng người ta phân loại ngôn ngữ theo đặc trưng của vài ngôn ngữ. Các việc về ngữ âm, vần luật, cú pháp từ vựng đáng phải nhớ nhưng những ví dụ nêu ra đây chỉ nói về hình thái kết hợp để minh họa các kiểu lớn.

- Biến tố bên ngoài; mu- nta= “homme”, ba-ntu “homme”; le bois, les bois

- Biến tố bên trong: trinken- trank-getrunken (boire-but-bu” (tiếng Đức); katuba- bitab-kutub-kātib “il ecrivit- livre-livres-ecrivain” (tiếng Ả Rập).

- Sự chấp dính: ev-ler-im-den (maison- số nhiều- sở hữu - của) “de mes mousons” (tiếng Thổ Nhĩ Kỳ); retro-pro-puls-euv-s”

- Sự hỗn nhập: Haupt-bahn-hof (đầu - đường - sân) = “gare centrale” (ga trung tâm) (tiếng Đức); rén-kōu (homme-bouche) = “population” (dân số) (tiếng Trung Quốc)

- Phân tích: je lis trở thành je n,ai pas encore pu finir de la lire.

Tiêu chuẩn cổ điển của việc phân loại là trật tự của các yếu tố “chủ ngữ (S) - động từ (V) - bổ ngữ (O). Sáu việc kết hợp được công nhận nhưng S-V-O và S-O-V là các chuẩn mực của 1/3 các ngôn ngữ, V-S-O là 1/6 điều đó đánh dấu xu hướng đặt ngữ lên trước bổ ngữ. ở đó còn phải nói đến sự áp đảo bởi vì theo các điều kiện về cú pháp hay ngữ nghĩa, trật tự này có thể thay đổi trong cùng một tiếng.

Ngôn ngữ học phân vùng nghiên cứu sự mở rộng một hiện tượng trong không gian độc lập với các biên giới về phát sinh hay về hình thái. Vì vậy, người ta quan sát sự tồn tại của các nguyên âm trước tròn môi “u” hoặc “eu” (tiếng Pháp: mur, peu, peur) trong về tiếp tục đến từ phương ngữ vùng Basque ở Nancy và ở phần Lan thông qua tiếng Pháp, tiếng Đức và ngôn ngữ vùng Scandi-navi. Một mạo từ xác định được đặt trước danh từ xuất hiện ở tiếng Anbani, tiếng Roumani, tiếng Bungari và tiếng Mac-xê-do-nia. Hiện tượng này đôi khi được lý giải bởi các tầng nền (là các ngôn ngữ cổ được sử dụng ở địa

phương) và thường là bởi những tiếp xúc ngôn ngữ, điều đó tất phải có những pha trộn về dân cư trên thời gian dài và trong điều kiện thuận lợi với người sử dụng song ngữ.

▪ **Chữ viết**

Cần phải phân biệt giữa kiểu chữ viết và hệ thống chữ viết. Tiếng Pháp, Nga hay tiếng Hilạp đều có cùng kiểu sắp thứ tự chữ cái (nguyên âm và phụ âm) nhưng có ba kiểu cách viết khác nhau dù là gần giống nhau (m, M.).

Tiếng A Rập phân biệt phụ âm, bán phụ âm với các nguyên âm ngắn thường là không được chép thành chữ và được người đọc tái tạo lại, ví dụ: cách viết tắt M.lle ở tiếng Pháp đọc là “Mademoiselle” và bldg trong tiếng Anh được đọc là “building”. Tiếng “hindi” được viết theo từng âm tiết ví dụ như: i-ma-gi-né. Tiếng Trung Quốc thì được viết một cách tổng thể ở mức độ là một từ độc lập, hay là “hình vị”, bằng một chữ” ghi trong ô vuông.

Khi chuyển một ngôn ngữ nói sang dạng viết người ta có thể ưu tiên cho một trong 2 cấu thành của ký hiệu ngôn ngữ: biểu hiện âm thanh (cái biểu đạt) hay thông tin về ngữ nghĩa (cái được biểu đạt). Các hệ thống ngữ nghĩa có thể biểu thị một giai đoạn hay một thông điệp hoàn hảo hoặc một yếu tố từ vựng (từ hoặc hình vị) như ở tiếng Trung Quốc. Từ đường nét ta cũng hiểu được chút ít về nghĩa và cách phát âm của địa phương: “núi” tiếng Trung Quốc là “shān”, tiếng Nhật “yama”; 3 “***” Tiếng Pháp là (trois) tiếng Phần Lan là “kolme”. Ngược lại, những hệ thống ngữ âm chỉ dẫn ngay (lập tức) về sự phát âm “crichtorite” nhưng liệu họ có biết đó là một loại khác nhau tùy theo tập quán từng địa phương: case là /kaz/ trong tiếng Pháp (“nhà”) là /keiz/ trong tiếng Anh (“trường hợp”) và là /kase/ trong tiếng Tây Ban Nha có nghĩa “đám cưới” được chia ở Subjontif (giả định cách). Bảng chữ cái được thành lập dựa trên yếu tố nhỏ nhất mang nghĩa: fou, pou, mou, sous, loup, vì vậy sách học vẫn trình bày lại lớp ngữ âm nhỏ nhất hoặc là theo cách tổng thể hoặc là theo cách phân tích (tiếng Hàn Quốc).

Động cơ lịch sử của các “cái biểu đạt” có thể có thực và tự nhiên. Người ta có thể đi theo sự tiến triển đang có xu hướng

xoá mờ động cơ này qua những ký hiệu ghi ý Trung Quốc hoặc các chữ trong bảng chữ cái của các chữ tượng hình.

Mỗi quan hệ “âm/chữ viết” nói chung là không hoàn hảo. Người ta gặp hiện tượng đồng âm (một cách phát âm nhưng nhiều cách viết) trong tiếng Pháp /set/ (sept, cette, sète) và hiện tượng cùng chữ (một cách viết nhiều cách phát âm) trong chữ “fils” (là /fils/ hoặc/fist/).

Năm hệ thống chữ viết lớn hiện nay được sử dụng: chữ viết latinh (2tỷ người dùng), chữ Trung Quốc (1tỷ người) chữ Phạn (chữ Nagari) chữ kiri và chữ A Rập (hàng trăm triệu người). Những chữ viết này từ chữ Trung Quốc đều có cùng nguồn gốc sâu sa. Các chữ viết khác hoặc pha trộn từ chữ này sang chữ khác (ví dụ chữ “kana” của Nhật) hoặc biến thể hoặc là liên quan đến số dân đang giảm dần.

▪ Các kiểu chữ viết.

Các chữ viết có xu hướng thích ứng với những đặc điểm riêng của ngôn ngữ mà chúng thể hiện. Chữ viết phát triển chậm hơn nói.

Giữa kiểu chữ viết và cấu trúc ngôn ngữ sử dụng kiểu chữ viết ấy thường có một mối liên hệ tự nhiên mặc cho những đảo lộn của lịch sử. Chữ cái Trung Quốc là một khối thống nhất về ngữ nghĩa và ngữ âm, giải thích rõ từ vị của ngôn ngữ. Việc kết hợp giữa các chữ cái tạo nên sự phong phú của ngôn ngữ, từ đó xuất hiện các nhóm từ hai thành tố (chẳng hạn: miệng + tai = sự nói xấu). Trong tiếng Xêmit - thứ tiếng có gốc phụ âm từ vựng và có các dạng thức nguyên âm theo chức năng ngữ pháp, chữ viết viết theo sự phân biệt này ưu tiên hơn cho các phụ âm. Những chữ viết có ngữ pháp phong phú thì khó viết hơn, với một bảng chữ cái hay một cuốn sách học vắn như tiếng Nga, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Xuahêli, tiếng Eskimo và tiếng Kana Nhật Bản. Nghĩa của chữ viết đi từ trái sang phải trừ chữ viết của người Do Thái A Rập và từ cao xuống thấp đối với tiếng Trung Quốc, Mông Cổ, Nhật Bản.

Chữ viết La tinh được sắp xếp theo hướng chữ cái trong quy tắc riêng của nó, nhưng sự tương ứng giữa chữ cái và âm thanh thì không ổn định. Người ta thấy một chữ có nhiều cách

phát âm (notom, notions) và một âm có nhiều cách viết (eau, haut, au, os). Vì có rất nhiều ngôn ngữ sử dụng chữ cái Latinh nên người ta phải thêm vào các yếu tố phụ để tạo ra nét chính tả riêng cho ngôn ngữ của mình, chẳng hạn: dấu “^”, “~” “/” trong tiếng Pháp, dấu “..” trong tiếng Đức hay tiếng Thụy Điển, dấu “~” trong tiếng Tây Ban Nha...

Bảng chữ cái tiếng Kirin phát sinh từ tiếng Hilap, đầu tiên được sử dụng cho các dân tộc chính thống. Tiếp đó được sử dụng trong toàn bộ các ngôn ngữ không thuộc vùng ấn -Âu (ngôn ngữ vùng Cápcá, vùng Phần lan- Hungari, vùng núi Antai, với rất nhiều sửa đổi và thêm thắt vào chữ viết.

Chữ A rập gồm 28 phụ âm và các ký hiệu thêm vào cho phép ghi chép những nguyên âm rút gọn và sự lặp phụ âm đối với kinh văn và với các cuốn sách dành cho việc học địa lý. Trong các trường hợp khác nhau người đọc phải biết đầy đủ ngôn ngữ để có thể đọc đúng ngôn ngữ đó. Bảng chữ cái A Rập được sử dụng, nhất là trong khu vực hồi giáo để ghi chép các ngôn ngữ Thổ Nhĩ Kỳ, Iran (tiếng Batư, Cuadixtan) và các ngôn ngữ Châu Phi (tiếng Xuahêli, yoruba, pơn, haousa...)

Chữ viết Ấn Độ phát sinh từ tiếng “brahmi” có dáng uốn nắn ở phía bắc (chữ phạn) và nét tròn hơn ở phía nam bao gồm cả chữ Đravidá. Mặc dù có vẻ cùng ngữ hệ nhưng rõ ràng chúng rất khác nhau và bắt nguồn từ các chữ viết phương Đông khác (tiếng Tây Tạng, tiếng Thái, tiếng môn Khme).

Chữ viết Trung Quốc hình thành trên những ký tự riêng, trong đó cấu thành của nó có thể là một yếu tố định rõ về ngữ nghĩa (chữ tượng hình /// = “sông”), là nhân tố phân loại ngữ nghĩa, hay là sách chỉ dẫn ngữ âm. Sự tạo thành có thể tổng thể (mặt trời “rì” + mặt trăng “yùè”= ánh sáng “ming” hoặc chi tiết (lửa “hũo” theo cách viết hay là cách phát âm đều nằm trong chữ “diêm”. Sách chỉ dẫn ngữ âm hướng về việc phát âm các chữ: chữ “mồ hôi” bao hàm yếu tố “nước” và chữ “bảo vệ”, (được phát âm là “gã”) chữ này âm thị việc phát âm chữ “hãn” trong tổng thể. Nguyên tố urani được phát âm trong tiếng Anh bởi chữ đầu là /you/ cũng đã được dung nạp vào tiếng Trung Quốc. Chữ này được tạo ra bằng cách kết hợp

giữa yếu tố ngữ nghĩa “jūa” kim loại và thành phần ngữ âm “you”.

Chữ Nhật Bản thể hiện mối liên quan chặt chẽ giữa loại hình ngôn ngữ và việc thể hiện bằng chữ viết. Từ vựng tiếng Nhật chủ yếu được vay mượn từ tiếng Trung Quốc, nhưng về ngữ pháp, nó sử dụng hệ thống phát âm của chữ “kana”. Sự chênh lệch giữa nói và viết có thể biến đổi đáng kể từ vựng vay mượn tiếng Anh “ought” (ôt) hay từ tiếng Pháp “haie” (ê) sang tiếng Tây Ban Nha “estupulbas” tất cả đều được phát âm. Rất nhiều sự cải cách muốn làm giảm những khoảng cách này (trong tiếng Anh “through” được viết “thru”).

▪ Chữ viết và xã hội.

Chữ viết đóng vai trò văn hoá, xã hội hoặc rất quan trọng trong các nền văn minh theo thời gian.

Ở châu Phi, những ý tưởng ghi lại lời nói bằng chữ viết đã có trước thời kỳ thuộc địa (chủ yếu lấy chữ A rập). Unesco góp phần vào việc thống nhất các chữ viết Latinh, mỗi nước sử dụng chúng với những đặc điểm ngôn ngữ riêng. Trong các trường hợp khác, một chữ viết được tạo ra hoặc từ những khuôn mẫu tạo ra hoặc những khuôn mẫu tồn tại trong thế giới cũ (tiếng Acmêni, tiếng Giêoócgi) hoặc từ những nguyên tắc phân tích sự cấu âm: bảng chữ cái Hangūl của Triệu Tiên. được tạo ra ở thế kỷ XV thuộc dạng hình chữ viết toát lên phương diện của sự cấu âm.

Người ta có thể thiết lập nên sự tương quan cân đối giữa hệ thống chữ viết và phần phụ thuộc phát sinh của ngôn ngữ. Chữ Trung Quốc không được sử dụng ở tiếng Tây Tạng, cùng họ nhưng tiếng Nhật vay mượn có nguồn gốc hoàn toàn khác nhau. Chữ Kirin không phải là chữ Phần Lan hay Séc mà nó được áp dụng vào ngôn ngữ không thuộc nhóm Slavơ ở Liên Xô và các nơi khác. Trong trường hợp của tiếng Serbi-Croatias và người Serbi chính thống viết bằng chữ Kinvin còn người Croatia theo Đạo Thiên chúa thì viết bằng tiếng Latinh.

Sự ước ao nói chuyện về tôn giáo đóng vai trò chính trong việc truyền bá chữ viết (chữ viết A rập trong các đất nước Hồi giáo). Ngày nay, những người nói tiếng Ấn Độ ở châu Mỹ La tinh đang thực hiện quá trình La mã hóa hoàn toàn. Vào thế kỷ XIX, đã có những cố gắng về việc sao chép nguyên bản, ví dụ như những cuốn sách học vần của người Evan đối với sự sáng tạo của Canada và của người Ấn Độ Sequoya đối với tiếng “cherokee”.

Cùng một ngôn ngữ có thể được viết bằng nhiều hệ thống chữ viết vì lí do chính trị lịch sử. Ví dụ tiếng “hindi” và “undu” hay tiếng Cuadixtan được viết bằng chữ Ả rập, La tinh hay Kiri là tùy theo từng vùng. ở Thổ Nhĩ Kỳ, quá trình tiến triển ngôn ngữ của vùng Kamal Atatürk mang lại kết quả thay thế chữ viết Ả rập bằng hệ thống chữ La tinh vào năm 1928. ở Trung Quốc, bên cạnh việc sử dụng chữ viết có nguồn gốc Trung Quốc, tiếng Zhuang (là tiếng Thái) sử dụng chữ viết Latinh vào năm 1957 và mượn một số ký hiệu Kiri để ghi chép giọng điệu. Từ 1958, tiếng Quan Thoại (tiếng phổ thông Trung Quốc đã La mã hoá, phiên chữ Hán sang chữ latinh hỗ trợ cho việc sao chép đối với những người không dùng chữ Trung Quốc và là trung gian có lợi cho việc xử lý các văn bản.

▪ Các trò chơi bằng chữ viết.

Các chữ viết tay trong thời gian qua, cho phép thực hiện các kiệt tác về sách viết. Kỹ thuật hiện đại không thể làm quên được sự quý giá này.

Nếu chữ viết là phương tiện cố định lời nói thì chữ viết cũng có thể là dịp làm vui mắt. Vì vậy các bản chữ viết tốt xuất hiện cũng có một vị trí quan trọng trong nền văn minh.

Chữ viết Ả rập theo kiểu viết thảo đã trở thành tác phẩm nghệ thuật và được dạy trong các trường dạy các người viết chữ đẹp ở các nước khác nhau trong vùng Cận Đông.

Chữ Trung Quốc cho ta một cách nhìn khác. Mỗi chữ trở thành một bức tranh dưới ngòi bút của người nghệ sĩ. Henri Michaux cảm nhận thật hoàn hảo sự tế nhị của nghệ thuật này: “Thật như thiên tạo, ngôn ngữ ở Trung Quốc khơi gợi thị giác nhưng không quyết định thị giác. Cú pháp tối giản mở

đường cho sự phỏng đoán và thơ ca. ý tưởng rút ra từ nhiều mặt. Chữ viết mở ra trên nhiều phương diện”.

Cuối cùng, chữ ký xuất hiện như một tiếng vang về chữ viết của con người không có mối liên hệ cần thiết với tên của chính nó.

▪Tiếng Anh

Từ hàng thế kỷ nay, tiếng Anh trải qua 3 thời kỳ: tiếng Anh cổ thời kỳ chinh phục Normandie, tiếng Anh bình thường ở thời phục hưng và thời kỳ cải tổ rồi đến tiếng Anh hiện đại. Thâm nhập vào Anh quốc vào thế kỷ V bởi quân xâm lược đánh đuổi quân Celtes, tiếng Anh - ngôn ngữ ấn - Âu thuộc dòng Germani - phải chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp dưới thời vua Nomandis. Việc sáng tạo ra nghề in đã mang lại cho tiếng Anh thế mạnh riêng.

Là ngôn ngữ đầy sức sống, tiếng Anh không bao giờ phục tùng một viện hàn lâm nào mặc dù có một vài dự án vào thời kỳ tái thiết châu Âu. Sự độc lập này cho thấy vốn từ vựng tiếng Anh rất giàu, khoảng 500.000 mục từ so với 150.000 mục từ tiếng Pháp hiện đại. Tiếng Anh tự do hoàn toàn về cách sử dụng. Nó là sự kết hợp giữa tiếng Đức và tiếng Latinh, ví dụ: freedom, liberty, thỉnh thoảng với một sắc thái như ox (con bò trên đồng cỏ) và beef (thịt bò trên bàn). Tiếng Anh có những chức năng rất linh hoạt cho phép tạo ra những cấu trúc khác nhau, ví dụ: to read a book (đọc một cuốn sách) và to book a room (đặt phòng); cú pháp và chia động từ rất đơn giản.

Những đặc trưng này làm cho tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thông dụng. Tiếng Anh mượn các ngôn ngữ “láng giềng” những gì mà nó không có như wurst và elite chẳng hạn, thích sự trình bày ngắn gọn của từ ghép: ví dụ: horse-race (ngựa đua), và race-horse (đua ngựa) và dùng đến những động từ ghép mà hậu từ của nó quyết định nghĩa: ví dụ: to walk up (đi lên) to walk down (đi xuống), tính từ và động danh từ cụ thể hoá ngôn ngữ này bởi sự đối lập đối với tiếng Pháp.

▪ **Không gian Anh ngữ.**

Trong 5 thế kỷ, từ một vài triệu người đến 300 triệu người với tiếng Anh, họ sử dụng tiếng anh như ngôn ngữ bản xứ trên tất cả các đại lục với những quy định khác nhau.

Đặc tính của tiếng Anh chứng minh sự thành công của nước Anh trên con đường mở rộng thuộc địa. Nếu vào những đất nước mà tiếng Anh được dùng chính thức thì số người nói thứ tiếng này phải xấp xỉ hàng tỷ.

Tự khẳng định mình ở đất mẹ, tiếng Anh là công cụ chính cho phép kẻ thống trị cai trị lãnh thổ có ngôn ngữ riêng của họ và hoàn thành nhiệm vụ tượng trưng bởi: “gánh nặng của người da trắng” của Kipling. Nó trở thành ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất trên thế giới và con số thống kê rất ấn tượng. Khác với tiếng Trung Quốc, tiếng Anh rất độc đáo là được sử dụng khắp nơi. Tính mềm dẻo và sự phóng khoáng trong “cách phát âm chấp nhận được” tạo điều kiện dễ dàng cho sự phát triển của tiếng Anh cơ sở. Dưới dạng các phương ngữ, ngôn ngữ thân mật, quần chúng và thậm chí là nói lóng, bên cạnh ngôn ngữ chuẩn mực, tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp ở Ấn Độ và ở một phần của châu Phi. Vì người ta ít đòi hỏi về chất lượng của ngôn ngữ nói, tiếng Anh không còn đóng vai trò phân biệt xã hội như ở thời trước năm 1939 nữa: ảnh hưởng từ Mỹ không có gì xa lạ, nó truyền bá các dạng thức tương tự nhanh hiệu như U-Drive (thuê ô tô không có tài xế: U- you, “tự bạn” và No- U- Turn (nửa vòng cấm).

▪ **Sự đa dạng của tiếng Anh.**

Tính chất của tiếng Anh gắn liền với sự rộng lớn của lãnh thổ, đã tạo điều kiện cho nó biến thể mạnh mẽ, đối tượng nghiên cứu là “sự đa dạng của tiếng Anh trên toàn thế giới”.

Đi từ Luân Đôn đến édimbourg, người ta nhận thấy những biến đổi về sự rút ngắn âm thanh và sự yếu đi của các nguyên âm đôi; rời “kake District”, người lữ hành lại thấy vùng hồ ở Êcôt. Dù khác nhau về từ vựng và phát âm nhưng người Anh, người Êcôt, người Galoa và người Ailen vẫn rất hiểu nhau.

Ở Mỹ, ngôn ngữ này làm tăng xu hướng ly tâm. Có 3 giai đoạn: kỷ nguyên thuộc địa, vẫn còn tiếng Anh, rồi đến giai đoạn tăng trưởng với sự nhập cư của người Ailen và người Đức và sau chiến tranh li khai là giai đoạn hiện đại, được đánh dấu bằng làn sóng nhập cư của người không thuộc cộng đồng Anh ngữ. Bên cạnh những sự kiện lịch sử này là tầm cỡ của lục địa, người ta biết sự phát âm khác nhau giữa Booklyn “New England” và “Deep South” nơi mà cách nói kéo dài tạo nên điệu chậm rãi bên cạnh ngôn ngữ của người da đen. Tiếng Mỹ mất đi trọng âm của ngôn ngữ gốc. Hollywood đã tạo nên giọng điệu riêng. Âm thanh trở nên ngắn lại và nguyên âm đôi thì yếu đi trong âm mũi, việc phát âm phụ âm “t” trở thành âm biến thành “d” trong khi âm “r” lại tạo nên đặc điểm riêng của tiếng Mỹ. Vốn từ vựng giàu lên nhờ các lớp từ ngoại lai: tiếng Ấn Độ (powwou- cuộc bàn cãi vô ích), tiếng Pháp (portage), tiếng Hà Lan (cookie). Ngày nay, những người nói tiếng Anh còn phải chịu sự xâm nhập của tiếng Tây Ban Nha. Vì không gì có thể chỉ ra được quy chế chính của tiếng Anh nên 17 nước đã ban bố các đạo luật để sửa đổi dưới sự xâm nhập của phong trào “ Anh Mỹ”. Việc nói 2 thứ tiếng bắt đầu từ bộ luật năm 1968 làm cho 17 % dân số phải chịu đựng và đến năm 1970 họ đã đưa yêu sách đòi hỏi được sử dụng một ngôn ngữ khác với tiếng Anh. Trước sự rệu rã của “meltingpot” – “nơi dung hợp các chủng tộc”, những người “Nativist” sợ rằng giữa các dân tộc thiểu số không hiểu nhau. Về lĩnh vực chính trị thì sự đối kháng này còn nguy hiểm hơn những bất đồng giữa tiếng Mỹ và tiếng Anh: chẳng hạn cùng có nghĩa là “xăng” nhưng trong tiếng Mỹ là petrol, tiếng Anh là gasoline, sự khác nhau giữa lift và elevator (cầu thang máy) hay là traveller,s cheque và traveler,s check; thỉnh thoảng điều đó dẫn đến những tình huống rất buồn cười như “second storey” (tầng 2) trong tiếng Mỹ là tầng một trong tiếng Anh, và người ta thích câu nói hài hước của B.Shaw: “Anh và Mỹ là hai nước được phân biệt bởi cùng một thứ ngôn ngữ”. Điều hài hước đó đã trở thành tội tộ trong chiến tranh thế giới II khi không quân cứu hộ trên biển (Air Sea Rescue) của Anh đi tìm một con tàu (ship) thì cùng lúc đó bộ chỉ huy Mỹ phát tín hiệu một máy bay bị bắn hạ.

Các nước tự trị cũ gốc Anh (Canada, Australia, New - zeland) cũng duy trì mối quan hệ với nước Anh. Về mặt địa lý cũng như về phát âm thì Canada là đoạn giữa giữa Anh và Mỹ: nó thỉnh thoảng còn phải chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp với đạo luật 101 của Québec quy định tiếng Pháp là ngôn ngữ chính thức của thành phố này (1974).

Còn về các nước châu Phi nói tiếng Anh, tiếng Anh được coi là ngôn ngữ thứ hai bên cạnh tiếng bản xứ. Tiếng Anh là ngôn ngữ phương tiện giữa các dân tộc như là tiếng Pháp trong vùng Pháp ngữ. Người ta phải giữ lại một khoảng ở Nam Phi nơi mà bên cạnh những người da đen, người da trắng được tạo thành từ những người châu Phi có nguồn gốc Hà Lan và từ người Anh chính gốc luôn theo dõi về vấn đề “cách phát âm phát sinh”.

Tiếng Anh xuất hiện ở vùng Caribê từ năm 1623, người Caribê thường xuyên đòi chủ cho nên ngôn ngữ thường phải chịu những tác động của nó và những tác động ấy trở nên phức tạp khi có thêm người nô lệ đến và ảnh hưởng của Mỹ.

▪ **Tiếng Anh - ngôn ngữ quốc tế.**

Tính quốc tế của tiếng Anh phản ánh sức mạnh kinh tế - chính trị của Anh và Mỹ.

Ở phần lớn các nước trên thế giới, trẻ em học tiếng Anh noi theo 83% thanh thiếu niên Pháp khi bước vào trường trung học. Thứ ngôn ngữ này đối với họ dường như một con át chủ bài cho tương lai nghề nghiệp của họ. Tương lai nghề nghiệp ấy theo xu hướng hiện nay sẽ gắn với những quan hệ với nước ngoài.

Tiếng Anh được sử dụng trong tất cả các thể chế quốc tế như Liên Hợp Quốc, Unesco, Cộng đồng kinh tế châu Âu (E.E.C), tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế châu Âu, Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch (GATT)... Một số thứ tiếng khác cũng được chấp nhận tuy từng cơ quan với những ưu đãi tương tự. Cộng đồng kinh tế châu Âu, theo những người dèm pha, có nguy cơ trở nên hỗn loạn khi tiếp nhận 9 thứ tiếng vì sự bình đẳng. Tiếng Anh vẫn là thứ tiếng nổi trội

nhưng chỉ được dùng trong những chữ cái đầu viết tắt cho các chương trình của Cộng đồng như: ERASMUS (European action scheme for Mobility of University Students – chương trình hành động châu Âu trợ giúp sinh viên đại học), hay COMETT (Community action programme for Education and Training for Technology).

Sự thống trị về kỹ thuật của Mỹ trong những năm chiến tranh đã được củng cố khi hoà bình lập lại. Duy nhất với những máy bay đang vận hành được chế tạo từ Mỹ, người ta đã quen chỉ sử dụng kỹ thuật Anh và thủ tục hàng không trên phương diện quốc tế cũng được thực hiện bằng tiếng Anh. Tương tự như vậy với những hội nghị khoa học, người ta cũng sử dụng tiếng Anh và chỉ nhường cho một số thứ tiếng khác vì phép lịch sự.

Trong lĩnh vực báo chí, truyền thanh truyền hình, điện ảnh với hiệu quả nghệ thuật và trong thể thao tiếng Anh có mặt và mở rộng ra khắp mọi nơi. Theo từng trường hợp, nó kết hợp với những từ ngữ bác học có nguồn gốc từ tiếng Hi Lạp hoặc tiếng Latinh cần thiết cho khoa học và cho y học. Có một giới khán thính rộng lớn, tiếng Anh mang chương trình quảng cáo đi khắp hành tinh và trợ giúp các ngôn ngữ chuyên ngành.

▪ **Ảnh hưởng của tiếng Anh.**

Tiếng Anh chấp nhận sự vay mượn nhưng nó cũng thâm nhập vào các ngôn ngữ khác. Sự ghi nhận này gợi lại lời cảnh báo của giáo sư étienne vào năm 1964 xung quanh vấn đề “từ ngữ anh trong tiếng Pháp”.

Ngay nay không người nào hỏi về cách sử dụng từ OK, hit parade hay là từ roc music. Phòng nhân sự của hãng hàng không dân dụng nói về “no show” hay “surbooking” không cần phải đắn đo. Một vài từ chuyển từ tiếng này sang tiếng khác phải chịu sự thay đổi một cách tự nhiên ví dụ như “fuel” và “gasoil” trở thành “fioul” và “gazole” trong tiếng Pháp. Tuy nhiên vấn đề nghiêm trọng hơn chỗ thay đổi về chính tả là việc chấp nhận một ngữ điệu mới. Ngôn ngữ là sự phản ánh đồng nhất sâu sắc đối với một dân tộc và áp đặt ngôn ngữ này

vào các ngôn ngữ khác có nguy cơ hình thành loại chữ nghĩa đa quốc gia về văn hoá mà ngày nay các dân tộc thiểu số ở Mỹ đều sợ: vô hình chung người ta có thể chuyển từ quan niệm nó là công cụ hoà nhập thành quan niệm là công cụ phục tùng. Làm như thế, tiếng Anh thiết lập lên những thủ tục hoặc những chuẩn mực mà cuối cùng là áp đặt cho người tham gia giao tiếp những thứ ngôn ngữ khác.

Các cơ quan chính của tiếng Anh (Anh-Anh cũng như Anh-Mỹ) như “British Council”, “United States Information Agency”, Uỷ ban Fulbright, Hội thảo Salzburg của Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ bằng cách làm cho việc tiếp cận ngôn ngữ trở nên dễ dàng. D.A.A.D hay “Deutscher Akademischer Austauschdienst” cũng như Alliance française (Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp) đóng vai trò tương tự nhau đối với tiếng Đức hay với tiếng Pháp.

Thực ra việc quay trở lại dùng tiếng Anh vẫn không thể làm lu mờ các ngôn ngữ khác trong các mối quan hệ quốc tế. Những người nói tiếng Anh dường như đều ý thức được điều đó. Vì vậy, khoảng 2/3 các công ty Anh giải quyết các công việc với nước ngoài đều bằng tiếng Anh sẽ cho xuất bản những cuốn sách ở ngôn ngữ của đối tác liên quan.

Tất cả những dự báo về tương lai của tiếng Anh sẽ bị chuyển hướng không cần công nhận hiệu lực của sự phát triển hiện tại của tiếng Anh. Tiếng Anh có thể sẽ bị một mối nguy hiểm trong chiến dịch “Plain English” hay “Nuclear English” đe dọa. Những chiến dịch này nhằm đồng hoá tiếng Anh. Tương lai của tiếng Anh không nằm trong ngôn ngữ “Liên hợp quốc” ít nhiều có pha trộn dù cho ảnh hưởng của nó từ trong lòng ngân ấy các cơ quan, nhưng trong đích thực, sự phản ánh xã hội đã nuôi dưỡng nó và giao tiếp qua vệ tinh có khả năng giúp chúng ta xích lại gần nhau.

▪ Tiếng Tây Ban Nha

Sự phát triển của tiếng Tây Ban Nha trên thế giới được quyết định bởi các sự kiện lịch sử vĩ đại, từ thời khám phá ra châu Mỹ (1492) cho đến thời bành trướng của cộng đồng người nói tiếng Tây Ban Nha tại Mỹ (từ thế kỷ XIX-XX).

Cuộc khủng hoảng về tư tưởng ngày nay có thể có xu hướng yếu đi đặc biệt trong bối cảnh mới của cộng đồng châu Âu, nơi tiếng Tây Ban Nha có thể chiếm được vị trí lựa chọn nhờ vào chính sách mở cửa mà nó áp dụng đối với các nước châu Mỹ, từ Hoa Kỳ đến vùng Đất lửa (Terre de Feu). Thực ra các nước thuộc cộng đồng người nói tiếng Tây Ban Nha phải đấu tranh rất khó khăn chống lại tiếng Anh vì vai trò tiềm ẩn của mình trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và họ phải dịch nhiều sang từ tiếng Anh sang thứ tiếng của họ.

Nhưng sự phong phú đa dạng của nền văn minh các nước nói tiếng Tây Ban Nha, bao gồm cả người Ấn Độ, người lai và cả người dân nhập cư khiến cho tiếng Tây Ban Nha có được một vị trí cao trong các lĩnh vực văn học và nghệ thuật (tiểu thuyết và thơ ca Tây Ban Nha và châu Mỹ La tinh).

▪ **Tình trạng ngôn ngữ ở Tây Ban Nha.**

Tiếng Castillan, kẻ chiến thắng trên phương diện chính trị trong những cuộc chiến thời Trung đại, chứng kiến sự tái sinh tính đối địch với những thứ tiếng láng giềng trong bối cảnh các cộng đồng tự trị ra đời từ hiến pháp năm 1978.

Bán đảo Tây Ban Nha – Bồ Đào Nha được chia làm 3 vùng ngôn ngữ tương ứng với sự tiến triển theo hướng Bắc - Nam trong công cuộc tái chinh phục lãnh thổ từ người A rập bởi các vương quốc theo đạo Cơ đốc vào thời Trung cổ: ở giữa là tiếng Castillan, phía Đông là tiếng “aragon” (vẫn còn một số dấu vết ở thung lũng Pyrénée) và phía tây là tiếng Lêon (phương ngữ vẫn còn đang được sử dụng), ở trung tâm thành phố Madrid, nơi hội tụ của các dân tộc khác nhau và ở miền nam xứ Andalouse, khu vực rộng lớn đặc trưng bởi các cách phát âm khác nhau và từ vựng thì khác với từ của vùng còn lại ở Tây Ban Nha. Do những lý do về lịch sử, ở khắp châu Phi, những hòn đảo Canari đều mang một vài đặc trưng khu vực Andalousie.

Mặc dù có sự khác nhau trong khu vực, tiếng Castillan vẫn là ngôn ngữ thống nhất. Viện hàn lâm ngôn ngữ hoàng gia đóng vai trò chính trong việc điều tiết nhờ việc xuất bản

các cuốn sách ngữ pháp khác nhau và nhờ các cuốn từ điển ngôn ngữ. Cuốn từ điển này luôn được sử dụng và trong những năm gần đây còn du nhập vào nhiều từ ngữ đặc Mỹ, điều mà nhiều người Tây Ban Nha có thể gặp khi đọc sách báo hoặc qua các phương tiện truyền thông theo sự yêu cầu của các viện hàn lâm của những nước nói tiếng Tây Ban Nha - Mỹ khác nhau. Cũng như phần lớn các ngôn ngữ khác tiếng Castillan chịu ảnh hưởng của tiếng Anh trong các lĩnh vực về khoa học hay thương mại (liter, estandar, với sự cố gắng bảo tồn những nét ngữ âm của vùng) và nó cũng chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp bởi lịch sử và địa lý (Champinon, Bulevar, Etiqueta).

Trong các tổ chức quốc tế (Liên Hợp Quốc, UNESCO) tiếng Tây Ban Nha cũng là một trong các ngôn ngữ chính thức. Về lĩnh vực khoa học, việc phát hành các cuốn sách gốc bằng tiếng Tây Ban Nha là rất ít, nhưng về khoa học kỹ thuật thì lại là những thế mạnh của tiếng Tây Ban Nha. Số sách dịch từ tiếng nước ngoài rất lớn.

Việc lựa chọn tên gọi của ngôn ngữ chính của đất nước Tây Ban Nha là đề tài cho nhiều cuộc tranh cãi gay gắt trước Quốc hội năm 1978. Từ “castillan” phù hợp với hình thái chính trị của đất nước ở thế kỷ XV và từ “español” là theo cái nhìn thống nhất tổng thể sau này. Một lời giải thích khá vụng về khi nói rằng “castillan” là tiếng Tây Ban Nha chính thức của quốc gia.

Tất cả các ngôn ngữ địa phương của Tây Ban Nha đã được kiểm duyệt chặt chẽ trong thời kỳ “Franquise” (chế độ Francô) nhưng thế chế 1978 đã công nhận chữ viết chính thức của họ trong cộng đồng tự trị sử dụng thứ tiếng này.

- **Tiếng Catalan.**

Năm 1982, ở Catalogne nổi lên chiến dịch về “chuẩn mực” thông qua báo chí, phát thanh, điện ảnh với triển vọng là tiếng Catalogne cùng tồn tại với tiếng Tây Ban Nha (Español). Các thực đơn ở nhà hàng đã phải dùng 4 thứ tiếng (Trung Quốc, Anh, Castillan, và Catalan). Bộ luật về chuẩn hóa ngôn ngữ năm 1983 nghiêng về truyền thống lâu đời của

tiếng Catalan trong suốt những thế kỷ qua. La “Généralitat” đã tiến hành củng cố ngôn ngữ này trong việc giảng dạy bằng cách coi nó là ngôn ngữ bắt buộc. Ngay cả ở các trường đại học, sẽ khó khăn nếu như sinh viên không phải là người nói tiếng Catalan. Những con số thống kê chịu ảnh hưởng của niềm đam mê ý thức hệ ngôn ngữ này. Người ta có thể nói rằng từ 6-7 triệu người nói hoặc hiểu được tiếng Catalan dưới các dạng sau: tiếng Catalan miền đông (trong đó có Barcelona): 3,2 triệu; Catalan miền tây có tiếng vùng Andore và vùng Valencia: 2,2 triệu; catalan ở vùng bán đảo: 0,5 triệu, tiếng vùng Roussillon: 16.000, tiếng Catalan của vùng Alghero: 2000. Xứ sở của Valencia có xu hướng khẳng định tính đặc thù trong lối nói của họ so với lối nói của Barcelona. Trong khắp vùng Catalan, một kênh truyền hình phát chương trình đầy đủ bằng tiếng này không tính đến đài phát thanh, báo chí và rất nhiều tác phẩm văn học, văn hóa và khoa học khác.

- **Tiếng “Galicien” (vùng Galice).**

Là thứ tiếng La mã, theo lịch sử thì tiếng Galicien bắt nguồn từ tiếng Bồ Đào Nha, khi có luật về việc chuẩn hoá ngôn ngữ năm 1983, tiếng Galice bình đẳng với tiếng “castillan” trong vùng. Việc cùng nhau tồn tại của 2 thứ tiếng này cũng được áp dụng vào lĩnh vực hành chính và pháp lý cũng như trong lòng tiếng phim. Viện Hàn Lâm Galice sẽ quyết định về các chuẩn mực của ngôn ngữ bởi vì vùng này sử dụng tiếng địa phương rất nhiều và truyền thông không quá cũ để đối với nhu cầu khổng lồ đối với việc tạo ra từ vựng cho một thế giới hiện đại. Tiếng “galicien” được dân nông thôn sử dụng nhiều hơn thanh niên. Trong những thập kỷ gần đây, người Galice di cư rất đông, và ở nhiều nước châu Âu ngay cả ở Achentina, Uruguay, Venezuela hay Cuba, các trung tâm văn hoá xuất hiện. Người ta ước tính có khoảng 2 triệu người nói tiếng này. Một kênh truyền hình phát sóng bằng tiếng “galicien”. Là ngôn ngữ hiện đại có nền tảng là tiếng Bồ Đào Nha nhưng lại ảnh hưởng lớn ở tiếng “casitillan”.

▪ **Tiếng “basque”.**

Tiếng “basque” tạo nên một ngôn ngữ riêng biệt của hai bên sườn dãy núi Pyrénées, vùng đất này trước đây rất rộng (như địa danh Gascogne). Luật chuẩn hoá việc sử dụng tiếng euskara ước định từ 1982. Luật này quy định ngôn ngữ này được sử dụng chính thức ở ba tỉnh xứ Basque. Môn địa danh học được sử dụng song ngữ. (San Sebastian và Donostia). Việc giảng dạy tiếng basque là bắt buộc. Trên vô tuyến, kênh E.T.B phát toàn bộ chương trình bằng tiếng basque. Luật này quan tâm đến việc gìn giữ các phương ngữ khác nhau nhưng cũng phải thật cố gắng để đưa ra một chuẩn mực chữ viết chung không thể thoả mãn được ý thức ngôn ngữ của tất cả cộng đồng người nói tiếng basque. Năm 1986 một sắc lệnh nhằm xác định những đòi hỏi về mặt ngôn ngữ mà những công việc yêu cầu và tỷ lệ người nói tiếng basque trong vùng. Văn bản này cũng xác định 3 tỉnh: Álava: từ 0-20% (khoảng 2000 người) Vizcaya (Biscaye): 20-40% (200.000 người) Guipuzcoa: từ 40-60% (30.000 người) và còn có 5000 người ở vùng Navarre và gần 100000 người ở xứ sở Basque của Pháp. Vì vậy, năm 1980 chỉ 5% giáo viên biết tiếng Basque đến năm 1986 thì có đến 30%. Ngày nay người ta rất cố gắng trong việc phổ biến tiếng Basque (xoá mũ chữ, bài hát, các hội thảo khoa học bằng nhiều thứ tiếng).

▪ **Tiếng “Asturien”.**

Những thứ tiếng địa phương cũng mong muốn được công nhận đặc biệt là tiếng “asturien” (ở vùng Oviedo). Các quan chức địa phương khẳng định có 8,5 % dân số viết tiếng “asturien”, 2,6 % nói và 50% hiểu được tiếng này. Các tầng lớp trí thức đã tán đồng cơ hội phát triển của ngôn ngữ này nhưng người ta đã lập nên một viện hàn lâm ngôn ngữ asturien và chuyện kể, thơ ca cũng bắt đầu được viết bằng tiếng asturien.

▪ **Tiếng Tây Ban Nha ở châu Mỹ.**

Sự lai căng dân tộc và văn hóa Mỹ đã để lại dấu vết trong tiếng Tây Ban Nha.

9/10 dân số nói tiếng Tây Ban Nha sống ở châu Mỹ với khoảng 260 triệu người. Sức sống của các ngôn ngữ Anh đang rất lớn, nó tạo dấu ấn trong dân cư về phương diện ngôn ngữ và văn hoá; tiếng “quechua” (két-soa) là ngôn ngữ chính của Pêru từ 1975 tồn tại bên cạnh tiếng Tây Ban Nha. 8 triệu người (trong 5 nước) sử dụng ngôn ngữ này, và các thứ tiếng Maya, Guarani, Nahuatl, Aymaru và Otonu, mỗi tiếng có khoảng từ 1-2 triệu người sử dụng.

Được sử dụng trên một vùng rộng lớn kéo dài từ Texas đến mũi Horn, tiếng Tây Ban Nha không đồng nhất trên toàn bộ châu lục Mỹ bởi rất nhiều lý do: Những vùng thuộc địa rộng ra theo không gian và thời gian. (đảo Canari là trạm tiếp sức) tình hình dân cư Ấn Độ cũng khác nhau đáng kể, mối quan hệ đối với các chính quốc qua các cảng lớn nhiều hơn là qua các tỉnh lẻ; những dòng nhập cư đã làm cho một vài vùng quá tải (như Rio de la Plata). Điều đó dẫn đến một nền văn hoá chấp vá. Trên bản đồ, người ta phân biệt 4 vùng lớn, mỗi vùng có thể chia ra dễ dàng tùy theo những tiêu chuẩn cho trước.

Nền tảng Anh đang ít tác động đến ngôn ngữ ngoài từ vựng gắn với thực tế địa phương và số từ vay mượn này được các ngôn ngữ châu Âu giữ lại: ví dụ: tomate, cacao, cachuete, chocolat (các từ bắt nguồn từ “nahuatl” vigogne, alpaga, cordor, coca (bắt nguồn từ tiếng quechua) canot, cacique, savane, hamac (từ tiếng arawak) pirogue colibri, caiman (từ tiếng Caribê). Đôi khi các từ bắt nguồn từ các bán đảo cũng được giữ lại ở châu Mỹ nhưng có thay đổi về nghĩa: sacco để chỉ áo veston (như ở Canaries) vereda “đường” để chỉ vỉa hè. Những người nhập cư nhất cứ nhất từ Rio de la Plata (1,5 triệu người trong 1 thế kỷ) đã làm nổi bật ngôn ngữ bằng trọng âm và làm giàu từ ngữ bình dân. Vì vậy, mỗi vùng có những hiện tượng đặc thù riêng, như sự ảnh hưởng của tiếng Anh ở Mêhico người ta nói “rentar un cano” từ “rent a car” còn ở Tây Ban Nha người ta nói là: alquilar un coche.

Ngoài từ ngữ, người ta chú ý ngữ âm, nhiều cách phát âm không giống với tiếng Tây Ban Nha ở phía đông bán đảo (“ll” được phát âm là “y”, không có phụ âm câm khe răng như ở

tiếng Anh “thin”), bằng động từ ngôi thứ 2 số nhiều đối với cách đối xử thân thiện ở số ít (vos antas xuất phát từ cantais) hay là sự phát triển không thể dự kiến của những từ giảm nhẹ ngay cả đối với một phó từ như allá (ở “kia” thành allacito).

Tình trạng sử dụng song ngữ xảy ra thường xuyên trong vùng núi Andore (dùng tiếng Quechua và Aymara) và ở trung Mỹ (dùng các ngôn ngữ Maya, Chibcha, Aztéque, Otomi) các trung tâm văn hoá như Mexico hay Bogota và với những nơi nhiều khó khăn như Buenos aires hay Caracas đảm nhiệm việc phát hành các tác phẩm văn học và nghệ thuật. Châu Mỹ sử dụng tiếng Tây Ban Nha được biết đến nhờ các nhà thơ và các nhà tiểu thuyết: ngôn ngữ của họ cũng là thứ ngôn ngữ ấy, và chỉ khi tác giả bắt nhân vật nói hay là tuân theo những thực tế của địa phương thì từ ngữ, ngữ pháp và ngữ âm kiểu này mới xuất hiện. Sự trao đổi giữa thế giới cũ và mới tăng cường thì sự chia rẽ ngôn ngữ nói thêm.

▪ **Tiếng Tây Ban Nha trong phần còn lại của thế giới.**

Chính ở Mỹ sự thúc đẩy việc nói tiếng Tây Ban Nha là mạnh nhất, nó làm chuyển biến dần bộ mặt ngôn ngữ của đất nước.

Tiếng Tây Ban Nha có một vùng phát triển mạnh ở Mỹ, số dân nói tiếng Tây Ban Nha được ước tính khoảng 20 triệu người, chủ yếu ở California (Los Angeles, San Francisco), trong các bang ở gần Mêxicô (Texas, Nouveau- Mexique), ở Florida, ở cả Chicago và New York, một số ít ở Pennsy Ivanie và dài theo biển Đông. Trong 10 năm, các phương tiện truyền thông bằng tiếng Tây Ban Nha tăng gấp 2. Các kênh truyền hình nghiên cứu khả năng dịch đuổi bằng tiếng Tây Ban Nha từ nhiều chương trình khác. Số kênh sóng phát thanh bằng tiếng Tây Ban Nha tăng từ 100 đến 211 từ năm 1978 đến năm 1988. Tỷ lệ quảng cáo bằng tiếng Tây Ban Nha cũng tăng đáng kể và đây là ngôn ngữ được yêu cầu nhiều nhất trong giảng dạy của cả nước (trừ tiếng Pháp ở Louisinane và tiếng Nhật ở Hawaii).

Ở Philippine, tiếng Tây Ban Nha không còn là ngôn ngữ chính thức kể từ Hiến pháp năm 1986, không bắt buộc trong giảng dạy. Chỉ các sinh viên luật phải biết nó để có thể nghiên

cứu lịch sử các thể chế. Ngày nay chỉ 2% dân số còn biết đến ngôn ngữ này và báo chí bằng tiếng Tây Ban Nha đã biến mất.

Tiếng Tây Ban Nha là ngôn ngữ chính thức của vùng Ghinê xích đạo.

Ở châu Âu, sự di cư của những người Tây Ban Nha đến các nước châu Âu khác là rất chậm, nhưng con số đó ở Pháp vẫn còn cao (khoảng 400.000 người) và thế hệ thứ 2 thì dùng song ngữ.

▪ Tiếng Nga

Lãnh thổ Liên Xô cũ chiếm 1/6 diện tích đất liền: hơn 20 triệu km² gồm cả Đông Âu cũ, Trung và Bắc á.

Tiếng Nga là ngôn ngữ thông dụng của Cộng đồng các quốc gia độc lập SNG. Các quốc gia này đã được thừa hưởng hoàn cảnh lịch sử mà trước cách mạng 1917 đã khẳng định toàn quyền của nước Nga về các dân tộc thuộc địa của đế chế. Trong lịch sử văn hoá Nga, ngôn ngữ này là thuộc ngữ không thể tách rời đất nước, luôn luôn là đối tượng mà các nhà trí thức tôn thờ vì ngôn ngữ này luôn tiếp xúc với văn hoá Tây Âu, được nghiên cứu ở nước ngoài và nhất là ở Đức, và ở Nga cũng sử dụng 3 ngôn ngữ bậc thầy đó là tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Anh.

Đối với người Nga, bước chuyển từ ngôn ngữ dân tộc sang giai đoạn ngôn ngữ xuyên quốc gia như một phương tiện giao tiếp phổ thông đã diễn ra trong bước đột phá của lịch sử. Nhưng giai đoạn tiếp đó, tức là giai đoạn để tiếng Nga trở thành một ngôn ngữ quốc tế, không hoàn toàn đạt được. Cần phải phát triển việc giảng dạy tiếng Nga trên toàn thế giới. Điều đó chỉ có thể có kết quả từ sự thúc đẩy việc trao đổi với Cộng đồng các quốc gia độc lập.

▪ Không gian ngôn ngữ của tiếng Nga.

Có khoảng 130 triệu người nói tiếng Nga sống trên lãnh thổ ngoài vùng ngôn ngữ gốc. ở các giai đoạn khác nhau,

nhiều làn sóng người di cư đã ra khỏi đất nước, nhưng chúng cũng chỉ tạo nên một phần nhỏ cho cộng đồng ngôn ngữ Nga.

Tiếng Nga là ngôn ngữ được người Slavơ grand-ussiens sử dụng. Lãnh thổ gốc của Nga nằm trong khu vực mà bây giờ gọi là Liên bang Nga. Quốc gia này, thành lập năm 1991 nằm trong Cộng hoà xã hội liên bang Nga cũ, đã bảo vệ được biên giới bên ngoài do đó có diện tích nhiều hơn so với diện tích các quốc gia không phải là thành viên của Liên Xô cũ bởi vì nó bao gồm cả vùng Sibêri rộng lớn mà nước này chiếm được ở thế kỷ 15. Trên phương diện này, tính liên tục của lịch sử đã được bảo đảm và liên bang Nga đương nhiên là người thừa kế của đất nước và kể từ đó đế chế Nga rộng lớn được hình thành.

Lịch sử của đế chế Nga và Liên Xô đã ghi nhận, trong những giai đoạn khác nhau, những làn sóng di cư kể trên bởi các sự quấy rối mà nạn nhân trước cách mạng 1917 là các bè phái tôn giáo và sau cách mạng là những dấu vết hiển hiện. Để gợi lại các cộng đồng duy trì việc sử dụng tiếng Nga mặc dù trong tình trạng biến chất lớn, chúng ta cũng kể ra 2 trường hợp! ở Canada, trong vùng Prairie (cánh đồng cỏ) vẫn tồn tại các làng mạc lập nên bởi người “Doukhobors” hoặc là các chiến binh hóm hỉnh thuộc giáo phái dị giáo di cư khoảng năm 1898 với sự giúp đỡ của các tín đồ giáo phái hữu, bằng cách vứt bỏ các giáo điều.

Họ khước từ phần lớn những xã hội bó hẹp mà ở đó việc gia nhập quân đội là bắt buộc. ở Rumania vẫn còn tồn tại các “ổ” Lipovene mà tổ tiên của họ là các cựu tín đồ là người ly giáo vào thế kỷ VII liên kết với người Côđắc trong suốt các thế kỷ sau.

Các làn sóng di cư mới về phía các nước phương Tây đã không thành công trong việc tạo nên các cộng đồng ngôn ngữ thực sự. Tuy nhiên, ở Mỹ chẳng hạn, các công dân ở các thành phố lớn tuyên bố coi tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ (khoảng 3 triệu người).

▪ **Tiếng Nga trong ngôn ngữ Slavơ.**

Tiếng Nga là một ngôn ngữ Slavơ ở phía đông, là thứ tiếng cổ nhất được người Slavơ coi là thứ tiếng Slavơ cổ (hay là tiếng Bulgne cổ). Tiếng Nga hiện đại được tạo nên trên cơ sở phương ngữ Mátxcova, đã trở thành ngôn ngữ quốc gia vào thế kỷ XVII.

Tiếng Nga (đại Nga) được coi là tiếng Đông Slavơ bên cạnh tiếng Ukraina (tiểu Nga) và tiếng Bêlarút. Ba thứ tiếng này được phân biệt ở thế kỷ XIV. Người ta cho rằng ở thế kỷ XVI và XVII các nhánh ngôn ngữ khác nhau giữa Đông và Tây Slavơ. Bên kia sự khác nhau này một ngôn ngữ viết mà tất cả mọi người Slavơ đều hiểu đó là Slavơ cổ hay “Bungari cổ”. Chữ này được công nhận trong những công trình kiến trúc ở thế kỷ X, XI, phục vụ cho công việc dịch thuật những văn bản tôn giáo Hy Lạp được tiến hành bởi Constantille (Cyrille), Méthode, và những kỹ luật của họ khi những người Slavơ nhận lễ Bap-têm của Byzance. Hai bảng chữ cái, chữ Gia-gôn và chữ Kirin, đang được sử dụng. Sau nhiều cuộc cải cách, chữ này cũng luôn được người Slavơ chính thống sử dụng trong đó có người Nga.

Tiếng Nga hiện đại là kết quả quy tụ từ 2 ngôn ngữ: một là ngôn ngữ bác học “slavon russe” kế thừa tiếng Slavơ cổ, và ngôn ngữ kia là ngôn ngữ quần chúng đó là “tiếng Nga cổ” được tất cả người Đông Slavơ sử dụng. Với tư cách là ngôn ngữ quốc tế, tiếng Nga phát triển ở thế kỷ XVII trên cơ sở “tiếng địa phương” được sử dụng ở Matx-cơ-va, trung tâm của nước Nga sau này được tổ chức xung quanh Matx-cơ-va ngay từ thế kỷ XIV.

Tiếng Nga chỉ trở thành ngôn ngữ quốc tế bằng cách thoát khỏi sự biến đổi về hình thức, đặc trưng cho sự phong phú của tiếng địa phương. Tuy nhiên, ngày nay, thực tế của các phương ngữ đã rõ ràng: phương ngữ học hiện đại là một phần quan trọng của các hoạt động ngôn ngữ. Vì không thể xác định được giới hạn giữa các phương ngữ nên các nhà phương ngữ học lập luận theo hạt nhân và ngoại vi của các đường đồng ngữ bằng cách nhóm toàn bộ các phương ngữ thành 3 khu vực: Bắc, Nam và Trung.

Tiếng Nga, ngôn ngữ giao dịch của Cộng đồng các quốc gia độc lập.

Để trở thành ngôn ngữ tham chiếu, ngôn ngữ mẫu hình được đưa vào giảng dạy trong trường học và trong trao đổi phổ thông, tiếng Nga đã phải vượt lên nỗi trỗi so với thổ ngữ tiêu biểu về mặt xã hội hay nghề nghiệp.

Ở Liên Xô- nhà nước xã hội chủ nghĩa đa quốc gia, phải đồng thời khẳng định rằng phải có một ngôn ngữ có ưu thế thống trị mới bảo đảm được sự giao tiếp giữa tất cả các dân tộc và mọi ngôn ngữ dân tộc đều có chủ quyền. Trong số các ngôn ngữ bình đẳng về phương diện di truyền học (phương diện lịch sử) đồng thời tiến triển theo sự phát triển văn hoá của những dân tộc nói thứ tiếng ấy, tiếng Nga được xem như thứ tiếng thích ứng nhất với nhiệm vụ của ngôn ngữ xuyên quốc gia. Bởi vì “những chức năng xã hội” của nó nhiều hơn của các ngôn ngữ khác. Có thể tóm tắt quan niệm đó như sau: các ký hiệu tạo nên ngôn ngữ phải dễ hiểu như cái thay thế sự vật, ngôn ngữ, chủ yếu là từ vựng, có liên hệ trực tiếp với hiện thực. Như vậy, đối tượng tham gia giao tiếp phải có kiến thức ngoài ngôn ngữ. Chính vì thế nó đòi hỏi những người thông tuệ nhất trong số họ – các nhà ngôn ngữ học và các nhà văn, có nghĩa là những người đã làm chủ được ngôn ngữ, phải can thiệp vào sự phát triển ngôn ngữ để đạt được một sự thích ứng toàn diện giữa ngôn ngữ với thực tế khách quan.

▪ **Cơ chế đa ngôn ngữ, di sản của Liên Xô cũ.**

Chỉ 1/4 dân số không nói tiếng Slavơ và bảng chữ cái Cyrillique phiên âm cho phần lớn các thổ ngữ.

Cộng đồng các quốc gia độc lập sử dụng hơn 150 ngôn ngữ. Gần 130 triệu người nói tiếng Nga, 35 triệu nói tiếng Veraina và 7,3 triệu nói tiếng Bêlarút. Số dân còn lại chia thành các nhóm gồm nhiều dân tộc với các ngôn ngữ khác nhau, Cáp-ca-dơ là vùng phức tạp nhất. 17 dân tộc chỉ có từ 1 đến 10 triệu người, các dân tộc khác giảm xuống còn từ vài trăm nghìn tới vài nghìn. Sự phân bố ngôn ngữ và dân tộc rất đa dạng: một số người mang quốc tịch Liên Xô cũ tuyên bố tiếng Nga là

tiếng mẹ đẻ ngoài ngôn ngữ của họ. Dân cư vẫn pha tạp kể cả khi những biến động chính trị hiện nay kéo theo sự ra đi của người Nga thuộc các quốc gia mới thành lập (các nước thuộc cộng đồng các quốc gia độc lập).

Phần lớn các thổ ngữ đều thuộc ngữ hệ ấn - Âu. Ngoài các ngôn ngữ Slavơ ở phía đông, còn có tiếng Balte (không thuộc cộng đồng các quốc gia độc lập) và tiếng Iran (tiếng Tadjikixtan, tiếng “Ossete”, tiếng Kuadixtan” tiếng “tate”) bên cạnh đó là các thứ tiếng không có chữ viết: tiếng Moldavi tiếng ác-mê-ni-a được sử dụng ở ác-mê-ni-a, Nga, Azecbaizan, và ở Giê-oócgi, tiếng Yddish và tiếng tsigan (Digan) ở các cộng đồng bị tan rã. Các thứ tiếng khác là các ngôn ngữ turco-turtar, ngôn ngữ Mông Cổ (bouriate, kalmouk,) ngôn ngữ Fou-gu-zi- Mãn Châu, ngôn ngữ Cáp-ca-dơ, (Giêoócgi, Abkhaz, Adygúe, Chet-ni-a) ngôn ngữ Phần Lan - Hungari (Estonien, Komi hay Zyriane, Oudmourte) ngôn ngữ Samoyèdes và các tiếng nói châu á cổ. Một vài thổ ngữ trong số các thổ ngữ này không phải là ngôn ngữ văn học. Trong những năm 30-thời kỳ áp đặt quá trình Slavơ hoá, 40 thổ ngữ ở trung á và ở Cáp-ca-dơ cũng có hoàn cảnh tương tự, sử dụng bảng chữ cái A rập và tiếng Cyrillique (ngôn ngữ Slavơ). Chính việc lựa chọn bảng chữ cái đã phân biệt tiếng Moldavi (tiếng Cyrillique) với tiếng Lamã (tiếng Latinh).

Tiếng Nga bắt buộc phải sử dụng đối với tất cả mọi người dù trong các trường đại học đòi hỏi giảng bằng các ngôn ngữ quốc gia và dù tiếng Nga chỉ có trong các chương trình sau tiểu học. Điều đó muốn nói rằng tiếng Nga không được phổ biến ở mọi nơi: năm 1970, 58 triệu người Liên Xô cho biết họ không thông hiểu tiếng Nga một cách trôi chảy (nhất là ở trung á, ở ác-mê-ni-a, ở các nước xứ Balte và ở Moldavi).

▪ **Sự truyền bá và toả sáng của tiếng Nga.**

Tiếng Nga là ngôn ngữ văn hoá chính trị, nó ít được đưa vào chương trình giảng dạy trên thế giới.

Tiếng Nga đã được dạy ở nước ngoài, ở Pháp năm 1870, ở trường đại học Harvard của Mỹ vào năm 1896. Theo số liệu

thống kê của Nga, vào những năm 70 khoảng 20 nghìn người học tiếng Nga và khoảng 90 nước đưa tiếng Nga vào chương trình giảng dạy, huy động hơn 120 nghìn giáo viên (Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Bỉ, Canada, Ý, Cộng hoà liên bang Đức), cần trừ ra các nước “phía Đông” ở đó đôi khi tiếng Nga thường bị bắt buộc học trong chương trình tiểu học hoặc là ngôn ngữ đầu tiên tốt nhất đối với các cấp độ giảng dạy khác. Tiếng Nga ít được dạy phổ biến trên thế giới. Ngược lại, tiếng Nga là ngôn ngữ phát triển mạnh về khoa học được truyền bá rộng rãi trên thế giới, nhưng nó toả sáng gián tiếp nhờ có nền văn học phong phú. Đó là các tác phẩm tiểu thuyết cổ điển đã được nhiều nước trên thế giới biết đến, bên cạnh đó còn có thể loại kịch chẳng hạn như kịch của Ostrovski, tác phẩm quan trọng nhất, ít đến được với ai không biết lịch sử, những thông lệ của xã hội đương đại, thơ ca rất khó dịch. “Tâm hồn chết” của Gogol, “Chiến tranh và hoà bình”, “Anna Karenine” và các tiểu thuyết khác của L.Tolstoi, “Tội ác và trừng phạt” “anh em Karamazov” của Dostoievki “Oblomov” của Gontchorou, “bố và con” của Tourgueniev. Đây là tác phẩm được nhiều người hâm mộ. Thường thì họ đọc qua bản dịch.

Tiếng Bồ Đào Nha

Tiếng Bồ Đào Nha thuộc ngôn ngữ La mã, tương tự như tiếng Tây Ban Nha, Ý, Rumani. Nó gần giống với tiếng Tây Ban Nha về hình thái học, cú pháp và từ vựng nhưng lại rất khác nhau về cách phát âm. Tiếng nói ở tây bắc Tây Ban Nha được cấu thành từ thời cổ đại, một ngôn ngữ chung với ngôn ngữ Bồ Đào Nha. Ngày nay nó tạo thành nên một tiếng nói tự do.

Cũng như tiếng Tây Ban Nha, Anh và Pháp và Hà Lan, tiếng Bồ Đào Nha được phổ biến ra nước ngoài nhờ sự bành trướng của châu Âu. Nó cũng chiếm lĩnh một phần châu Á, một phần châu Phi và châu Mỹ: Braxin.

Vào thời kỳ giải phóng thuộc địa, tiếng Bồ Đào Nha tồn tại một cách khó khăn ở một vài nơi thuộc châu Á, nó duy trì như ngôn ngữ chính thức trong năm quốc gia mới châu Phi và

phát tán ngoạn mục ở Braxin. Vì thế đã hình thành “không gian ngôn ngữ Bồ Đào Nha”.

Trong quá trình lan truyền ra thế giới, tiếng Bồ Đào Nha đương nhiên bị đe dọa bởi sức mạnh hoà tan đang không ngừng tác động tới những thứ ngôn ngữ chung. Tiếng Bồ Đào Nha đã cho ra đời ở nhiều vùng thuộc địa châu Phi và một số nơi châu á nhiều thứ tiếng pha tạp là những ngôn ngữ mới được sinh ra trong bối cảnh thuộc địa và nô lệ. Nhưng chính sự lớn mạnh của Braxin vào cuối thế kỷ XX đã đặt ra cho tiếng Bồ Đào Nha vấn đề chính: tiếng Bồ Đào Nha được nhiều người sử dụng ở Braxin, ở đại bộ phận bán cầu nam hơn là trong bán đảo Iberique (Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha).

▪ **Không gian ngôn ngữ Bồ Đào Nha.**

Tiếng Bồ Đào Nha đã được sử dụng ở tất cả các thuộc địa, nó chiếm một vị thế thay đổi theo những điều kiện lịch sử thâm nhập của mình. Còn ngày nay sự di cư của người Bồ Đào Nha là một nhân tố truyền bá thứ ngôn ngữ này.

Ở Bồ Đào Nha (đất nước được tạo thành từ lãnh thổ châu Âu, quần đảo Madère và dãy núi Acores), tiếng Bồ Đào Nha là tiếng nói quốc gia. Biên giới chính trị của Bồ Đào Nha phù hợp hoàn toàn với biên giới được phân chia từ Tây Ban Nha. Giữa Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha không có vấn đề nảy sinh từ sự tồn tại của ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

Ở Braxin, nước thuộc địa Bồ Đào Nha từ năm 1500 và được độc lập năm 1822, ngôn ngữ này cũng là ngôn ngữ quốc gia. Tiếng nói của thổ dân da đỏ ở châu Mỹ ngày nay chỉ quan tâm đến những cộng đồng rất nhỏ. Con cháu của những người di cư đã đến đây từ thế kỷ XIX đặc biệt là người (và người Đức đã chấp nhận tiếng Bồ Đào Nha. Mối quan hệ và thế lực tác động lẫn nhau, giữa Braxin và các nước nói tiếng Tây Ban Nha, nó chỉ có nghĩa với vùng cực nam (biên giới với Uruguay và Aentina). Với 147 triệu dân cộng với tính năng động và tính hiện đại của nó, Braxin đã biến Bồ Đào Nha thành ngôn ngữ quốc tế.

Ở châu Phi, tiếng Bồ Đào Nha là ngôn ngữ chính trong năm nước cộng hoà độc lập từ 1974-1975: Cap-vert, Ghinê-Bitxô, São Tomé et Príncipe, Angola, Mozambique. Ngôn ngữ nói địa phương hoặc là ngôn ngữ Pha tạp (sinh ra từ tiếng Bồ Đào Nha nhưng ngày nay rất đa dạng) hoặc là ngôn ngữ châu Phi. Những “ngôn ngữ quốc gia này” được sử dụng ở Capvert, một tiếng nói pha tạp: ở Ghinê Bitxô tiếng pha tạp của 3 thổ ngữ, ở Angola, ngôn ngữ châu Phi, ở Mô-zăm-bích, ngôn ngữ châu Phi. Tiếng Bồ Đào Nha như là ngôn ngữ chính giảng dạy, hành chính, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng, và các mối liên hệ quốc tế. Những người nói tiếng Bồ Đào Nha rất ít (trừ vùng Cap-vert và các thành phố) và thường nói 2 thứ tiếng. Tiếng Bồ Đào Nha là ngôn ngữ chính của song ngữ.

Ở châu á, còn tồn tại vài quần đảo nói tiếng Bồ Đào Nha hoặc tiếng pha tạp, đó là ở Ấn Độ nhất là Goa, ở Srilanka, Melaka, Java và Macao.

Cuối cùng, dân cư ở nước ngoài (nhất là ở Đông Âu và Mỹ) tạo thành cộng đồng nói tiếng Bồ Đào Nha.

▪ **Sự đa dạng của tiếng Bồ Đào Nha.**

Ngày nay, tồn tại 2 chuẩn mực của tiếng Bồ Đào Nha đó là chuẩn mực của tiếng Bồ Đào Nha cổ và chuẩn mực Braxin.

Việc hợp pháp hoá chuẩn mực Braxin dần dần bị áp đặt và nó trở thành điều đương nhiên với chủ nghĩa hiện đại bắt đầu từ năm 1922 từ tuần lễ nghệ thuật hiện đại ở São Paulo. Châu Phi nói tiếng Bồ Đào Nha và các cộng đồng châu á tuân theo chuẩn mực tiếng Bồ Đào Nha cổ. Nhưng sự khác nhau này không ngăn được sự thống nhất văn bản: đối với những người phát ngôn, có hai sự khác nhau trong cùng một ngôn ngữ.

Về quan điểm ngữ âm, sự khác nhau quan trọng nhất liên quan đến các nguyên âm không có trọng âm: ở vị trí cuối cùng, “e” không mang trọng âm (ở Bồ Đào Nha) là một nguyên âm giữa được đọc lướt và khó nghe trong khi ở Braxin là (i) ví dụ: từ nome (“nom”= tên) phát âm (nôm) ở Bồ Đào Nha và phát âm (nômi) ở Braxin. Trước dấu trọng âm, các nguyên âm a, e,

và o được đọc lướt ở Bồ Đào Nha nhưng lại được đọc đầy đủ ở Braxin. ở đó, tiếng Braxin gần giống tiếng Tây Ban Nha.

Nhưng cũng chính hình thái học, từ vựng học và cú pháp học thay đổi giữa 2 nước: ví dụ người ta nói “cantamos” với “a đống” ở Braxin. Để nói “có”, tiếng Braxin có dạng “tem” mà tiếng Bồ Đào Nha “lusitanien” không có nghĩa này. Một vài sự đối lập về từ vựng ở thân từ: ví dụ: tàu hoả”: comboio (Bồ Đào Nha), tem (Braxin); “xe khách”: autocarro (Bồ Đào Nha), ônibus (B), “com lê”: fato (B), terno (B) “tiếng Braxin” mượn một số lượng lớn các từ tiếng Tupi - guarani, tiếng thổ dân da đỏ, ví dụ: “capim” (bãi cỏ) mingau (bột nhão) và rất nhiều thuật ngữ chỉ cây cối và con vật ở mỹ như “abaccaxi” (dứa) hay “tatu” (con tatu). Nó cũng mượn từ các ngôn ngữ châu phi ví dụ: moleque (gã) cacula (con út) cafuné (hành động gãi đầu khi buồn ngủ), orixá.

Cuối cùng, chính tả cũng không hoàn toàn thống nhất. Việc cải cách chính tả ở Bồ Đào Nha năm 1911 không được Braxin chấp nhận hoàn toàn, vì vậy, người ta viết “derector” “cómico” ở Bồ Đào Nha và “diretor” và “cômico” ở Braxin. Những cố gắng được thực hiện để xoá bỏ những khác nhau này.

▪ Sự đa dạng của tiếng Bồ Đào Nha cổ

Vào thời Trung cổ, ở Galice và Bồ Đào Nha người ta nói cùng một thứ tiếng. Trước đây sông Minhô nằm ở trung tâm ngôn ngữ chung Galice- Bồ Đào Nha. Được dịch chuyển tới phía nam đất nước nhờ công cuộc giành lại đất nước, tiếng nói chung này biến đổi trong vùng trung Nam (trục là Lisbonne-Coimbra) và trở thành tiếng Bồ Đào Nha. Bây giờ sông Minhô là biên giới phân chia hai thứ tiếng khác nhau.

Trong thực tế, ở Bồ Đào Nha không tồn tại các phương ngữ thực sự, có nghĩa là các tiếng nói cá biệt hoá chiếm những vùng địa lý nhất định (chỉ có) những sự khác nhau giữa từng vùng được phân biệt nhất là bằng những cách phát âm riêng. Theo chiều hướng từ nam ra bắc, những đặc điểm riêng này càng nhiều hơn. vì vậy, cũng như tiếng Pháp hay tiếng Ý,

tiếng Bồ Đào Nha chuẩn cũng chia thành 2 âm vị /b/(phụ âm hữu thanh môi-môi) và /v/ (phụ âm xát -môi- răng) ví dụ: trong từ “carbo” (“đầu nút”, “mũi tàu thuyền”) và từ “caro” (rồng, hồng). Đó là cách phát âm của cả vùng Trung Nam. Nhưng ở miền bắc, trong một vùng tương đương với hơn 1/3 đất nước, sự đối lập giữa hai đơn vị này là không có, như ở Tây Ban Nha chỉ có duy nhất phụ âm xát-môi-môi: trong phát âm không có gì có thể cho phép phân biệt giữa “cabo” và “cavo”. Giới hạn giữa hai vùng này là một đường quanh co đi từ bờ Đại Tây Dương đến miền tây vùng Coimbra thành hình chữ S và nối với biên giới Tây Ban Nha ở vùng Trastos - Montes. Có nhiều sự khác nhau về ngữ âm, ví dụ trong các tiếng nói của vùng nông thôn của một vùng khác ở miền bắc, giữa sự phát âm theo kiểu châu Phi (+ch) cho chữ viết là “ch” vì vậy “chave” (chìa khoá) được phát âm là (+chav) thay vì là (chav).

Ngay cả khi nghiên cứu hình thái học hay từ vựng học, người ta cũng không xác định được các phương ngữ thực sự.

▪ **Sự đa dạng của tiếng Bồ Đào Nha ở Braxin.**

Ở Braxin, cũng tồn tại một vài khác nhau theo từng vùng. ở vùng đông bắc, các nguyên âm trước trọng âm đều mở: ví dụ: “merecer” được phát âm là (merecer) ở Rio de Janeiro, những phụ âm “s” khép được đọc thành âm xuýt như ở Bồ Đào Nha, ví dụ: ascostas (vai) được phát âm (achcochtach) trong khi nó phải được phát là (ass cosstass). ở vùng Rio Grande de Sul các từ ngữ đặc Tây Ban Nha được sử dụng thường xuyên.

Những sự khác nhau theo chiều ngang còn ít hơn về “bề dọc” tương ứng với những trình độ văn hoá xã hội khác nhau. Các cán bộ Braxin nói một thứ tiếng thì đúng với chuẩn mực hơn là những người ở các tầng lớp khó khăn hơn họ nhất là với những cái liên quan đến hình thái học và cú pháp học. Vì vậy, ở tiếng Braxin thông dụng, cuvielle (đã thấy nó) thay thế eu-vi-o và ngay cả (sự chênh lệch được xem là nổi bật hơn so với cái có trước) “s” ở dạng số nhiều được gạch bỏ từ các từ xác định ví dụ “aca sa” (ngôi nhà) và số nhiều là “as casa”.

▪ **Sự đa dạng của tiếng Bồ Đào Nha ở châu Phi.**

Ở đây cũng có những sự khác nhau theo vùng. Tầng nền là các thổ ngữ hoặc ngôn ngữ châu Phi. Vì vậy từ “papier” (nói) và “musseque” (khu dân nghèo) là những từ đặc châu Phi, một từ bắt nguồn từ ngôn ngữ hỗn tạp Cap - verdien và từ kia là tiếng Kimbundu ở Angola.

▪ **Tiếng Bồ Đào Nha, ngôn ngữ của nền văn hoá.**

Sự có mặt theo địa lý của người Bồ Đào Nha trên nhiều lục địa và số người sử dụng tiếng Bồ cho thấy rằng ngày nay ngôn ngữ này là một ngôn ngữ văn hóa quốc tế quan trọng.

Trong 2 đất nước mà tiếng Bồ Đào Nha là ngôn ngữ văn hóa quốc gia - Bồ Đào Nha và Braxin- tầm quan trọng về mặt văn hóa của tiếng Bồ Đào Nha có thể được đánh giá theo sự phát triển của giáo dục và các phương tiện truyền thông. Các con số dưới đây liên quan đến những năm 1984-1987: trường tiểu học: ở Bồ Đào Nha có 12.741 trường với 1.238.000 học sinh, ở Braxin có 176.886 trường học với 647.000 học sinh ở Braxin có 9260 trường trung học cơ sở: ở Bồ Đào Nha có 1509 trường với 647.000 học sinh ở Braxin có 9260 trường với 3.016000 học sinh còn ở các trường đại học Bồ Đào Nha có 143 trường với 92000 với đăng ký và Braxin có 859 trường với 430.000 người đăng ký vào học. Có 1138 báo ra định kỳ ở Bồ Đào Nha và 1640 ở Braxin, nhưng phần lớn những tờ báo này xuất bản với một con số rất hạn hẹp (chỉ khoảng 3200000 tờ). Ngược lại, phát thanh và truyền hình Braxin phát triển đáng kể 1488 tần số đài so với 206 ở Bồ Đào Nha: rất nhiều mạng truyền hình mà mạng chính là Globo (46 kênh) và Bandeirantes (28 kênh) phát sóng 769.000 giờ mỗi năm. Truyền hình Braxin xuất khẩu các chương trình của mình.

Vì vậy nó cũng góp phần vào sự toả sáng của ngôn ngữ. Quy chế của tiếng Bồ Đào Nha cũng như của các ngôn ngữ văn hoá quốc tế được truyền đạt bằng nhiều cách. Tiếng Bồ Đào Nha được giảng dạy trong rất nhiều trường đại học ở nước ngoài, đặc biệt ở Pháp, ở Ý, ở Cộng hoà liên bang Đức, ở Anh và ở Mỹ. Và nó cũng được giảng dạy trong các trường trung

học cơ sở ở nhiều nước. Cuối cùng, tiếng Bồ Đào Nha cũng xuất hiện trong các tổ chức quốc tế: năm 1985, nó được coi là ngôn ngữ chính trong hội nghị của Unesco, cùng năm đó, Hội đồng kinh tế và xã hội đã yêu cầu công nhận ngôn ngữ này như là ngôn ngữ công việc của Ủy ban kinh tế châu Phi.

▪ Tiếng Đức

Tiếng Đức là ngôn ngữ viết tương đối chuẩn cho khoảng 100 triệu người trên 7 nước châu Âu, và bên cạnh đó còn cho các dân tộc thiểu số sống nhiều nơi trên châu Âu và những nơi khác. Nhưng những biến thể của ngôn ngữ nói thì rất khác nhau: các phương ngữ rất linh hoạt trong toàn bộ các lĩnh vực và không chỉ ở nông thôn: một số lớn người nói tiếng Đức nói 2 thứ tiếng thậm chí 3 thứ tiếng và chỉ để hiểu chúng có thể chúng ta xác định nguồn gốc của nó.

Việc sử dụng hàng ngày những ngôn từ suồng sã, thân thiện hay phổ thông cũng khác nhau. Từ ngữ đổi mới một cách nhanh chóng đặc biệt là dưới ảnh hưởng của các thanh niên ở mỗi thế hệ. Ngữ pháp bị tách ra khỏi chuẩn mực được tạo nên từ thế kỷ XIX và ngày nay vẫn còn được coi trọng trong sách vở và báo chí. Không thể đưa ra sự miêu tả thống nhất về tiếng Đức. Ngữ pháp sử dụng gần đủ, những người nói tiếng Đức không có ý định mang lại cho ngôn ngữ của họ những lợi ích như là những người nói tiếng Pháp.

Chiến tranh thế giới thứ hai đã dẫn đến những cuộc di dân khổng lồ và làm cho kinh tế xã hội rối ren, điều đó giải thích một phần cho sự không ổn định hiện nay của ngôn ngữ. Sự đổ vỡ chính trị ở các khu vực và sự giảm sút uy tín đã làm cho tiếng Đức mất đi một phần quan trọng trên thế giới. Ngay trước sự thống nhất của nước Đức, việc nâng cao sức mạnh của Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà dân chủ Đức cũ đã không thay đổi tình trạng này.

▪ Những dân tộc thiểu số nói tiếng Đức.

Trong nhiều nước vẫn còn tồn tại những cộng đồng người nói tiếng Đức luôn nói tiếng địa phương. Tiếng Đức cũng có một vị thế nhưng nhìn chung là yếu.

Ở Alsace, dân nông thôn vẫn còn nói tiếng địa phương dù thế hệ trẻ nhất hiện nay dường như sử dụng tiếng Pháp nhiều hơn. ở thành phố, tiếng Pháp vẫn chiếm ưu thế nhất vì một số lớn dân cư đến từ “nội địa” không biết tiếng Đức và biết ít phương ngữ. Báo chí vẫn còn xuất bản một vài mục bằng tiếng Đức, truyền hình Outre- rhim có một chương trình bằng tiếng Đức. Tiếng Đức thỉnh thoảng cũng được dạy ở trường tiểu học. Tuy nhiên con số này cũng không quá con số một triệu. ở Lorraine trong tỉnh Moselle, phương ngữ không chỉ là một thổ ngữ suy thoái cùng lúc nữa.

ở Tây Âu, phần lớn các vùng và các hòn đảo nói tiếng Đức cũ đã biến mất, cũng như ở Balan (nơi mà những người nói tiếng Đức sống riêng biệt hoặc thành từng nhóm nhỏ khá nhiều), ở Tiệp Khắc (Boheme) và ở Nam Tư. ở Hungari có 200.000 người nói tiếng địa phương và ít nhiều họ cũng biết đến tiếng chuẩn nhưng phần lớn là những người lớn tuổi. ở Rumani, nhiều người Soucebles ở vùng Banat và những người Saxons ở vùng Transylvanie có đến hàng trăm nghìn. Về nguyên tắc báo chí văn học giảng dạy bằng tiếng Đức, những trường của chế độ Ceausescu đã làm tăng thêm trào lưu di dân về phía nước Đức. ở nước Tây Phổ cũ và những vùng biển Ban-tích thì tiếng Đức bị xoá bỏ (cuộc di dân 1944 rồi đến việc bị Nga hóa).

Những nơi khác trên thế giới, các nhóm người nói tiếng Đức không nhiều. ở Namibi - thuộc địa cũ của Đức và ở tây Nam châu Phi có khoảng 20.000 người gắn bó với ngôn ngữ và văn hoá của tổ tiên. ở Bắc Mỹ có hàng trăm ngàn người nói tiếng Đức ở tỉnh Ortario của Canada và ở trung tâm của Mỹ và Texas. Tương lai tiếng Đức trên lục địa bắc Mỹ khá mù mịt.

Ở châu Mỹ Latinh, các cộng đồng nói tiếng Đức, nói chung là nói tiếng địa phương hay nói đúng hơn là nói tiếng chuẩn, đóng vai trò quan trọng ở Paragauy, Achentina, ở Braxin nhất là ngoài các phố lớn, ở đó sự đồng hoá ới Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày càng nhanh.

Khắp nơi, một số ít những người di cư, sự phân tán, sự khác nhau về nguồn gốc và xã hội dẫn đến sự mất đi của tiếng Đức như là ở Chilê hay ở Austrâylia. ở đó người Đức di cư đến

không đáng kể, ngày nay việc di cư ít hơn và không tạo ra các cộng đồng nói tiếng Đức. Người ta nhận thấy rằng tiếng Đức thu hẹp lại ở châu Âu giữa sông Rhin và sông Oder.

▪ **Sự đa dạng của tiếng địa phương và tiếng của từng vùng.**

Không có giới hạn rõ ràng giữa thổ ngữ Đức và tiếng Hà Lan. Lịch sử chỉ làm xuất hiện 2 ngôn ngữ.

Người ta có thể nhận thấy rằng một nửa cộng đồng Đức nói tiếng thổ dân và một phần lớn hiểu biết thụ động về tiếng thổ dân. Tiếng địa phương là kết quả phát triển tự nhiên của nước Đức cũ và sự duy trì của tiếng chuẩn. Tiếng chuẩn này thường sinh ra từ trước và từ việc làm có ý thức của các nhà văn và các nhà nghiên cứu ngữ pháp.

Người ta xác định các vùng phương ngữ dựa trên các tiêu chí về ngữ âm nhưng những sự khác nhau về hình thái học, từ vựng, thậm chí về ngữ nghĩa cũng rất quan trọng. Ngôn ngữ ở miền Bắc Đông Đức khác xa với tiếng chuẩn. Thứ tiếng này có ảnh hưởng làm biến mất tiếng chuẩn, trước hết từ các thành phố, ưu tiên cho các ngôn ngữ viết và các phương tiện truyền thông. Nhưng trong sự tồn tại của lãnh thổ, nhất là ở miền nam, tiếng địa phương tồn tại rất rộng rãi, ngay cả khi nó không được trực tiếp sử dụng.

Tiếng Đức chuẩn đồng nhất trong tất cả các lĩnh vực, tuy nhiên sau đó đã xuất hiện một vài thay đổi, chẳng hạn ở Austrâylia từ “marille” hoặc từ “sprenne” được thay bởi từ “aprikose”- (quả mơ) hoặc từ “schliessen” (đóng). ở Thụy Sĩ, tiếng chuẩn không tham gia vào trào lưu Đức hóa vào cuối thế kỷ XX (từ “penon” được thay đổi từ “Gleil” (sân ga), nhưng các từ này tránh văn nói, ngay cả trong phần lớn các tình huống chính).

Từ 1949-1990, sự phân chia nước Đức thành 2 nhà nước không kéo theo nhiều sự bất đồng ngôn ngữ rõ ràng (từ “cửa hàng lớn” ở miền Tây là “Kaulraen” còn ở miền Đông là “warrenhaus”). Trừ những từ liên quan tới hệ thống chính trị và xã hội hoặc hệ tư tưởng thông qua một vài cách chọn từ vựng (ví dụ từ gồm nhiều yếu tố “Bund”= liên minh).

▪ **Sự thay đổi về xã hội.**

Nếu tiếng chuẩn thực sự bị cạnh tranh bởi tiếng địa phương trên phương diện địa lý, một sự phân tầng quan trọng về phong tục, tự nhiên xã hội, người lựa chọn tiếng nói theo khả năng riêng của họ và theo sự hiểu biết của người đối thoại (địa vị xã hội, chức vụ, hoàn cảnh gia đình) hoặc theo dạng ngôn ngữ. Thổ ngữ ít nhiều được biểu lộ, ngôn ngữ địa phương, ngôn ngữ chuẩn ít nhiều được trau chuốt, từ mới ít nhiều được nghiên cứu. Chính tiếng chuẩn lại có những thay đổi khá quan trọng nhất là trong lĩnh vực từ vựng, thông thường những thay đổi đó phát triển rất rộng rãi.

▪ **Tiếng Đức trên thế giới.**

Khuynh hướng châu Âu, hơn nữa là khuynh hướng quốc tế của các nước trong cộng đồng Đức ngữ chứng minh vai trò có hạn của Đức bất chấp yếu tố kinh tế mạnh.

Tiếng Đức chuẩn là một ngôn ngữ có nhiều thành tố cấu tạo: 4 cách, 2 số, 3 loại 2 thời và 2 thể, tất cả đều được chỉ ra từ các cách rất khác nhau. (Ví dụ: nó có hơn 10 dạng số nhiều cho các danh từ và một số lượng rất lớn các động từ bất quy tắc) cú pháp phải tuân theo quy tắc ngữ nghĩa: vị trí của động từ được chia ở dạng phủ định của những thành phần mệnh đề khác nhau luôn phù hợp với nghĩa. Nói một cách chung nhất định vị hoặc bỏ ngữ đi trước yếu tố trên đó nó mang nghĩa.

Rất nhiều từ mới và phát triển không ngừng, người ta dễ dàng tạo ra những từ được phát sinh bởi những từ khác nhau hoặc bởi các hợp chất mới. Người ta sẵn sàng mượn những ngôn ngữ khác. Nếu tiếng Pháp đã có từ lâu đời, nguồn gốc chính của những từ vay mượn thường không bảo tồn được nguồn gốc ngữ âm. Chính tiếng Anh- Mỹ là ngôn ngữ ngày nay Đức sử dụng. Không có ngôn ngữ nào là không có từ vay mượn.

Các quy tắc chính tả khá đơn giản. Tính võ đoán chỉ quan trọng cho việc ghi lại độ dài của các nguyên âm, ngày nay người ta muốn đơn giản chúng đi, muốn bỏ chữ in hoa đặc trưng cho các thể từ và làm giảm bớt các quy tắc sử dụng dấu phẩy. Nhưng có một sự cải cách về lối viết chính tả, nếu nó muốn bảo

vệ tính duy nhất của tiếng chuẩn thì nó phải được sự chứng nhận của tất cả các nước.

Các hội đồng ngôn ngữ Đức đã không có các hoạt động đáng chú ý, quyền lực thuộc địa chỉ áp dụng cho kẻ lưu vong để phổ biến ngôn ngữ của họ cho thế giới. Và đến năm 1945, Trung tâm châu Âu và phương Đông đã huỷ bỏ di sản văn hoá và ngôn ngữ thuộc đế chế Habsbours đang tồn tại.

Tuy nhiên cho đến cuối thế kỷ XIX, sức mạnh chính trị và kinh tế của đế chế Đức và Hungari, lòng dũng cảm của các nhà bác học, của các kỹ sư, sự nổi tiếng về văn học, triết học nghệ thuật Đức đã làm cho ngôn ngữ Đức trở nên quan trọng đối với quốc tế.

Nhưng hai cuộc chiến tranh thế giới, rồi chữ viết toàn cầu đã mang lại cho tiếng Đức những nét rất quan trọng. Tiếng Đức đã tham gia trong một tổ chức quốc tế. Nó thực sự chỉ đóng vai trò trong thể chế Đông Âu. Tuy vậy, những người Đức có học thức sẵn sàng nói tiếng Anh, điều này làm thiệt hại cho ngôn ngữ của riêng họ. Tuy vậy, nước Đức với Viện Goethe cố gắng phổ biến ngôn ngữ và văn hoá từ một cộng đồng ngôn ngữ. Nó không bao giờ là cộng đồng chính trị nhưng nó đóng một vai trò rất lớn trong nền văn minh phương Đông.

▪ Tiếng Trung Quốc

Nhìn từ góc độ ngôn ngữ. Trung Quốc không phải là nước chỉ có một ngôn ngữ là tiếng Trung Quốc. Các công dân Trung Quốc hoặc Hồng Kông nói một số thứ tiếng là tiếng Trung hoặc không phải tiếng Trung Quốc. Người Hán là những công dân Trung Quốc nói tiếng Trung Quốc. Họ xuất thân từ dòng dõi bình thường, họ nói tiếng Trung Quốc thông dụng. Truyền thống gọi các ngôn ngữ này là “phương ngữ Trung Quốc”. Những công dân Trung Quốc không nói tiếng Trung Quốc được tập hợp lại dưới tên gọi “thiểu số dân tộc”. Giữa miền Bắc và miền Nam của Trung Quốc có sự đối lập về lịch sử, địa lý, và ngôn ngữ. Nó giải thích sự phân chia ngôn ngữ Trung Quốc bên trong và bên ngoài biên giới.

Miền Bắc Trung Quốc không đồng nhất, địa hình mấp mô và dân số có nguồn gốc từ dân tộc Thái. Điều đó giải thích

rằng nó là ngôn ngữ biến đổi. Không có sự thông hiểu lẫn nhau giữa 6 vùng thổ dân miền Nam. Nhiều ngôn ngữ của dân tộc thiểu số không được giải thích về phương diện di truyền.

Trong khi dân Trung Quốc ở miền Bắc di cư vào vùng biên giới Trung Quốc thì hai vùng bên cạnh miền Nam di cư ra ngoài biển. Điều đó ngày nay giải thích sự phân chia nước Trung Hoa cổ và Quảng Châu, Quảng Đông.

Bên ngoài nước Trung Quốc, tiếng Trung Hoa cổ là ngôn ngữ chính của miền Bắc Thái Lan, của Birmanie, Ấn Độ, Hàn Quốc và Trung á. Mặc dù nó được rất ít người sử dụng (từ 3000 đến 4000 người) song nó cũng chiếm được vị trí bởi ngôn ngữ của nó được sử dụng cho ngôn ngữ chung của cộng đồng Trung Quốc nói các thổ ngữ khác nhau.

Tiếng Quảng Đông, Quảng Châu đã được sử dụng ở Austrâlia, Niudilân, Malaixia, Indonexia, Singapo, Ấn Độ, Nam Phi, Papu, và trong vùng biển Caribê, bởi vì cộng đồng Trung ngữ của nước này có mối quan hệ với thuộc địa Anh vào thế kỷ XX. Một làn sóng di cư thứ 2 đã đưa những người Quảng Châu, Quảng Đông tới bắc Mỹ để xây dựng đường sắt và tìm vàng. Sự di cư mới của người dân châu á phần lớn có nguồn gốc Quảng Châu, Quảng Đông. Người ta ước tính khoảng 11.000 người nói tiếng Quảng Châu là người ngoài Trung Quốc và Hồng Kông.

Nếu tiếng Quảng Châu chiếm ưu thế bên ngoài Trung Quốc, điều đó không có nghĩa nó cũng chiếm ưu thế ở Đại lục. Cái mà ở phương Tây người ta gọi là “chinois” là sự đa dạng của tiếng Trung Hoa ở miền Bắc.

- **Sự đa dạng của tiếng Trung Quốc.**

Nếu như người ta loại trừ tiếng vùng Putonglua thì không có thể ngữ truyền thống nhưng có nhiều ngôn ngữ Trung Quốc.

Lịch sử của đế chế Trung Quốc lập tức chứng kiến sự xuất hiện của thổ ngữ đương thời. Kể từ lưu vực sông Vàng (sông Hoàng Hà), người Hán đã dần dần chiếm làm thuộc địa những vùng lân cận thuộc miền Đông Nam và miền Nam. Giữa miền

Bắc và miền Nam trải rộng ra một vùng trung gian- vùng hạ lưu sông Xanh (sông Dương Tử), là đường rút lui của triều đình và quan lại khi miền Bắc bị xâm lược bởi quân Barbare.

Tiêu chí phân loại: Trung Quốc gồm có 7 vùng phương ngữ. Ngày nay việc phân chia các phương ngữ được xác định bởi sự phát triển và sự tương tác của hai nét âm vị học đặc trưng của ngôn ngữ nói vào thế kỷ VIII - tiếng Trung Quốc thông dụng. Cả hai nét này là hệ thống âm và những phụ âm đầu hữu thanh (b,d,g). Đối với một chuỗi phát âm được đưa ra, sự thay đổi tần số lên xuống của giọng cho phép phân biệt nghĩa khác nhau. Người ta gọi những sự thay đổi khác nhau này là “âm độ”.

Ở miền Bắc Trung Quốc, hệ thống ban đầu 4 âm đã tiến triển nhưng nó vẫn duy trì được sự khác biệt giữa 4 giọng. ở miền Nam, hệ thống đã có sự phân đôi, 4 âm đầu phát triển thành 8 âm, nó đối lập bởi sự khác nhau của khoảng âm yin/yang hay cao/thấp.

▪ **Thổ ngữ miền Bắc.**

Thổ ngữ miền Bắc được gọi là tiếng Trung Hoa cổ. Hơn 70% dân số Trung Quốc sử dụng thứ tiếng này. Nó phổ biến cho tới miền Bắc của sông Xanh, vùng Sichuan và Vân Nam, chiếm 3/4 diện tích đất nước. Bốn vùng thổ ngữ được phân chia như sau: Bắc, Tây, Đông Nam, Đông Bắc. Mặc dù có một vài sự khác nhau, nhưng các vùng này được phân biệt bởi sự hiểu biết lẫn nhau của người nói. Chính trong số những thổ ngữ này, tiếng Putonghua đã được chọn làm tiếng chuẩn.

Cái mà người ta gọi chung là “tiếng Trung Quốc” là ngôn ngữ nhân tạo kết tinh từ những hoạch định chính trị khác nhau. Vào tháng 2 năm 1956, một hiệp ước cuối cùng đã xác định tiếng Patonghua hay “ngôn ngữ chung”: lấy cách phát âm của Bắc Kinh làm tiêu chí ngữ âm, lấy phương ngữ phương Bắc làm tham chiếu, lấy các tác phẩm văn học và ngôn ngữ nói hiện đại làm mô hình ngữ pháp. Tiếng Trung là ngôn ngữ chính thức ở Trung Quốc cũng đồng thời là ngôn ngữ chính thức ở Đài Loan, Singapo và ở Liên hợp quốc. Nó cũng được giảng dạy ở nước ngoài.

▪ **Thổ ngữ miền trung.**

Ba nhóm người là “wu”, “gan” và “xiang” tạo thành một vùng chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam. Từ tây sang đông, các vùng này bao trùm lần lượt các thành phố Thượng Hải và Suzhou, Nanchang và Jiayu, Trường Sa và Shuanfeng, chiếm khoảng 15% dân số.

▪ **Thổ ngữ miền Nam.**

Ba nhóm người là min, hakka (kejia) và yue (cantonais – dân thuộc hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây) trải rộng trong các tỉnh Fujian, Quảng Đông và Quảng Tây, chiếm 11% dân số Trung Quốc. Đối lập với phương ngữ miền bắc được nói ở Fuzi và Shouning là phương ngữ miền Nam được nói ở Xiamen (Amoy) và ở Đài Loan.

▪ **Các dân tộc thiểu số.**

Trục Bắc - Nam dẫn tới sự phân chia thổ ngữ Trung Quốc, đồng thời minh họa cho sự phân chia các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số - không phải tiếng Trung Quốc.

Biên giới lãnh thổ và chủng tộc Trung Quốc hiện nay đã được thành lập vào thế kỷ XVIII dưới thời Càn Long thuộc triều đại nhà Thanh. Chưa bao giờ Trung Quốc lại có nhiều dân tộc khác nhau đến thế.

Về mặt địa lý, các dân tộc thiểu số chiếm lĩnh thị trường miền bắc, miền đông và Miền Nam đất nước. Đây là những vùng tự nhiên phong phú, có tầm quan trọng chiến lược vì có biên giới với Cộng đồng các quốc gia độc lập, Ấn Độ và Việt Nam. Chính vì thế chính quyền trung ương đã ban cho người dân ở những vùng này những quyền lợi ưu tiên mà người Hán không có được. Năm 1981 họ đã lập ra danh sách của 55 dân tộc thiểu số với khoảng 70 triệu dân.

Về mặt hành chính tự trị, các dân tộc thiểu số chiếm 5 vùng lớn: vùng tự trị Tây Tạng, vùng tự trị Ouigour thuộc Xinjiang, cao nguyên Nội Mông, vùng Hui thuộc Ninh Hạ và Zhuang thuộc Quảng Tây, cũng như các quận, huyện trong các tỉnh của Trung Quốc. Ngôn ngữ của họ được bảo vệ bởi hiến

pháp năm 1954 và được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày và trong 3 năm đầu tại trường tiểu học. Nó là đối tượng nghiên cứu ở cấp trung học.

▪ **Ngôn ngữ miền Bắc và ngôn ngữ miền Nam:**

Danh sách các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số không ngừng dài thêm vì sự phát triển của công tác nghiên cứu cho thấy có nhiều ngôn ngữ mới. Số lượng người nói có thể dao động từ hàng nghìn đến hàng chục triệu.

Phần lớn ngôn ngữ miền Bắc thuộc ngữ hệ altaique, người ta phân chia thành 3 nhóm lớn: Thổ Nhĩ Kỳ, Mông Cổ, Toungouse. Ngôn ngữ miền Nam không có quan hệ di truyền với ngôn ngữ miền Bắc nhưng lại có nhiều nét chung như có một số âm lớn và có xu hướng đơn âm tiết. Các ngữ hệ đại diện là Miến -Tạng, Quảng Đông, Mèo-dao và Mon-khơme. Một số ngôn ngữ khác còn rất khó phân loại như (bai, tujia, gelao).

Mặc dù ngôn ngữ rất đa dạng, song Trung Quốc được thống nhất nhờ mã ngôn ngữ chung cho tất cả mọi người: chữ viết.

▪ **Chữ viết Trung Quốc.**

Chữ viết Trung Quốc đã trải qua 4000 năm tồn tại một cách khó khăn trong lịch sử và vượt qua nhiều toan tính xoá bỏ chữ viết này.

Hệ thống chính tả dựa trên các chữ cái tạo thành một thể thống nhất kép – thống nhất tới gần 90% cả về ngữ âm (đơn âm tiết) và ngữ nghĩa. Thành phần cấu tạo ngữ nghĩa mới là “mẫu chốt” của một chữ. Bằng cách đếm nét, người ta thống kê được khoảng từ 214 đến 250 nét căn.

Lôgic tổ hợp của các ký tự hoạt động như sau: những ký tự thuộc cùng một trường nghĩa có cùng nét căn. Những chữ phát âm giống nhau hoặc gần nhau được tạo thành từ cùng một bộ phận ngữ âm. Như vậy, chẳng hạn như hai từ “gan” /gã/ và từ “hoàng hôn” /gàn/ có chung âm /gan/ tạo nên bộ phận ngữ âm chung, song chúng lại đối lập nhau bởi chúng

thuộc về hai trường nghĩa khác nhau lần lượt: gan là thịt, còn hoàng hôn là mặt trời.

Mặc dù trật tự và sự lặp lại các khối nét tạo nên chữ, song hệ thống chữ viết này còn nặng nề. Để hiểu biết, cần phải biết khoảng 3500 chữ, còn nếu muốn uyên thâm tiếng Trung thì cần phải biết trên 5000 chữ. Mặc dù là một gánh nặng về mặt trí nhớ cho mỗi cá nhân và là gánh nặng tập thể đối với các quan hệ quốc tế, song chữ viết Trung Quốc vẫn được duy trì vì ngoài tính thẩm mỹ ra, nó còn tương thích với các phương tiện hiện đại để nắm bắt thông tin.

Ba dạng thức cho phép nắm bắt các ký tự bằng máy, đó là dạng số, dạng chữ cái alphabet và dạng đồ hoạ. Trong pháp điển hoá bằng số, một con số bao gồm từ 2 đến 6 chữ số sẽ thay cho một chữ tùy theo người sử dụng. Ngành quản trị bưu chính sử dụng hệ thống 4 chữ số để gửi các bức điện. Việc ghi chép theo ký tự alphabet của tiếng Trung Quốc được thông qua năm 1958 gọi là hệ pinyin. Sự phiên âm này đã trở thành tiêu chuẩn quốc tế và được sử dụng để xử lý văn bản theo nhiều cách khác nhau cùng với những chữ cái La mã khác. Về hệ thống pháp điển hoá đồ hoạ, nó cho phép viết chữ theo khối nét được ghi trên bản khắc hoặc được gõ trên bàn phím, đồng thời tuân theo trình tự như viết bằng tay.

Nhiều hệ thống hoàn thiện cho phép gõ một văn bản theo kiểu ký tự pinyin, văn bản sẽ được in ra bằng ký tự Trung Quốc giản ước (chữ Trung Quốc hiện hành) hoặc bằng ký tự cổ (ở Đài Loan). Độ chính xác đạt tới 97%.

- **Nghiên cứu tiếng Trung trên thế giới.**

Từ khoảng chục năm nay, những nghiên cứu có tính lý thuyết và sự phạm về ngôn ngữ Trung Quốc đã có bước phát triển rõ rệt ở Trung Quốc cũng như ở nhiều nước trên thế giới.

Tại Viện ngoại ngữ Bắc Kinh đã diễn ra hội nghị đầu tiên vào năm 1985 về việc giảng dạy tiếng Trung Quốc. Viện này đã tạo ra những thiết bị và phương pháp giảng dạy mới cho người nước ngoài.

Năm 1983, tại Mỹ có 169 cơ sở có giảng dạy tiếng Trung Quốc chuẩn. Trong khi các trường học trung ương thực ủng hộ việc dạy tiếng Trung Quốc ở bậc trung học thì các trường đại học lại đưa vào chương trình giảng dạy một bài kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Trung và tạo ra nhiều hình thức giảng dạy có trợ giúp của máy tính. Nhiều hoạt động trong lĩnh vực này được tiến hành qua việc thành lập các hiệp hội và xuất bản báo định kỳ về việc xử lý tiếng Trung Quốc bằng tin học.

Ở Pháp, một tạp chí ngôn ngữ học Đông Á đã được thành lập và đưa vào sử dụng phương pháp giảng dạy ngôn ngữ và chữ viết Trung Quốc cho cá nhân. Năm 1987-1988, 17 trường đại học đảm bảo giảng dạy cho trên 3000 sinh viên.

Điều đã tạo ra sự thống nhất văn hóa của các nước bị Hán hoá (Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam) không phải là ngôn ngữ mà chính là chữ viết Trung Quốc. Nếu người ta dự đoán vào năm 2000 các nước này chiếm 20% không gian kinh tế thế giới, tức là ngang với Bắc Mỹ, thì chưa chắc tiếng Trung Quốc đã đóng vai trò quốc tế ngang bằng với vai trò của tiếng Anh.

▪ Tiếng Nhật

Tiếng Nhật giống với các thứ tiếng altaique qua hình thái học và cú pháp, giống với các thứ tiếng austronésienne bởi ngữ âm. Về từ vựng, tiếng Nhật có khoảng 200 từ chung với tiếng Triều Tiên và tiếng Mông Cổ. Những quy tắc tương ứng về mặt ngữ âm không đủ chính xác để khẳng định quan hệ họ hàng của tiếng Nhật với các thứ tiếng Altaique. Các nhà ngôn ngữ học Nhật Bản có xu hướng coi ngôn ngữ của mình là thứ ngôn ngữ biệt lập. Dù sao thì tiếng Nhật cũng rất gần với tiếng Ainou- thứ tiếng gần như đã chết, được nói ở Sakhalin và đảo Hokkaidô.

Văn bản ghi bằng tiếng Nhật cổ nhất là cuốn sách Kojiki (cổ sự ký) có từ năm 712. Các thầy tu người Triều Tiên đã đưa đạo Phật vào Nhật Bản vào thế kỷ thứ 6 (đồng thời với chữ viết). Vì tiếng Nhật là một ngôn ngữ không có quan hệ di truyền với tiếng Trung Quốc nên chữ Trung Quốc ngay từ đầu được sử dụng vì giá trị ngữ âm gần gũi của nó, hơn nữa, vì giá

trị ngữ nghĩa. Ngày nay, chính những dấu hiệu có giá trị ngữ âm này được sử dụng, bắt nguồn từ tiếng Kana. Vào thời kỳ Heian, những dấu hiệu ngữ âm này đặc biệt thuộc về sắc phong của phụ nữ. Cũng vào thời kỳ này, giáo dục khởi đầu bằng tiếng Kana và chỉ sau này người ta mới giảng dạy bằng tiếng Kanji. Không lâu sau năm 901, hai hệ thống tiếng Kana được sử dụng rộng rãi trong xã hội thượng lưu đời nhà Heian.

Hệ thống ngôn ngữ hiện nay chỉ mới được cố định vào thời kỳ Minh Trị (từ năm 1868). Các thành tố bất định đã được chú thích nhờ những nét nhỏ theo bốn góc của hình vuông ẩn, bao quanh chữ cái Trung Quốc và tương ứng với te, ni, wo, wa, đây là hệ tennioha.

▪ **Sự đa dạng của tiếng Nhật.**

Nếu người ta chấp nhận tiêu chí không có sự thông hiểu lẫn nhau để xác định các ngôn ngữ thì ở Nhật Bản có ít nhất 5 thứ tiếng, mỗi thứ tiếng tạo nên những nhóm phương ngữ.

Ngoài tiếng Nhật chuẩn được nói ở Kantō, người ta còn phân biệt các thổ ngữ của vùng Tohokū (đông bắc), thổ ngữ Kansai (vùng Kyōtō và Osaka), thổ ngữ vùng đảo Kyūshū và cuối cùng là phương ngữ của quần đảo Okinawa, bản thân những phương ngữ này rất khó thâm nhập lẫn nhau.

Nhờ nền giáo dục bắt buộc, mọi công dân Nhật Bản ít nhiều đều hiểu được tiếng Nhật chuẩn. Nhưng không phải tất cả người Nhật Bản đều hiểu tất cả mọi phương ngữ. Thế mà trong mỗi tỉnh, người dân lại có phương ngữ riêng của mình. Như vậy, Nhật Bản không phải là một thể thống nhất về ngôn ngữ: người dân bản địa vùng Nagasaki không hiểu được người dân bản địa vùng Kagoshima và ngược lại. Điển hình là sự khác nhau giữa các thứ tiếng miền đông (Kantō), miền Tây (Kansai) và vùng Kyūshū: từ “màu trắng” ở Kyūshū nói là “shiraka” thay vì “shiroi” theo tiếng Nhật chuẩn (miền Đông). Phụ tố -ka- chỉ những dạng thức không có thì quá khứ của các động từ chỉ phẩm chất trong những phương ngữ này. Thì quá khứ của các động từ chỉ hành động hoặc trạng thái trong tiếng Nhật chuẩn ở một số tầng lớp xã hội được tạo thành bằng cách

thêm phụ tố -na-; trong các phương ngữ miền Tây và đảo Kyūshū, nguyên âm được kéo dài khi nó đứng trước phụ tố: câu “omo-ta” được kéo dài hơn so với “omotta” theo tiếng Nhật chuẩn (câu có nghĩa là anh ấy đã suy nghĩ). Yếu tố phủ định -nai- theo tiếng Nhật chuẩn có tương đương là -sen- trong các phương ngữ Kyūshū và Kansai. Ngoài ra, các phương ngữ Kansai còn sử dụng dạng phủ định -siyahen-.

Tuỳ giai tầng xã hội của người nói, những dạng động từ có phụ tố thay đổi đáng kể, điều này có trong tất cả các phương ngữ Nhật Bản. Từ vựng thay đổi tuỳ theo thứ hạng của người mà người ta nói với; ví dụ câu ano kata wa korareta ni chigai arimasen yo (người đó sẽ tới, chắc chắn!) được dùng cho người có địa vị cao – (động từ kuru - đến, tới ở dạng “thụ động lịch sự”, tiểu tố -masen- ở dạng phủ định lịch sự; đối với một người bình thường, người ta nói: ano hito wa kuru chigai nai; có cùng nghĩa như câu trên nhưng ở đây ta có dạng phủ định thường -nai (chigai-nai) (nghĩa là không thể khác được, tức là chắc chắn), kata (người) lịch sự hơn hito.

▪ **Việc truyền bá tiếng Nhật.**

Sự bành trướng của nền kinh tế Nhật Bản, sự đô hộ của Nhật trên khắp thế giới và dòng người Nhật Bản di cư giải thích cho sự phát triển của việc nghiên cứu tiếng Nhật.

Mật độ dân cư hiện nay của Nhật Bản là 1500 người/km², từ đó dẫn đến dòng người di cư diễn ra mạnh mẽ từ hai thập kỷ qua. Con số chính xác về người Nhật đã di cư hiện nay vẫn chưa được biết rõ. Năm 1939 có 150.000 người Nhật ở Hawaii, 122.000 người ở Mĩ, 202.000 người ở Braxin, 21.000 ở Peru và ở Canada. Hiện nay có khoảng 500.000 người Nhật ở Mĩ (chủ yếu là ở Hawaii, ở California, và ở New York), 380.000 ở Braxin (thuộc các bang miền Nam), 17.000 ở Canada, Singapore, Đài Loan, Thái Lan và ở nhiều nước châu Mĩ La tinh khác.

Việc giảng dạy tiếng Nhật phổ biến trên thế giới theo sáng kiến của nước ngoài với sự trợ giúp của Nhật Bản. Năm 1984 có khoảng 585.000 sinh viên tiếng Nhật so với 57.000 năm 1970. Ước tính có khoảng 400.000 người Trung Quốc học

tiếng Nhật bằng cách này hay cách khác. Tổng số người học tiếng Nhật vào khoảng 1 triệu người.

Được thành lập năm 1972, Quỹ Nhật Bản nhằm mục đích tăng cường trao đổi văn hoá giữa Nhật Bản và nước ngoài. Quỹ này dành 36% ngân sách cho việc truyền bá ngôn ngữ Nhật Bản và cho công tác nghiên cứu về Nhật Bản, 29% dành cho việc trao đổi nhân sự (các nhà nghiên cứu và các nghệ sĩ), số còn lại được dành cho việc tổ chức các cuộc triển lãm và biểu diễn sân khấu, âm nhạc ở Nhật và ở nước ngoài. Ngân sách của quỹ này đã tăng gấp 5 lần giữa những năm 1972-1986. Mặc dù Nhật Bản đã dành một nỗ lực tài chính lớn cho lĩnh vực này, song vẫn còn thua xa những nước chính ở châu Âu. Sự so sánh sau đây cho thấy rõ điều đó: năm 1983, để phổ biến ngôn ngữ quốc gia của mình, Nhật Bản đã chi 70 triệu frăng, Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp (Alliance française) chi 230 triệu frăng, Hội đồng Anh ngữ chi 700 triệu frăng, Viện Goeth của Đức chi 500 triệu frăng. Phần lớn những nỗ lực tài chính của Quỹ Nhật Bản hướng vào châu (: Đông Nam (28%, các nước châu (khác 23%, Bắc Mỹ 12%, châu Mỹ La tinh 18,9%, cuối cùng là Tây Âu 6,2%. Song sự bành trướng của nền kinh tế Nhật Bản cũng kéo theo sự tăng đáng kể số sinh viên học tiếng Nhật hiện nay trong các trường đại học.

- **Chữ viết và máy tính.**

Tiếng Nhật sử dụng hai bảng vần, mỗi bảng có 48 chữ: bảng vần “Hiragana” và “Katakana”, thêm vào đó còn có các ký tự Trung Quốc gọi là chữ “Kanji” với khoảng 2000 ký tự thông dụng.

Chữ viết Nhật Bản và Trung Quốc rất phức tạp, đặt ra nhiều vấn đề khó xử lý đối với máy móc hoặc tin học.

Chữ viết Trung Quốc: Để làm ra một tờ nhật báo Trung Quốc, người ta phải dùng đến những chữ in chứa hàng ngàn ký tự. Một máy đánh chữ bao gồm 2500 ký tự, được bố trí trên một bản chì, bản chì này đập vào một dải băng tẩm mực đặt trước tờ giấy in.

Đã có nhiều phương thức được sử dụng để cải tiến thao tác in. Để in được một chữ, người ta phải gõ nhiều nút theo trình tự cấu trúc của chữ đó (sắp xếp lại sau khi đã phân tích các yếu tố cấu thành từ). Mặt lợi của việc làm này là không bị phụ thuộc vào sự đa dạng trong phát âm của một từ theo đại phương. Người ta còn ghi được nhiều thành ngữ trên cùng một nút.

Hiện nay trong ngành thương mại, người ta thấy có nhiều phần mềm cho phép đánh máy tiếng Trung Quốc bằng ký tự Latinh chuẩn hoá (ký tự pinyin) rồi tự động chuyển sang tiếng Trung Quốc với sai lệch nhỏ nhất.

- **Sự phức tạp trong tiếng Nhật.**

Máy đánh chữ cổ có một bàn phím gồm hơn 2000 ký tự. Những chuyên viên đánh máy chữ phải rất lành nghề. Vì những khó khăn trong thao tác nên việc giao tiếp bằng thư tín chủ yếu được viết bằng tay, ngay cả những thư tín công vụ. Như vậy coi như máy tính không có tương lai.

Sự phức tạp trong hệ thống chính tả tiếng Nhật đã khiến các bức điện tín và ngôn ngữ máy tính phải sử dụng chữ cái Latinh. Những bất lợi trong hoàn cảnh ấy đã khiến người Nhật đạt được những tiến bộ to lớn trong lĩnh vực máy tính và thư tín điện tử (email, fax), cho phép gửi qua đường cáp điện thoại thông thường bất kỳ một văn bản nào.

Kể từ năm 1971, các nhà nghiên cứu đã bắt đầu phát triển công tác xử lý văn bản. Mục đích là cung cấp một hệ thống tích hợp cho máy tính và cho máy chữ xách tay, dễ sử dụng và có thể kết nối với cáp viễn thông.

Khó khăn chính cần giải quyết là việc chuyển tự động một văn bản ghi âm sang văn bản tiếng Nhật thông thường trong đó có cả chữ Trung Quốc và chữ Kana. Bảng vần hiragana dùng để ghi các vĩ tố của từ và các từ công cụ, còn bảng vần katakana ghi chép các từ ngoại nhập.

Nhờ có máy tính, giờ đây người ta có thể đánh một từ bằng hệ thống chữ cái alphabet và phần mềm sẽ chuyển sang chữ cái Kanji.

Những từ phát âm giống nhau nhưng có chữ cái (kể cả nghĩa) khác nhau được hiển thị trên màn hình theo trật tự lập và như vậy chỉ cần chọn chữ Kanji cần đánh.

Tương tự ta có thể thêm vào những chữ Kana cần thiết. Đó là “quá trình tích ký có trợ giúp của máy tính”, nhưng do người sử dụng điều khiển.

Hiện nay ta có thể truy nhập vào máy tính cá nhân. Người ta tính toán sẽ đưa máy đánh chữ điện tử vào tất cả các trường học.

Các nhà nghiên cứu hiện nay còn hướng tới việc nhận dạng giọng nói tự động, phiên âm và đưa vào máy tính theo cùng một tiến trình.

▪ Tiếng Arập

Ngôn ngữ Arập được phê chuẩn ngay từ thế kỷ thứ 7 qua nền văn học dồi dào và qua kinh Côran. Nó thuộc về chi nhánh miền Nam của ngữ hệ Sémitique (thuộc Tây á và Bắc Phi). Nó được thể hiện dưới hai dạng: tiếng Arập thổ ngữ (ngôn ngữ nói) là tiếng mẹ đẻ của 230 triệu người nói tiếng Arập với nhiều dạng khác nhau trong thế giới Arập, trong vùng ngoại vi và trong các cộng đồng dân di cư; tiếng Arập văn học (ngôn ngữ hiện đại, ngôn ngữ chuẩn, tân cổ) là ngôn ngữ văn hoá, đặc biệt ở dạng văn viết mà để nắm vững nó cần phải học nhiều. Đây là ngôn ngữ giao dịch của một nền văn hoá bác học và phong phú, nền văn hoá tôn giáo, văn chương và khoa học.

Những mối liên hệ lịch sử và hệ tư tưởng thống nhất hai dạng ngôn ngữ này khiến các xã hội Arập coi như chỉ có một thứ tiếng Arập. Những phương ngữ khác nhau - gọi là “ngôn ngữ bình dân” được xem như “bị thoái hoá”, giờ đây đang giảm mạnh. Tuy nhiên, chính tiếng mẹ đẻ mà mỗi người sử dụng trong suốt cuộc đời mới là cái làm vận hành cả một nền văn hoá dân tộc truyền thống và hiện đại (ca khúc, phim ảnh, các tiểu phẩm truyền hình..).

▪ Cộng đồng ngôn ngữ Arập.

Ngày nay, người dân nói tiếng mẹ đẻ không phải tiếng Arập thường là dân song ngữ. Những phương ngữ cổ là những

thứ tiếng bản xứ, sớm muộn cũng bị tan chảy trong những phương ngữ tạo thành từ chính những phương ngữ cổ này, dựa trên những cơ sở ngôn ngữ khác nhau (tiếng Berbère, Nam Arập, tân A Rập, ngôn ngữ châu Phi). Điều đó giải thích cho sự đa dạng của các phương ngữ hiện nay. Nhưng trong không gian Arập Hồi giáo, mỗi liên hệ hữu cơ giữa những phương ngữ này với ngôn ngữ văn hoá chưa bao giờ bị gián đoạn. Sự song song tồn tại có tính tương tác này giữa những ngôn ngữ “bình dân” - ngôn ngữ nói, và một ngôn ngữ “bác học”-ngôn ngữ viết được gọi là “song ngữ” Arập. Nếu trong khuôn khổ này, cộng đồng ngôn ngữ Arập là thông lệ của đa số dân cư thì thế giới ngôn ngữ Arập lại hẹp hơn toàn bộ các nước thành viên của Liên minh các quốc gia Arập. Ngôn ngữ được nói chủ yếu ở đây có lẽ là tiếng Berbère, tiếng Kurde hoặc một thứ tiếng châu Phi. Tuy nhiên, hai dạng ngôn ngữ lại được tách riêng ra. Phương ngữ chỉ còn ở vùng ngoại vi của thế giới Arập (Anatolie – Thổ Nhĩ Kỳ, Khuzestan-Iran), trong các vùng hẻo lánh (Ouzebékistan, Bactriane, Afghanistan), hạc trong các cộng đồng từ lâu đã tách khỏi không gian Arập Hồi giáo (Malte). Ngôn ngữ văn chương có lẽ là ngôn ngữ nghi lễ duy nhất, có khi là ngôn ngữ văn học đối với các nho sĩ tôn giáo (ở Ấn Độ, Pakistan, châu Phi...), nó đang trong thời kỳ bành trướng (ở Tây Phi, Đông Phi và Trung Phi). Tuy nhiên, trong những vùng đa ngôn ngữ, tiếng Arập được sử dụng như một thứ tiếng quan hệ, nhất là đối với dân Hồi giáo.

Đễ dàng nhận thấy rằng những thứ tiếng Arập pha tạp đã trở thành những ngôn ngữ mẹ đẻ (ở Nam Suđăng); ngôn ngữ văn chương không được dùng rộng rãi, một số chức năng của thứ ngôn ngữ này có thể được đảm nhiệm bởi nhiều phương ngữ khác nhau thống lĩnh trong địa phương.

- **Ngôn ngữ A Rập, đạo Hồi và tính A rập.**

Tiếng A Rập trở nên phong phú nhờ sự bành trướng của đạo Hồi. Nó đã được mở rộng từ Tây Ban Nha Hồi giáo tới châu á trong vài thế kỷ.

Những mối liên hệ giữa quá trình Arập hoá và Hồi giáo hoá rất phức tạp. Nếu tiếng Arập là ngôn ngữ văn hoá lớn của

nhiều để chế Hồi giáo thì dân theo đạo Hồi rất khó có thể chấp nhận các phương ngữ Ả Rập như những thổ ngữ; chẳng hạn tiếng Ba Tư, tiếng Thổ (ngày nay 95% dân nói tiếng Thổ theo Hồi giáo). Trái lại, các dân tộc thiểu số Do Thái và phần lớn các dân tộc thiểu số Cơ Đốc giáo ít nhiều đã bị Ả Rập hoá nhanh chóng nhưng không bị Hồi giáo hoá.

Quá trình Ả Rập hoá khi đã diễn ra thường gắn liền với Hồi giáo như ta thấy ở châu Phi hiện nay. Chính mối liên hệ mạnh mẽ giữa một tôn giáo lớn và thứ ngôn ngữ thánh hoá bởi tôn giáo ấy cho thấy rằng ngôn ngữ văn hoá phải thống nhất. Sự thống nhất nền văn minh khiến cho nhiều ngôn ngữ văn chương mới không được tạo ra trong tổng thể rộng lớn này, nơi mỗi cộng đồng phương ngữ giao hòa với nền văn hoá chung qua sự nhận thức luôn đổi mới về những mối liên hệ ngôn ngữ và thuộc tính văn hoá chung.

- **Phương ngữ Ả Rập.**

Từ lâu nay, người ta vẫn phân biệt phương ngữ của người Ả Rập du cư và định cư với ngôn ngữ của người Maghreb và người phương Đông.

Cách phân biệt thứ nhất có điểm trùng hợp với cách thứ hai: vì ở Maghreb cũng như ở Machreq, người dân đều sử dụng ngôn ngữ của người Ả Rập du cư và định cư. Vả lại, loại hình ngôn ngữ này không phản ánh cách sống hiện tại của người dân ở đây. Do vậy, ở nhiều thành phố, tùy thuộc vào sự đa dạng của lịch sử mà người ta nói tiếng Ả Rập du cư hay ít nhiều ngôn ngữ của người Ả Rập định cư hoặc tiếng Ả Rập ở Đông phương hay Tây phương.

Nhìn lại lịch sử của quá trình Ả Rập hoá đồng thời tính đến hoàn cảnh xa xưa và hiện tượng song ngữ sẽ cho phép chúng ta hiểu được rằng mọi phương ngữ đều có cùng những nét đặc trưng về ngôn ngữ, điều này khiến chúng khác với ngôn ngữ văn học. Ngoài ra còn giải đáp được vấn đề thường nêu ra là phương ngữ nào có nét chung với ngôn ngữ văn học, ngôn ngữ mà đến lúc đó vẫn được xem như nền tảng của các phương ngữ. Chỉ có thể nói rằng trong các phương ngữ vẫn tồn tại một nét nào đó của ngôn ngữ văn học mà thôi. Dựa vào địa

hình từ Đông sang Tây, có thể chia ra các vùng phương ngữ sau: bán đảo A Rập (ngôn ngữ của người Arập du cư phía Bắc và Đông, ngôn ngữ có nét tương đồng với phương ngữ ở vùng vịnh Oman và vùng Hedjaz [Yêmen]; Lưỡng Hà (một bên là Irắc với vùng đông nam Thổ Nhĩ Kỳ và Đông Nam Syri, bên kia là các vùng Iran và Trung á), Syri, Libăng, Palestine, Jordanie (ngôn ngữ của người A Rập du cư cùng phương ngữ vùng bán đảo), Ai Cập, Su đăng, Maghreb (các vùng phía Sahara) (phương ngữ Libi, Tuynidi, Algieri, Maroc, Môritani). Các vùng này lại bao gồm nhiều vùng phương ngữ và thổ ngữ khác.

Phương ngữ ở những thành phố lớn trong vùng hay ở thủ đô thường hình thành dựa trên ngôn ngữ Koinès (Hylạp) cổ hay cận đại được những người di cư và các khu lân cận sử dụng trước đó. Chúng cũng có thể bắt nguồn từ tiếng Koinès bản địa.

Do đó, việc cùng hiểu thứ tiếng của nhau còn tùy thuộc vào sự tồn tại của ngôn ngữ Koinès về vấn đề này, các phương tiện truyền thông giữ một vai trò tích cực trong nước cũng như giữa các nước Arập: một người Arập sẽ tự hiểu được một bộ phim Cairo nhưng sẽ không thể hiểu được ngay lập tức những người nói chuyện với mình.

▪ **Ngôn ngữ văn học.**

Vấn đề hệ tư tưởng của hình thức ngôn ngữ văn hóa này khá quan trọng: chính vì đây là ngôn ngữ của di sản văn học và văn hóa của Đạo Hồi, của người Arập nên không thể coi vai trò rộng lớn của ngôn ngữ này (với tư cách là ngôn ngữ viết) như một chủ đề thảo luận. Mọi ý định viết hay xuất bản bằng phương ngữ như vậy tự khắc sẽ bị loại bỏ.

Ngoài việc được sử dụng dưới hình thức viết (văn học, báo chí, thư từ...) tính đa dạng văn học còn thể hiện qua lời nói: phát thanh, truyền hình (thông tin, bình luận chính trị: thực ra đây là ngôn ngữ viết đọc, và một số chương trình văn hoá khoa học) các bài diễn văn chính trị, đặc biệt trong những bối cảnh trang trọng; diễn văn tôn giáo: giảng dạy (ở

đây, ngôn ngữ văn học là đối tượng của giảng dạy hơn là phương tiện để truyền đạt kiến thức, ngoại trừ các môn liên quan đến di sản văn học và đôi khi là khoa học, thường được dạy bằng tiếng Anh hay Pháp).

Giống như các ngôn ngữ văn hoá khác, tiếng Ả Rập cũng bị ảnh hưởng bởi tính hiện đại, điển hình trong lĩnh vực từ vựng khoa học, công nghệ. Điều này đang khiến nhiều người dân Ả Rập lo ngại và cũng là vấn đề đang được xem xét tại các tổ chức ngôn ngữ Ả Rập (thành lập năm 1919 tại Syri, 1932 ở Ai Cập, 1947 ở Irắc, 1976 ở Giócđani, 1986 ở Algieri) và Hội các quốc gia Ả Rập. Việc sử dụng thường là nằm ngoài các khuyến cáo của những tổ chức trên. Nếu như cách sử dụng không thống nhất giữa các nước Ả Rập thì tóm lại đó là sự phản ánh tính đa dạng của khối Ả Rập và những ảnh hưởng đang diễn ra tại đây.

Có khá nhiều vấn đề đang được đặt ra. Thứ nhất, quá trình tiếp thu ngôn ngữ văn học diễn ra tẻ nhạt vì trong quá trình giảng dạy người ta thường bác bỏ mọi sự phát triển và các cách thức sử dụng ngôn ngữ vẫn bị xem là sai mặc dù chúng hình thành trước đó rất lâu. Thứ hai, một số nước, đặc biệt là những nước phải trải qua một thời gian dài bị đô hộ đang phải đối mặt với những vấn đề của cái được gọi là "quá trình Ả Rập hóa": tạo ra hay phục hồi vị trí chủ chốt của ngôn ngữ Ả Rập văn học (quốc ngữ) như ngôn ngữ văn hóa và giao tiếp viết vốn mất đi từ lâu do thứ tiếng của nước đô hộ.

Quá trình Ả Rập hóa này đang được tiến hành làm nảy sinh khá nhiều vấn đề phức tạp, đó là những vấn đề liên quan đến chính trị, tôn giáo và cộng đồng.

▪ **Sự vận động của hiện tượng song ngữ.**

Tính đa dạng của phương ngữ và văn học là hai cực của một vấn đề và cũng là chủ đề của các cuộc bàn luận.

Hai cực này không đồng nhất: ngôn ngữ văn học (vốn tiếp nhận không đều) không có cùng quy tắc với phương ngữ. Hoàn cảnh và chủ đề của những bài diễn văn phần lớn tạo ra một hay nhiều cấp bậc ngôn ngữ, mức độ chòng chéo ngôn ngữ:

một cuộc phỏng vấn hay tranh luận sẽ đem lại kết quả tốt nếu như được thể hiện bằng ngôn ngữ văn học miễn là hoàn cảnh không quá trịnh trọng và phải nắm bắt được chủ đề. Trong một giờ dạy, giáo viên có thể đề cập đến toàn bộ vấn đề này. Hiểu rõ được quy luật đó, chúng ta sẽ dễ dàng sử dụng ngôn ngữ. Gamal Abdel Nasser – tổng thống Ai Cập - nổi tiếng cũng vì lẽ đó. Trong các bài diễn văn của ông ngôn ngữ văn học và thổ ngữ đan xen trong từng câu, thậm chí từng từ. Ông sử dụng lần lượt giọng văn mỉa mai, thâm thúy, trang trọng mỗi khi đứng trước thính giả Ai Cập và A Rập.

Nhìn chung trong thế giới A Rập, việc chia tách thành nhiều thực thể khác biệt cả về chính trị và văn hoá, tính đa dạng của phương ngữ, sự hình thành ngôn ngữ Koinès cùng với sự tồn tại song song của hiện tượng song ngữ thường đem lại cho chúng ta ý nghĩ cần phải hình tượng hóa ý tưởng về sự phát triển của một loại hình ngôn ngữ trung gian, ngôn ngữ văn học đã tách biệt với các từ ngữ cổ và đang xoá bỏ dần ảnh hưởng của phương ngữ. Nếu đó là một ngôn từ được sử dụng trong hoàn cảnh cụ thể nào đó, thì quá trình phát triển của nó sẽ không đi theo cùng một hướng. Sự phong phú về ngôn ngữ hiện nay về căn bản sẽ không thay đổi. Dù gì đi nữa thì sự phát triển của ngôn ngữ sẽ phụ thuộc vào các nhân tố chính trị, hệ tư tưởng và xã hội tại mỗi nước và theo tính biện chứng về các quan điểm đồng nhất.

▪ Các ngôn ngữ của tiểu lục địa Ấn Độ

Từ "tiểu lục địa Ấn Độ" chỉ một tổng thể địa lý bao gồm các quốc gia mà biên giới gần đây mới ổn định. Đó là những nước: Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Nêpal, Srilanka và Bhoutan. Trong số các ngôn ngữ lớn trên thế giới cũng xuất hiện một số ngôn ngữ của vùng này với số lượng lớn người sử dụng và nền văn hoá đa dạng. Sự phong phú của ngôn ngữ ở đây được so sánh với châu Âu.

Nhìn chung, những cố gắng nhằm tái hiện lại 30 năm gần đây đang dao động giữa hai cực đối lập nhau: mong muốn phát triển, với mỗi quốc gia các tiểu lục địa hay mỗi bang của cộng hoà Ấn Độ, một ngôn ngữ gọi là "ngôn ngữ chính thức" và một

hệ thống đa ngôn ngữ được chính thức hóa (trong trường học và trên các phương tiện truyền thông). Từ đó ở cấp độ quốc gia hay khu vực, các khái niệm về ngôn ngữ "cộng đồng" và "thiểu số", việc người dân sử dụng ngôn ngữ này hay ngôn ngữ kia đều phụ thuộc vào hoàn cảnh lời nói. Cũng cần tính đến tiếng Anh với thể chế đặc biệt của nó, một thứ tiếng được sử dụng rộng rãi dưới thời thực dân mà các nhà nước độc lập non trẻ có thể mong muốn loại bỏ. Tuy nhiên, được coi là một ngôn ngữ hoàn hảo tách biệt với những đặc thù của khu vực, tiếng Anh vẫn có được tầm ảnh hưởng rộng lớn cho dù việc các dân tộc khác nhau sử dụng có làm nảy sinh những nét khác biệt. Sau cùng, nhiều hệ thống chữ viết đang được sử dụng, hoặc có nguồn gốc từ Ấn Độ, hoặc bắt nguồn từ Arập, Ba Tư.

▪ **Nhóm ngôn ngữ và chữ viết.**

Có 4 nhóm ngôn ngữ chính tương ứng với hơn 180 ngôn ngữ và 544 phương ngữ. Với tính đa dạng của các ngôn ngữ cũng tồn tại các hệ thống chữ viết.

Những ngôn ngữ Ấn - Arian hiện đại (có 550 triệu người dùng) là những ngôn ngữ Ấn - Âu tập trung ở phía Bắc của bán đảo, ngoài trừ tiếng của vùng Cinghal. Ngôn ngữ có số người nói nhiều nhất là ngôn ngữ Hindu. Ngôn ngữ cổ nhất: Sanskrit là chuyên ngữ và văn học được sử dụng trong nhiều thế kỷ. Ngày nay, khoảng 2500 người yêu cầu coi thứ tiếng này là tiếng mẹ đẻ và cũng đã được hiến pháp của Ấn Độ công nhận. Sanskrit có một hình ảnh 2 chiều: là biểu tượng của nền văn hoá và là hiện thân của các giá trị truyền thống liên quan chặt chẽ đến đạo Hindu. Sanskrit - ngôn ngữ bác học còn là một cuốn sách chứa đựng những từ ngữ mới. ở phía nam, ngôn ngữ của người Dravida được sử dụng rộng rãi (130 triệu người). Đây được xem là nền tảng ngôn ngữ của tiểu lục địa và không có bất cứ liên quan đến một họ ngôn ngữ lai nào. Tại đây, hiện tượng song ngữ rất dễ nhận thấy. Trái ngược với 2 nhóm này (được sử dụng trong các tài liệu viết tay thế kỷ thứ 10), ngôn ngữ Munda (hơn 7 triệu người sử dụng) lại chỉ được dùng để giao tiếp, chủ yếu ở Chota Naypur (Bihar - Orissa) và Madhya. Mặc dù chỉ còn tồn tại những nét khác nhau về cơ

cầu giữa các nhóm ngôn ngữ này nhưng rõ ràng cũng có một vùng ngôn ngữ Ấn Độ riêng biệt xác định qua những tiêu chí cấu âm, cú pháp, từ vựng... Ngoài ra ở các vùng giáp biên giới phía Đông và Bắc còn có nhóm Môn - Khmer (Đông dương, Miến điện) và Tây Tạng- Miến điện mà đặc trưng là tiếng Khasi (Tây Assam) tiếng Tây Tạng (Bhoutan) và Newari (Nepal).

Về chữ viết, cần phân biệt giữa chữ viết bản địa và chữ viết từ bên ngoài. Các bản chữ cái có nguồn gốc từ Ấn Độ đều có âm tiết, và đi từ trái sang phải và có chung nguồn gốc (chữ viết Brahmi) nhưng chữ ở miền bắc với hình thiên về đường nét lại khác hoàn toàn chữ viết ở miền nam, đặc trưng bởi một ductus rất tròn. Chữ Devanagari được dùng để ghi tiếng Hindi, Marathi, Nepal và Sanskrit trong khi các chữ viết có nét gần giống lại là công cụ để ghi tiếng át xam, Bengali, Gujerati, Pendjaki (chữ Gurmukhi). Tiếng Cinghal lại có một hệ thống chữ viết riêng. Các ngôn ngữ vùng Dravida có chữ viết khác nhau. Nhờ có nhiều sửa đổi nên bảng chữ cái Arập - Persane được sử dụng để ghi tiếng Urdu, Kashmir và nếu cần cả tiếng Pendjabri (ở Pakistan) và tiếng Sindhi. Để ghi các chữ số, thì chữ số Arập thường được những người không biết tiếng Anh sử dụng, ngày càng giống với chữ số Ấn Độ. Nhưng chúng cũng được dùng cho các ngôn ngữ khác nhau.

▪ **Ngôn ngữ chính thức và ngôn ngữ vùng ở Ấn Độ.**

Tiếng Hindi không thể thay thế được tiếng Anh. Hiến pháp Ấn Độ đã thừa nhận (kể từ 1967) 2 thứ tiếng này như 2 ngôn ngữ chính thức và ngoài ra còn 14 ngôn ngữ vùng. Cộng hoà Ấn Độ chia làm 20 bang và 7 lãnh thổ có đường biên giới phân chia chủ yếu dựa trên các tiêu chí ngôn ngữ. Nhìn chung mỗi bang có thứ tiếng riêng của mình và xem đó là ngôn ngữ chính thức của họ. Ngoài ra còn có nhiều thứ tiếng tùy theo số lượng các dân tộc thiểu số và tín ngưỡng (tiếng Urdu ở Uttar Pradesh và Andhra Pradesh, tiếng Bengali ở át xam...). Từ khi giành được độc lập nhiều sự phân chia mới được tiến hành do áp lực từ phía các tổ chức. Do vậy, Pendjab, nơi trước đây tiếng Pendjabi và Hindi được coi là ngôn ngữ chính thì nay

được bị chia làm 2 bang: Pendjab với tiếng pendjabi và Haryana với tiếng Hindi (năm 1966). Nhiều tổ chức cùng với các hội riêng của mình đang khuyến khích sự phát triển văn học của các ngôn ngữ này. Cho dù họ thành công hay thất bại đi chăng nữa thì những phong trào đòi công nhận nguồn gốc các thứ tiếng cũng đã tác động đến đời sống chính trị Ấn Độ (các hoạt động nhằm phát triển tiếng Mathili và công nhận bang Mathila là một bang độc lập; và mới đây là phong trào của người Bodo ở á t xam).

Một khó khăn lớn đặt ra là tiếng Hindi vừa là ngôn ngữ chính thức vừa là ngôn ngữ vùng của 6 bang trong số những bang có đông dân nhất. Như vậy người Drarida sẽ khó có thể chấp nhận sử dụng ngôn ngữ này. Trái ngược với các thứ tiếng khác, tiếng Urdu được cộng đồng người Hồi giáo sử dụng và tiếng Sindhi, ngôn ngữ của một nhóm người Sindh di cư sống tập trung trong các trung tâm lớn ở ngoài ô, lại không cố định cho một vùng địa lý riêng nào.

Hệ thống giáo dục tập trung vào dạy 3 thứ tiếng sau: ngôn ngữ vùng, tiếng Hindi và tiếng Anh. Tuy nhiên, thực tế lại không vậy. ở 3 bang sử dụng tiếng Hindi, mục tiêu đề ra ban đầu bị thay đổi đôi chút. Học sinh ở đây học tiếng Hindi, tiếng Anh và tiếng thứ 3 là Sanskrit. Mọi đề xướng đưa ra (2/1989) nhằm áp dụng thể thức ban đầu đã gây ra nhiều phản đối gay gắt từ phía các đảng phái Hindu đa số vì theo họ, tiếng Sanskrit sẽ mất dần chỗ đứng của nó. Các vùng phía nam cũng gặp phải các vấn đề tương tự về việc dạy tiếng Hindi. Tại đây lại đang áp dụng phương pháp giảng dạy song ngữ (tiếng Drarida và tiếng Anh) mặc dù có qui định là các viên chức phải biết tiếng Hindi. ở các trường đại học, ngôn ngữ giảng dạy chính thức là tiếng Anh mặc dù chính phủ đang khuyến khích dạy theo tiếng địa phương. Ngoại trừ các vùng có tiếng Hindi và Gujerat.

- **Thể thức đa ngôn ngữ và vị thế của tiếng Anh.**

Các tổ chức hiện đang khuyến khích việc sử dụng nhiều thứ tiếng truyền thống và phát triển ngôn ngữ vùng. Mặc dù vậy, tiếng Anh vẫn phát triển mạnh. Nếu như tất cả dân Ấn

độ không biết 2 thứ tiếng thì một bộ phận lớn trong số đó có thể hiểu và sử dụng, ít nhất là ở trình độ sơ đẳng, 2 hay nhiều thứ tiếng. Nhiều cuộc điều tra cho thấy việc duy trì ngôn ngữ vùng (có lợi do được sống giữa đẳng cấp và gia đình) là hợp lý trong trường hợp di chuyển dân số: một người nói tiếng Gujarati sẽ vẫn giữ được tiếng Gujarati khi đến Maharashtra và ngoài ra sẽ sử dụng được tiếng Marathi cũng như tiếng Hindi và tiếng Anh nếu cần. Ngoại trừ các thứ tiếng bộ lạc (không sử dụng để viết) tồn tại song song với ngôn ngữ vùng có qui chế được đảm bảo hơn. Nhưng chúng cũng có thể bị lãng quên. Dù gì đi nữa thì vùng ngôn ngữ Ấn Độ vẫn là nơi lý tưởng để chọn lựa các thứ tiếng giao tiếp (xuất hiện ngôn ngữ pha tạp và tiếng Anh góp nhặt giữa các ngôn ngữ khác nhóm như Marathi và Kannara).

Cho dù các nhà chính trị quyết tâm tạo điều kiện phát triển các ngôn ngữ của Ấn Độ và cố gắng làm thích ứng các từ ngữ với nhu cầu hiện đại (thành lập các uỷ ban sáng tạo từ mới), thì việc đấu tranh chống lại sự phát triển của tiếng Anh như ngôn ngữ chính thứ 2 vẫn tỏ ra không có hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, tiếng Anh là tiếng duy nhất có khả năng vượt lên trên các thứ tiếng của vùng. Không những thế, tiếng Anh rõ ràng còn là thứ tiếng của sự phát triển xã hội, tạo điều kiện cho sự di cư và hội nhập bên ngoài Ấn độ. Các trường giảng dạy bằng tiếng Anh được biết đến nhiều hơn các trường khác. Không sử dụng được tiếng Anh là một khiếm khuyết lớn để vào đại học. Các thí sinh tham dự các kỳ thi có thể sử dụng tiếng Hindi hay một trong các ngôn ngữ vùng khác. Nhưng trên thực tế cơ may có được một việc làm xét về mặt địa lý còn hạn chế. Các hiện tượng giao thoa giữa tiếng Anh và các thứ tiếng khác có tác dụng phát triển một nét mới được Ấn Độ hoá từ tiếng Anh ở Nam á đồng thời tạo ra sự pha tạp điển hình.

▪ **Pakistan, Bangladet, Nepal và Srilanka.**

Ở 3 trong 4 nhà nước của tiểu lục địa (Pakistan, Nepal, Srilanka) xuất hiện các xu hướng như ở Ấn Độ, Bắnglăđét là trường hợp ngoại lệ. ở Pakistan, khởi đầu việc thành lập nhà nước độc lập (1947) một phần dựa trên cơ sở ngôn ngữ: tiếng

Urdu đã hoà nhập với văn hoá đạo hồi và cộng đồng người Hồi giáo yêu cầu xem đó là quốc ngữ. Cũng giống như ở Ấn Độ, việc loại bỏ tiếng Anh cũng không thu được kết quả. Vì thế ngày nay Hiến pháp công nhận tiếng Urdu và tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức. Trong số các ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất, có tiếng Pendjabi, Sindhi và Pachtu. Việc trộn lẫn các ngôn ngữ là có thực. Mỗi vùng đều sử dụng nhiều ngôn ngữ. Bangladeset với ngôn ngữ chính là Kengali tách ra khỏi Đông Pakistan cũ (1971). Người dân Bắnglăđét không bao giờ chấp nhận một chính sách "trung lập" có lợi cho tiếng Urdu. Trong tất cả các nước ở tiểu lục địa thì đây là nước duy nhất chỉ sử dụng một thứ tiếng. Chính do quyết tâm đó mà trình độ giáo dục ở đây rất thấp. Tiếng Anh không mấy phát triển.

Từ năm 1905 ngôn ngữ sử dụng chính thức ở Nepal là Nepali. Là công cụ cho sự hội nhập quốc gia, tiếng Nepali được hơn 1/2 dân số sử dụng. Nhưng ở Nepal cũng có sự trộn lẫn ngôn ngữ các dân tộc: người dân ở vùng núi, nhìn chung là song ngữ, sử dụng cả tiếng Tây Tạng - Miến Điện. Những ngôn ngữ này, ngoài tiếng Newari, thứ tiếng quan trọng nhất, không có giá trị văn học truyền thống đích thực. Người dân ở Tera, vùng gần Ấn Độ, nói tiếng Hindi hay ngôn ngữ gần giống (Maithili). Và lại những cố gắng chuẩn hóa tiếng Nepali khiến cho chữ viết gần giống với tiếng Hindi, tạo ra hiện tượng song ngữ. Tiếng Anh, với sự phát triển rộng rãi, là tiếng sử dụng ở cấp đại học.

Ở Srilanka, tình hình ngôn ngữ đang trong giai đoạn biến động do những đòi hỏi li khai của dân tộc thiểu số người Tamul sống tập trung trong các tỉnh phía Nam và Đông. Kể từ khi ký kết hiệp định Ấn Độ - Srilanka tháng 7/1987, các ngôn ngữ chính thức là Cinghal, Tamoul và tiếng Anh. Các tài liệu chính thức được viết theo 3 thứ tiếng này. Nhưng gần đây do xây dựng được một số thể chế mới tiếng Cinghal trở thành ngôn ngữ chính thức, còn tiếng Tamoul và tiếng Anh là quốc ngữ. Ngoài ra còn một số qui định đặc biệt để tiếng Tamoul có thể sử dụng như ngôn ngữ hành chính trong các tỉnh phía Nam và Đông. Hệ thống giáo dục dựa trên 2 thể thức riêng rẽ. Hệ song ngữ Cinghal và Tamoul ít được sử

dụng. Tiếng Anh đang được khuyến khích và phát huy được những đặc trưng riêng. Cả 3 ngôn ngữ này đều được dùng trên các phương tiện truyền thông.

▪ **Ngôn ngữ vùng châu Phi cận Sahara**

Sở dĩ hệ thống ngôn ngữ Châu Phi phức tạp như vậy là do sự đan xen chằng chịt các hoàn cảnh: sự tồn tại của 4 nhóm ngôn ngữ được phân chia thành vô số ngôn ngữ bản xứ (khoảng 1300) trong đó một số phát triển thành chuyển ngữ vì những lí do chính trị, thương mại. Quá trình thực dân hoá đã đem lại tính đa dạng cho các ngôn ngữ châu Âu (Anh, Pháp, Tây Ba Nha, Bồ Đào Nha...). Tùy vào mỗi nước và hoàn cảnh chính trị hiện nay mà những ngôn ngữ của Châu Phi hoặc nó được mở rộng hoặc nó được thu hẹp thậm chí còn bị quên lãng.

Trong số 4 nhóm ngôn ngữ chính, nhóm được sử dụng rộng rãi nhất là Niger - Kordofan (trải dài đến phía nam Sahara và từ Đại tây dương đến Ấn độ dương). Ngoại trừ mũi Nam Phi, nhóm ngôn ngữ này bao trùm khắp vùng Châu phi cận Sahara, từ Sénégal đến Zanzibar. Đơn vị ngôn ngữ của nhóm này chỉ rõ ràng đối với các chuyên gia vì các ngôn ngữ nói khác nhau rất lớn giữa vùng này với vùng kia. Không có việc cùng hiểu tiếng giữa các ngôn ngữ tương đồng: Ngôn ngữ sông Nil - Sahara nằm giữa Niger - Kordofan và châu Phi - á. Đây cũng là một ngôn ngữ quan trọng trong số những ngôn ngữ nói. ảnh hưởng của các đế chế lớn hình thành và phát triển trước người Châu Âu đã khiến ngôn ngữ của kẻ chiến thắng được sử dụng trong các nước chiến bại (Manding, Songhai, Kanouri) hoặc cũng có thể ngược lại. Những kẻ xâm lấn lựa chọn và phổ biến ngôn ngữ của kẻ bị trị. ở Nigeria, người Pou đã thông qua tiếng Haoussa; ở Ruanda và Burundi những người nói ngôn ngữ sông Nil lại chọn ngôn ngữ Bantoue.

▪ **Các ngôn ngữ chính của Châu Phi.**

Nhiều quốc gia mới thành lập đã thông qua các chính sách khác nhau, hoặc giữ lại tiếng của nước đô hộ trước đây (Anh, Pháp) hoặc chính thức một số chuyển ngữ của địa phương.

Một vài nhà nước đã thông qua một chính sách thống nhất ngôn ngữ. Đó là trường hợp của Xômali, Tarzanie. Những nước này tuyên bố chỉ sử dụng tiếng Xômali hoặc Swahili. Các nước khác không có được quyết tâm như vậy, đành công nhận ngôn ngữ thống trị, như tiếng Tswana ở Bostwana. Còn những nước khác lại có nhiều ngôn ngữ. ở Nigiêria, nơi tùy theo từng vùng mà tiếng Haoussa (ở phía bắc), tiếng Yoruba (phía tây nam) và Igbo (phía đông nam) được sử dụng ít hay nhiều. lịch sử gần đây đã cho thấy thực tiễn ngôn ngữ, kinh tế, tôn giáo không tạo điều kiện cần thiết cho chính trị. Ngược lại, Zaire dường như lại duy trì được thể thức đa ngôn ngữ của mình. Tuy nhiên, các ngôn ngữ Bantoues đang được sử dụng ở 9/ 10 diện tích đất nước.

Cameroun là một ví dụ điển hình về sự chia nhỏ ngôn ngữ. Với dân số 10.300 người mà có đến 230 thứ tiếng bản địa (thuộc 3 trong 4 nhóm ngôn ngữ) và 6 chuyển ngữ Châu Phi. Đó là các thứ tiếng (từ bắc sang nam): tiếng Pơn, Arập choa; Kanouri, Bêti, Bassa, Douala. Tại các thành phố và các vùng không có ngôn ngữ thống trị (chủ yếu là ở phía tây) ngôn ngữ giao tiếp là tiếng Anh lai căng. Các ngôn ngữ chính là tiếng Anh và Pháp.

ít nhất có 3 nước vẫn chưa có một chính sách ngôn ngữ và cũng không có một ngôn ngữ thống trị nào. Đó là: Bờ biển Ngà (Côte-d'Ivoire), Libêria và Mozambic.

Ngoài hiện tượng đa ngôn ngữ, trong tất cả các nước ở châu Phi còn có sự song song tồn tại của ngôn ngữ nước thực dân. Việc buôn bán nô lệ phát triển ngay khi người châu Âu bắt đầu khai thác các bờ biển châu phi. Khi khai thác đã dần sâu vào đất liền, các chuyển ngữ của dân cư sống ven biển có cơ hội phát triển, đảm bảo cho việc cung cấp ngà voi và dân nô lệ cho người châu Âu. Các con sông là trục giao thông chính, thậm chí là trục giao thông duy nhất cho việc lưu thông. Vì vậy thời gian đầu tiếng Lingala (Côn-gô, Tây Zaire), tiếng Sango (Trung Phi) và Swahili (Đông Phi) được phổ biến như các chuyển ngữ rồi sau đó trở thành ngôn ngữ chính thức.

▪ **Hệ thống đa ngôn ngữ.**

Ở Cameroun, một người nói tiếng Fe'fe (ngôn ngữ Bamiléké) phải có kiến thức nhất định về các ngôn ngữ Bamiléké vùng phụ cận, tiếng Anh pha tạp (sử dụng ở phía nam và tây), một hay hai chuyển ngữ địa phương (tiếng pɔn phía bắc và tiếng bêti phía nam) và về tiếng Pháp hoặc Anh nếu muốn tiếp tục học ở trung học, đại học và vào ngạch công chức. Những trường hợp đa ngôn ngữ như vậy rất thường thấy và chúng ta có thể gặp, ví dụ ở Rwanda, hiện tượng giả song ngữ Pháp - Kinyarwanda. Thêm vào đó, là hiểu biết đôi chút về một ngôn ngữ địa phương .

Một căn hộ ở đô thị và tham vọng đạt được danh vọng ở trường đại học, cơ quan hành chính hay chính trị sẽ thúc đẩy nhiều người học một hay nhiều ngôn ngữ quốc gia và của các nước thực dân. Ngược lại, ở môi trường nông thôn vừa bảo thủ lại không có cơ hội giao tiếp với nhau hay với bên ngoài, cùng lắm chỉ biết hai thứ tiếng: tiếng mẹ đẻ và chuyển ngữ. Đôi khi ở những vùng đông dân, vẫn có hiện tượng đơn ngữ (tiếng Banda ở Trung Phi, tiếng Igno hay Yoruha ở Nigieria).

Tình hình ở đô thị nhìn chung rất khác nhau. ở nhiều thành phố lớn, đặc biệt trong các thủ đô của các nước còn tồn tại hiện tượng đơn ngữ là chuyển ngữ. Nhưng hiện tượng này sẽ không sánh được với ngôn ngữ của Châu Âu ở những vùng khó khăn hiện chiếm phần lớn dân số ngoại vi.

Hiện nay, hầu như tiếng bản địa chỉ được nói trong môi trường bản địa đồng nhất. Một số chuyển ngữ thống trị được sử dụng thường xuyên ở các khu đô thị giữa những người có nguồn gốc khác nhau trong mọi tình huống giao tiếp: ở chợ, trường học... Biết được chuyển ngữ này sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển sau này trong xã hội. Như vậy, ngôn ngữ bản địa mẹ đẻ có xu hướng bị loại bỏ. Mặc dù còn sót lại dấu tích của quá trình thực dân và việc sử dụng ngôn ngữ châu Âu còn chưa thành thạo nhưng những thứ tiếng này vẫn đặt ra mục tiêu cần phát huy giá trị và là công cụ giao tiếp văn hóa trong thế giới hiện đại .

▪ **Ngôn ngữ thời thuộc địa.**

Toàn bộ vùng Sahara đã bị Hồi giáo hóa và một bộ phận bị Arập hóa từ nhiều thế kỷ nay. Các nhà hàng hải Tây Ba Nha và Bồ Đào Nha đã thám hiểm dọc bờ biển Đại Tây Dương, từ Sénégal đến Ăngôla.

Sự xâm chiếm của người Đức, Pháp và Anh diễn ra vào thế kỷ 19. Ngoài ra phải kể đến người Bỉ và ý. Đại chiến thế giới thứ nhất đã chấm dứt thời kỳ đô hộ của Đức, đến đại chiến thế giới thứ hai là người ý. Chỉ còn lại khối Anh ngữ và Pháp ngữ. Khối Pháp ngữ phân bố giữa Pháp và Bỉ. Dem theo những cuộc tranh luận về ngôn ngữ vào Côngô, người Bỉ mong muốn phát triển ngôn ngữ địa phương qua các nhà truyền giáo Flamăng trong khi chính sách đồng hóa lại nhằm loại bỏ ngôn ngữ bản địa để áp đặt tiếng Pháp như một ngôn ngữ chính. Kết quả là khi giành được độc lập, các nước bị Pháp đô hộ đã mong muốn loại bỏ tiếng Pháp, đến lúc đó chỉ còn ngôn ngữ ngoại giao để phát huy tiếng địa phương. Tuy nhiên do tình hình đặc biệt ở một số nước nên nhiều tư tưởng bị Pháp hóa mạnh đã chống lại chính sách này. Như ở Bờ biển Ngà, nơi mà tiếng Pháp là ngôn ngữ ngoại giao, quốc ngữ và là ngôn ngữ giảng dạy.

Khi giành được độc lập, Ghinê muốn thoát khỏi sự chi phối của Pháp và tìm cách phát triển 8 ngôn ngữ bản địa được sử dụng rộng rãi bằng cách áp dụng chúng trong 8 năm học đầu tiên. Từ năm 1984, sự quay trở lại của tiếng Pháp đã tạo ra giai đoạn chuyển giao 6 năm trong lúc chờ đợi các cuốn sách giảng dạy bằng tiếng quốc gia được đưa vào áp dụng.

Ở Zaire, khi giành được độc lập thì chính sách của Bỉ nhằm phát triển một số ngôn ngữ địa phương lại có được sự ủng hộ Pháp. Sau một thời gian dài giảng dạy bằng tiếng Pháp, Zaire lại quay trở về với các ngôn ngữ quốc gia có số lượng người nói nhiều như tiếng Lingala, Swahili, Kikongo, Cluba).

Chính sách thuộc địa của Anh hoàn toàn khác với của Pháp. Một số lượng nhỏ các cộng đồng thực dân cai quản lãnh

thổ đồng thời tạo điều kiện cho việc truyền bá vài ngôn ngữ lớn của địa phương quan trọng trong khuôn khổ " cai trị gián tiếp" và đào tạo các nhà tư tưởng ở trình độ cao. Khi giành lại được độc lập, những người này nắm số phận của đất nước trong tay cho đến khi các vấn đề kinh tế, tôn giáo nảy sinh, tác động mạnh đến tầng lớp trẻ. Tuy nhiên không vì thế mà ảnh hưởng đến vị trí của tiếng Anh tại đây.

Mặc dù ngôn ngữ địa phương chứa đựng nhiều nét phong phú nhưng tiếng Anh và tiếng Pháp vẫn có những ảnh hưởng nhất định và là ngôn ngữ toàn cầu. Một vài nước vẫn giữ hai thứ tiếng này làm ngôn ngữ chính cùng với các ngôn ngữ địa phương khác (Trung Phi: tiếng Pháp là ngôn ngữ chính, tiếng Sango là quốc ngữ). Mọi ý định giảng dạy bằng tiếng địa phương vẫn dậm chân tại chỗ do thiếu phương pháp khoa học, thiếu sách vở và đào tạo giáo viên còn sơ sài. Ngoài Tanzania, Burundi và Rwanda thì ngay cả ở cấp trung học, thậm chí tiểu học và cả ở đại học, tiếng Pháp và Anh đều được sử dụng.

▪ **Ngôn ngữ châu Phi và quá trình phát triển.**

Sự phát triển do tình hình kinh tế kỹ thuật hiện đại tạo ra đang bị cản trở vì việc truyền bá kiến thức chỉ được thực hiện bằng tiếng của các nước châu Âu. Ngoài việc thiếu hiểu biết về các thông tin xã hội đã khiến nhiều dự án phải bỏ dở, việc giảng dạy ở nông thôn chủ yếu do người châu Âu không biết tiếng địa phương đảm nhận hoặc cũng có thể là do những người hướng dẫn biến một chuyên ngữ trong đó không có một ngôn ngữ kỹ thuật nào thích hợp với việc giảng dạy các công nghệ của nước ngoài. Và lại, mọi đề xuất xoá mù chữ cho trẻ em và người lớn bằng chuyên ngữ đều thất bại vì với họ đó chỉ là thứ tiếng phụ. Không nắm được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và đặc biệt là ngôn ngữ của các nước đã dẫn đến thất bại, đến tác động xấu đến các dự án phát triển hiện nay. Một mặt các nước châu Âu không hiểu vấn đề nên thường không muốn phổ biến kinh nghiệm. Mặt khác, các nước châu Phi không hiểu được những gì mà người khác đang cố gắng dạy họ, vì vậy nên họ tỏ ra không mấy hứng thú.

Một trong các thất bại của việc chuyển giao công nghệ mới có nguyên nhân do các nước phương Tây không bao giờ cố gắng đưa ra cách sử dụng, sách hướng dẫn hay đơn giản là các mẫu sản phẩm bằng thứ tiếng mà người sử dụng biết. Họ đều dùng tiếng Pháp hay tiếng Anh. ở các nước Arập tình hình lại hơi khác. Rõ ràng là chi phí để in ấn một cuốn sách giảng dạy đối với đối với tất cả các nước ở châu Phi nói tiếng Pháp ít hơn so với các chuyển ngữ khác (chuyển ngữ Swahili, Haoussa, Bambara...). Cần nhanh chóng tiếp thu soạn thảo một hệ thống thuật ngữ dựa vào thế giới hiện đại đồng thời đề nghị tạo ra nhiều tân ngữ trong ngôn ngữ địa phương với sự cộng tác của các chuyên gia châu Phi .

Do việc sử dụng còn chưa thành thạo và thiếu sách vở nên nhiều người đang ở trong tình trạng tái mù chữ. Điều này còn là vì các trường chỉ dạy bằng tiếng Anh hay Pháp, vốn nắm chưa chắc.

▪ **Tiếng Swahili.**

Trước đây vốn là tiếng của những thủy thủ sống ven biển, giờ đây Swahili đã là một ngôn ngữ giao tiếp quan trọng của châu Phi.

Cách đây 100 năm, mọi người chỉ có một vài khái niệm về ngôn ngữ của những thủy thủ, bó hẹp ở Zanzibar và ở bờ biển đối diện. Ngày nay, đây đã là ngôn ngữ được biết đến nhiều nhất, bao phủ một diện tích lớn nhất và còn là quốc ngữ của Tanzanie. Không những thế, Swahili còn được sử dụng ở Brava, Môzambíc, Lubumbashi và Kisangani.

Có thể phân ra làm 4 nhóm người nói tiếng Swahili:

1 - Những người sử dụng tiếng Swahili như ngôn ngữ chính (dưới 1 triệu) sống dọc theo vùng duyên hải phía đông các đảo Zanzibar, Pemba, Mafia và tại các thành phố (Tabora, Bujumbura.....).

2 - Những người lấy tiếng Swahili làm ngôn ngữ thứ hai nhưng lại sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (hơn 10 triệu người) sống ở Tarzania và Kenya.

3 - Những người thường sử dụng trong các vùng ngôn ngữ sông Nil ở phía bắc của Kenya và phía đông Zaire.

4 - Những người chỉ thỉnh thoảng sử dụng, trong trường hợp đó là ngôn ngữ giao tiếp duy nhất, sống ở nam Xômalì, bắc Môzambíc, Rwanda, Burundi và khu vực lân cận Kinshasa.

Tình trạng ngôn ngữ này không hoàn toàn giống nhau: nếu tồn tại một ngôn ngữ Swahili chuẩn mà chuẩn mực đã được quy định từ năm 1930 thì còn có rất nhiều phương ngữ vẫn tiếp tục tồn tại và các dạng chuyển ngữ đã được đơn giản hóa như Kingwana của miền đông Zaire đã phát triển trong cùng thời gian.

Sự phát triển của tiếng Swahili phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau. Vùng phân bố của ngôn ngữ thường thường xuyên được người Arập và châu Âu lui tới để trao đổi thương mại. Do đó tầm quan trọng của tiếng Zanzibar ngày càng tăng. Mặc dù đặc trưng ngôn ngữ là tiếng Bantoue nhưng từ vựng của Swahili đã phong phú lên nhờ vay mượn hàng nghìn từ từ tiếng Arập và hàng chục từ Tây Ba Nha. Tiếp theo là tiếng của các nước thực dân: tiếng Đức ở Tanganyika, tiếng Anho ở Kenya và Ouganda, tiếng Bỉ ở Zaire. Các thứ tiếng này phát triển là vì những lý do thương mại, hành chính và giáo dục. Khi các nước này giành được độc lập, tiếng Swahili cũng đã được phổ biến rộng rãi nhờ việc mở rộng các trường học, đặc biệt là cấp tiểu học. Và vì là công cụ giao tiếp giữa các dân tộc trong quốc hội, kỳ họp của các đảng, các nghiệp đoàn, trong toà án và trong công sở nên vai trò xúc tác chính trị đối với thái độ của dân chúng của ngôn ngữ Swahili có ý nghĩa rất lớn.

▪ Tiếng Pháp

Các ngôn ngữ đều thuộc về người sử dụng chúng. Đối với tiếng Pháp, bằng chứng chính là lịch sử của nó. Mới đầu là tiếng Francien (phương ngữ ở vùng Ile- de- France thời trung cổ) rồi chuyển thành tiếng Pháp -Pháp (cách gọi để phân biệt với tiếng Pháp quốc tế) và cuối cùng là tiếng Pháp bên ngoài nước Pháp. Nói tiếng Pháp, đó là đáp ứng nhu cầu giao tiếp ,bao gồm nhiều yếu tố khu biệt văn hóa và xã hội. Viết tiếng

Pháp là vương vào vô khối phép bất quy tắc. Rút cục thì nhờ các phương tiện truyền thông việc giao tiếp lẫn nhau chưa bao giờ phát triển mạnh như vậy ở Pháp. Có thể nói rằng hiện nay đang tồn tại hai thứ tiếng Pháp: tiếng Pháp nói và tiếng Pháp viết.

Nếu đó chỉ là sự khác biệt về cách thức thì mọi ngôn ngữ khác cũng như vậy, như nhiều bảng chữ cái và bảng cấu âm đã chứng minh. Nhưng cứ theo lẽ ấy thì mọi người lại nhầm hệ thống ngôn ngữ và cách thực hiện chúng. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu ngữ pháp và từ vựng thì có thể nhận thấy rằng các bài viết quảng cáo lại có cả văn nói trong khi các bài diễn văn hiện nay lại chỉ khác những bài từ 2 thế kỷ trước về hình thức. Để đánh giá được tình hình hiện tại, cần phải xem xét cả hai khía cạnh: văn nói và viết; ngôn ngữ thân mật và ngôn ngữ trong sáng. Cộng thêm các yếu tố về địa lý, xã hội, kỹ thuật có thể nhận thấy một hình thức pha trộn ngôn ngữ. Nhưng đây không phải là một thứ gổ đã được chế sẵn mà tóm lại chính trên một nền tảng có sẵn mà cách thức sử dụng và tính đa dạng của tiếng Pháp hình thành.

▪ **Chuẩn mực và xu thế.**

Giống như mọi ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi, tiếng Pháp cũng có những thay đổi do các nhân tố xã hội, dân tộc, khu vực hay văn hóa. Nhưng không vì thế mà đơn vị ngôn ngữ bị ảnh hưởng .

Một nền văn học đồ sộ và số lượng người sử dụng lớn vẫn đảm bảo cho tiếng Pháp một sự kiên kết bền vững .

Một hội đồng cao cấp về ngôn ngữ, thành lập năm 1989 có nhiệm vụ làm phong phú, phát triển và truyền bá tiếng Pháp.

- Phát âm:

Người ta nhận thấy xu hướng yếu dần của hai âm /a/ (trong từ bas và il le bat) hai âm /e/ (trong từ thé và taie) và đặc biệt là âm /ẽ/ và /oẽ/ (trong từ brun và brin). Đó là chưa kể đến xu hướng chung là tuân theo cách phát âm dựa trên chữ

viết (phát âm các phụ âm cuối trong từ legs hay phụ âm đôi trong illégal, immoral .

Các âm tiết của từng vùng ,hiện còn rất rõ, thường được các chính trị gia sử dụng và đôi khi tới mức lạm dụng. Tiếng Pháp có 2 nét cấu âm, đó cũng là nguyên nhân của mọi sự biến đổi chuỗi lời nói. Chữ e câm được phát âm tùy theo phụ âm và việc người ta muốn diễn tả nó hay không. Như vậy trong câu " Je ne le ferai pas" (ferai có thể đọc là frai) đoạn "je ne le" có thể có dạng jenel hoặc jenele khi "ne" phủ định biến mất thì đoạn trên lại là jele, jle, hay jel. Từ đó có thể có 12 cách đọc. Sự nói vắn mà nguyên tắc xã hội thay đổi với ngay một cá thể, có thể là bắt buộc (les/ zhombres), có thể là tự nguyện (les gens/ zefficaces) và thậm chí (les genz/ efficaces) hay do tự nhận thấy cần phải làm (chanter/ ren choeur).

- Cách viết:

Sự khác biệt đáng kể giữa cách phát âm và cách viết cùng vô số các quy tắc thường trái ngược nhau luôn luôn là chủ đề bàn luận từ cuối thế kỷ 19. Để hệ thống chữ viết được hợp lý, nhiều tổ chức đã đề nghị sửa đổi lại chính tả của F. Brunot và A. Beslais. Lý lẽ được đưa ra luôn là: việc học một cách phức tạp đến như vậy sẽ khiến học sinh mất nhiều công sức, làm chúng xa rời các môn học có ích hơn (tiếng nước ngoài) và cản trở sự truyền bá tiếng Pháp ở nước ngoài. Tuy vậy vẫn không có nỗ lực nào nhằm thay đổi chính tả.

Mặc dù vậy, những năm gần đây tình hình đã tiến triển. Việc đưa nhiều từ mới vào từ điển (từ gốc nước ngoài, từ ghép...) giúp các nhà soạn từ điển có nhiều giải pháp hơn nhưng cũng có thể khiến họ ưu tiên các lựa chọn độc đáo. Hội đồng tiếng Pháp quốc tế đã cho phát hành cuốn sách với tiêu đề " vì sự hợp lý của chính tả trong các cuốn từ điển" (1988) nhằm giảm nhẹ vấn đề nhức nhối này. Việc tập hợp trên máy tính sẽ cho phép dự đoán được hiệu quả và mức độ cách đã đề nghị. Việc xóa bỏ các dấu mũ sẽ đơn giản hóa cách viết của khoảng 1000 từ mà chỉ tạo ra 35 từ phức tạp. Sau cùng, với sự phát triển vượt bậc của kỹ thuật cùng những thành tựu đáng

kể trong lĩnh vực giáo dục, tầm quan trọng của chính tả sẽ giảm xuống.

▪ **Ngữ pháp:**

Mặc dù chính phủ đã có chính sách nhằm duy trì ngôn ngữ địa phương nhưng sự phát triển của kỹ thuật và các phương tiện truyền thông đã đẩy lùi phương ngữ và thổ ngữ. Sách bỏ túi, đài, báo, tivi đang phổ biến một ngôn ngữ chuẩn: như vậy thức giả định với "après que và tout...que" đã được chấp nhận. Nhưng những nhà nghiên cứu ngữ pháp cũng đang tham gia: nếu cuốn sách "Bon usage" của M. Grevisre được tái bản làm tăng thêm các biến thể, nếu Viện ngôn ngữ quốc gia đưa cho mọi người 170 triệu mẫu văn học và khoa học thì rất nhiều hình thức ngữ pháp đang được sử dụng lại có xu hướng xác định một hệ thống tổng thể mà mọi người có thể chấp nhận được. Điều có ý nghĩa là các mục thời luận của những "người theo chủ nghĩa thuần túy" ngày càng ít đi.

Các phương tiện truyền thông và máy tính đang vận dụng tính đa dạng của tiếng Pháp, xa rời với các chuẩn mực giáo dục cũ. Ngôn ngữ của giới trẻ được sử dụng trên đài phát thanh, truyền hình, các bài diễn thuyết của các ngôi sao, các nhà báo hé mở một ngôn ngữ được sửa đổi, mà trên thực tế đã sử dụng từ lâu: như về hệ thống hành vi (đặt ra ngoài lề: tout, maint hay nul), về từ để hỏi (Tu viens? oui ou non? n'est-ce pas?), về phủ định không có "ne" về các nhóm danh từ xây dựng với các động từ. Hợp giống, số dường như đang đặt ra một vấn đề. Rõ ràng là các nhà khoa học không mấy nhạy cảm với sự biến đổi của người kể. Giọng văn của "Người đàn ông tôi đánh" rất bình thường, có một sự đối chiếu với "các tình huống trong đó có thể thực hiện được điều này". Phụ nữ cũng có xu hướng bỏ các thuộc ngữ không đối: "Je suis content de cette victoire". Cũng như vậy, việc hợp với phần từ quá khứ cũng thường bị bỏ qua trong các bài diễn văn "Toutes ces propositions que j'ai fait restent valables".

▪ - **Từ vựng và các cuốn từ điển.**

Có thể tiến hành đổi mới từ vựng theo nhiều cách. Việc vay mượn từ Anh - Mỹ, sau sự bành trướng kinh tế - chính trị của Mỹ đang diễn ra trong các lĩnh vực như khoa học vũ trụ, công nghệ, du lịch ...

Các yếu tố bên trong ngôn ngữ tự nó cũng thay đổi. Những từ ngữ thông dụng hay tiếng lóng đang được sử dụng (Bagnole, Pinard, Marrant, Boulot). Phương pháp rút ngắn từ cũng được tiến hành hoặc bằng cách cắt bỏ bớt từ (proprio, apéro, certif...) hoặc bằng cách dùng ký hiệu chữ đầu (SMIC) hoặc bằng cách dùng từ ghép (eurasien, européen và asiatique, franglais...). Một cách khá thông dụng để tạo từ là đặt hai từ liền nhau: vidéo - cassette ; camion - benne...

Trước sự phát triển của tân ngữ, các cuốn từ điển cũng phải thay đổi. Viện Hàn lâm Pháp đang cho tái bản lần thứ 9 cuốn từ điển của mình. Cuốn từ điển này đã thay đổi không những về về mặt nội dung mà còn về mặt từ vựng. Với việc tiếp nhận từ trong "essencerie" thuật ngữ của tiếng Pháp châu Phi, Viện đã quan tâm tới khối Pháp ngữ. Sự thay đổi này phản ánh xu hướng về thuyết tương đối đang diễn ra trong việc tiếp nhận các giọng điệu của ngôn ngữ. Ngôn ngữ "nôm na" trước kia ngày nay đã trở thành ngôn ngữ "thân mật".

Cuốn "Grand Larousse về tiếng Pháp" chủ yếu đưa ra cách sử dụng từ ngày nay đồng thời cũng phân chia thành nhiều giai đoạn lịch sử. Trong cuốn từ điển còn có một số lời văn minh họa chỉ rõ âm sắc thường gặp. Cuốn Grand Robert, tái bản lần 2 (1985) cũng lấy cả một số đoạn văn gần đây về cách sử dụng từ khác nhau, kể cả ở bên ngoài nước Pháp.

Trong cuốn "Di sản ngôn ngữ Pháp" (do trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia xuất bản) người ta đã cố gắng phân biệt các lĩnh vực hoạt động. Ngoài ra các chuẩn mực về câu, chính tả có một mục khá hệ thống. Với các chỉ dẫn về cách sử dụng từ "cổ" "thân mật" ..., chúng dựa trên những nhận xét rút ra từ các bài khoá đã được phân tích kỹ lưỡng. Mặc dù có

cố gắng minh hoặc các cách dùng đang được sử dụng bên ngoài nước Pháp, nhưng cuốn "di sản ngôn ngữ Pháp" không phản ánh đủ tính đa dạng địa lý của cộng đồng Pháp ngữ. Hy vọng rằng dự án "Di sản cộng đồng Pháp ngữ" trong khuôn khổ Hội nghị thượng đỉnh các nguyên thủ quốc gia sử dụng tiếng Pháp sẽ minh họa được tất cả các thành ngữ thông qua khả năng lưu trữ lớn.

- Phong cách.

Các nhà văn thường sử dụng tất cả mọi gam màu của văn phong.

Lời văn chau chuốt của Stendhal: "Đó là người đàn ông duy nhất hiểu tôi - cô nói, chính vì thế Fabrice phải hành động nếu anh ta có thể hiểu tôi".

Giọng văn bình dân trong Céline: "Có phải anh yêu một phụ nữ khác? Madelon, cô ấy luôn hỏi tôi điều đó - Không! Anh đang cố gắng để an ủi cô ấy. Nhưng hẳn là cô ấy không tin anh. Với cô ấy thì cần phải yêu một ai đó trong cuộc đời...".

▪ **Những biến đổi của các thuật ngữ.**

Từ vựng hiện đại, gắn liền với thành tựu kỹ thuật và trao đổi quốc tế, sẽ tiếp tục phát triển.

Tổ chức lâu đời nhất là Hiệp hội chuẩn hóa của Pháp (ANFNOR). Chính nhờ việc chuẩn hóa lại các sản phẩm công nghiệp, định nghĩa và tên gọi của chúng mà ANFNOR đang chuẩn bị thành lập một ngân hàng thuật ngữ. Normatem, tên gọi của ngân hàng này được lên mạng Minitel kể từ tháng 2/1989. Đây là ngân hàng đa ngôn ngữ và có độ dao động lớn vì các từ tương đương tiếng Anh và tiếng Đức sẽ được thực hiện ở Anh và Đức.

Từ thập niên 70, Pháp đã có các cơ quan cấp bộ về thuật ngữ, có trách nhiệm Pháp hóa các ngôn ngữ hành chính. Hàng nghìn từ mới, công bố trên công báo, được tập hợp trong một cuốn sách và đến năm 1988 đã được đưa lên Minitel. Mới được nhập vào thành uỷ ban chung, các cơ quan trên có thể

tự mình áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn việc Anh hóa tiếng Pháp.

Sau năm 1970, Hội đồng ngôn ngữ Pháp quốc tế ra đời (CILE), có trụ sở ở Paris. Ngoài các hoạt động khác, CILF đã xuất bản nhiều cuốn từ điển kỹ thuật hiếm. Nổi bật trong các cuốn từ điển này là chúng đưa ra các từ chuyên ngành ở nhiều thứ tiếng dựa vào thực tiễn. Tờ tạp chí thuật ngữ duy nhất của Pháp " Ngân hàng từ vựng" là do CILF xuất bản.

Trung tâm thuật ngữ và tân ngữ là bộ phận của CNRS, trực thuộc Viện nghiên cứu Pháp. Việc đưa tài liệu ra các nước khác, nghiên cứu cũng như thẩm định đều do cơ quan này đảm nhận. Về mặt sáng tạo thuật ngữ, Những hạn chế của cơ quan này liên quan đến thiên hướng hoạt động (khoa học hơn chuyên nghiệp) và phương tiện.

Các trường đào tạo biên - phiên dịch của Paris thường yêu cầu các học sinh làm luận văn về thuật ngữ, điều này giúp các doanh nghiệp dễ dàng đón nhận thực tập sinh.

Các công ty dịch vụ ngôn ngữ đa quốc gia hiện nay đang đáp ứng yêu cầu tiếp cận thị trường châu Âu truyền thống của các doanh nghiệp. Bên cạnh các phần mềm về thuật ngữ còn có rất nhiều phần mềm của Pháp và Đức. Đến khi các đĩa CD - rom về ngôn ngữ kỹ thuật của Anh, Pháp, Đức, Nhật được tung ra thị trường, chúng ta sẽ nhận thấy rằng "các ngành công nghiệp ngôn ngữ" không còn là phép ẩn dụ. Ngay từ đầu năm 1989, ngoại trưởng Canada cũng đã cho bán một đĩa gồm 1 triệu thuật ngữ mà ngân hàng Termium của ông thực hiện.

▪ Sự đa dạng của tiếng Pháp.

Tiếng Pháp là một ngôn ngữ quốc gia khá nổi tiếng và được toàn bộ người dân sử dụng. Ngay từ đầu năm 1970 đã có quy định các văn bản nhà nước và tư nhân chỉ được phép sử dụng tiếng Pháp.

Ngoài ra còn có các ngôn ngữ lãnh thổ (Alsace, Basque, Breton, Catalan, Corse...) và ngôn ngữ vùng ở nửa phía bắc của đất nước (Picard, Lorraine, Normandie...) thứ tiếng của

người di cư (gần 5 triệu người). Trong đó cấp độ đồng hóa và song ngữ cũng thay đổi đáng kể. Các ngôn ngữ được sử dụng nhiều trong số các ngôn ngữ của người di cư là tiếng Ả-rập, Tây Ba Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ và ngôn ngữ của vùng Viễn Đông. Từ đó xuất hiện hiện tượng song ngữ và đa ngôn ngữ.

Trong nước Pháp, đặc trưng của ngôn ngữ vùng vẫn tồn tại (Dejeuner-dinner thay bằng diner- souper). Tiếng Pháp vẫn rất nhạy cảm với thể văn: luật vẫn giữ nguyên (Je, soussigné,...- tôi, ký tên dưới đây...), khoa học có xu hướng vô nhân xưng hóa (Il est probable que l'atmosphère...- có lẽ khí quyển...). Trên thực tế, một người nếu được ăn học tử tế sẽ có trình độ ngôn ngữ khá mà anh ta có thể sử dụng tùy theo ý muốn và hoàn cảnh giao tiếp. Anh ta sẽ nói " Réprimander; blâmer, attraper hay eugueler " hoặc có thể chọn một trong các cách nói: "Je ne suis nullement responsable, j' suis pas responsable hay c' est pas ma faute – tôi thật vô trách nhiệm..., đó là lỗi của tôi".

Các phương tiện truyền thông giữ vai trò quan trọng. Các tờ báo thường chơi chữ ở các tiêu đề, thử kiến thức người đọc. Các tạp chí, mẫu quảng cáo, phim ảnh đều để ý đến hình ảnh (vốn đang áp đặt logic riêng của mình). Do đó có những đoạn chỉ là chuỗi các nhóm danh từ hay câu vị ngữ đi kèm với hình ảnh. Các quy định mới đây đối với các lớp dạy tiếng Pháp đang đề cao việc học hình ảnh và lý luận. Đây là một nét mới trong một môi trường đứt đoạn về ngôn ngữ hiện đại.

▪ **Cộng đồng Pháp ngữ.**

"Cộng đồng Pháp ngữ" dùng để chỉ hai khía cạnh riêng biệt. Về mặt ngôn ngữ, "Francophone" chỉ người nói tiếng Pháp. Theo nghĩa này cộng đồng Pháp ngữ là chỉ tổng thể những người nói tiếng Pháp trên toàn thế giới. Trái lại về mặt địa- chính trị cộng đồng Pháp ngữ là tất cả các nước sử dụng tiếng Pháp như ngôn ngữ chính hay theo cách nói gần đây là "có sử dụng tiếng Pháp".

Do tính phức tạp như vậy nên việc đánh giá số lượng người nói tiếng Pháp còn phụ thuộc vào việc người ta có tính trong bối cảnh địa - chính trị, toàn bộ dân số của các nước tham gia vào các cơ quan Pháp ngữ hay tính số lượng những người nói tiếng Pháp (một phần lớn trong số đó sống ngoài những nước được công nhận là nước thuộc khối Pháp ngữ). Số lượng người nói tiếng Pháp có khoảng 110 triệu. Nếu dựa vào khái niệm chính trị thì con số này phải tăng gấp đôi.

Khối Pháp ngữ đã thành lập được nhiều tổ chức và cơ quan có mục đích liên kết các hoạt động ở các nước thuộc khối. Những tổ chức chính là:

+ Cơ quan hợp tác văn hóa và kỹ thuật (ACTT) thành lập năm 1970 ở Nianey, bao gồm 37 nwcs thành viên, 5 nhà nước và 2 chính phủ.

+ Hiệp hội các trường đại học sử dụng một phần hay toàn bộ tiếng Pháp (AUPELF) thành lập năm 1961 ở Montréal.

+ Hội đồng tiếng Pháp quốc tế (CILF) (1967).

Hội đồng cao cấp Pháp ngữ (1984) có nhiệm vụ lập bản báo cáo hàng năm về tình hình của khối.

Ngoài ra còn có nhiều Hội nghị bộ trưởng các nước sử dụng tiếng Pháp trong đó hội nghị đầu tiên được tổ chức năm 1960, nhóm họp các bộ trưởng giáo dục, và nhiều tổ chức chuyên môn khác.

▪ Các vùng Pháp ngữ.

Trên thực tế, tiếng Pháp được sử dụng ở 5 lục địa. Bên ngoài các vùng coi tiếng Pháp là ngôn ngữ chính thì tiếng Pháp phải đấu tranh chống lại tiếng Anh hay tiếng địa phương.

Các khu vực địa lý chính của khối Pháp ngữ (ngoài Pháp) là châu Âu, châu Mỹ và châu đại dương. Sự có mặt của tiếng Pháp ở các khu này là do nhiều nguyên nhân. ở châu Âu (Bỉ, miền Thụy Sĩ nói tiếng Pháp và Val d'Aoste) tại những vùng mà ngôn ngữ địa phương vẫn được sử dụng (ngôn ngữ vùng

Wallonnie và Picard ở Bỉ; tiếng Pháp địa phương miền Thụy Sĩ và Val d' Aoste). Người ta vẫn bắt gặp hiện tượng không trùng lặp giữa ranh giới ngôn ngữ và chính trị. ở đây, tiếng Pháp được sử dụng bằng cách đan xen với ngôn ngữ vùng.

Bên ngoài châu Âu: có hai trường hợp khác nhau. Với trường hợp đầu tiên (Bắc Mỹ, Guyane, Antilles, quần đảo Ấn Độ Dương, Bắc Phi, Tân Calédonie, Tân đại dương) những làn sóng di cư từ Pháp ở nhiều giai đoạn lịch sử, dưới nhiều hình thức khác nhau hình thành các vùng sử dụng tiếng Pháp (trong một số trường hợp, xuất hiện pha tạp gốc Pháp). Ngược lại, ở trường hợp thứ hai, tại châu á (Đông dương) và Châu phi cận Sahara, số dân nói tiếng Pháp giảm liên tục và tiếng Pháp được áp đặt như ngôn ngữ chính thức thông qua hệ thống giáo dục.

Tiếng Pháp bên ngoài nước Pháp có những nét khác biệt với tiếng Pháp chuẩn. Trong tiếng La mã, Septemte là 70, novante là 90 ; ô tô trong tiếng Canada là char; trong tiếng Thụy Sĩ chambre de bain (buồng tắm) là Badezimmer; Tablier trong tiếng Senegal nghĩa là người bán hàng ngoài phố; manger le caillou trong tiếng Tôgô và Bênin là thất bại; Se mettre à doucher trong tiếng Zaire là mưa to. Một số quyết định của cơ quan ngôn ngữ Pháp tại Canada về việc chuyển sang giống cái một số danh từ chỉ chức vụ: une agente, une professeure, une docteure.... ngoại trừ một số danh từ đã được chấp nhận: une marin, une matelot....

- Các vùng Pháp ngữ lớn .

+ Châu Âu: ở Bỉ và Thụy Sĩ, tiếng Pháp tương đối ổn định do ảnh hưởng của ngôn ngữ chuẩn, chủ yếu là qua các phương tiện truyền thông, có xu hướng giảm bớt các đặc trưng khu vực. Trong khi đó ở Val d'Aoste, mặc dù đã có những cố gắng phục hồi tiếng Pháp ở cấp trên tiểu học song ngôn ngữ này vẫn có rất ít người sử dụng.

+ Bắc Mỹ: Canada, nước sử dụng hai tiếng (Anh và Pháp) chiếm một phần lớn lượng người nói tiếng Pháp của khu vực Bắc mỹ, không chỉ tập trung ở vùng Québec (80%

dân số) và Tân Brunswich (40%) và còn trong các tỉnh khác (10% ở Ontario - tân Ecosse, đảo hoàng tử Edouard và vùng Manitoba). Người ta thường bỏ qua số người nói tiếng Pháp ở Mỹ, tân Tây lan (7% dân số) và ở bang Louisiana. Phần lớn dân nói tiếng Pháp ở đây nhập cư từ Acadia. ở bang này, cho dù đã có nhiều cố gắng nhằm phục hồi việc học tiếng Pháp nhưng phần lớn những người biết tiếng Pháp đều đã cao tuổi.

+ Vùng châu Mỹ Caribê: cần phân biệt với 3 tỉnh hải ngoại của Pháp (Guyane, Guadeloupe, Martinique.....). Đây là phần lãnh thổ không thể tách rời của Pháp mặc dù có những đặc thù riêng, điển hình là việc sử dụng tiếng Pháp pha trộn. Ngoài ra vùng châu Mỹ Caribê, Haiti cũng sử dụng tiếng Pháp- mặc dù là ngôn ngữ chính thức nhưng có rất ít người sử dụng và chủ yếu là sử dụng ngôn ngữ pha trộn.

+ Bắc Phi: Các nhà nước Maghreb khác nhau về mặt địa chính trị. Tuynidi là nước sử dụng tiếng Pháp nhiều nhất. Maroc đang hoà nhập với cộng đồng Pháp ngữ trong khi Algieri còn tách biệt với mọi thể chế của khối. Trên thực tế, tầm quan trọng của việc trao đổi dân cư (di cư vào Pháp) cho thấy khu vực này vẫn là một trong các vùng sử dụng tiếng Pháp nhiều nhất.

+ Châu Phi cận Sahara và Madagasca: tiếng Pháp đã được truyền bá tại đây thông qua cơ quan hành chính, trường học, quân đội trong suốt thời kỳ thực dân. Việc lựa chọn tiếng Pháp như ngôn ngữ chính thức ở nhiều quốc gia độc lập không đem lại kết quả như mong muốn mặc dù đã nỗ lực trong lĩnh vực giáo dục. Chỉ gần 10% dân số có hiểu biết tốt hoặc trung bình về tiếng Pháp.

+ Quần thể nói tiếng Pháp pha trộn ở Ấn Độ Dương:

Réunion (tính hải ngoại của Pháp), Maurice (cùng với Rodrigue tạo thành Mascareigne) và Seychelles đã đón nhận những người Pháp nhập cư (thế kỷ 17-18). Giống như ở Antilles, điều này đã tạo ra ngôn ngữ Pháp pha trộn. Nếu như ở Seychelles, tiếng Pháp đang mất dần vị thế thì ở Maurice,

tiếng Pháp đang được phát huy cho dù nó không có quy chế chính thức nào.

+ Châu á: Thuộc địa Đông Dương cũ của Pháp, luôn xuất hiện trên các tấm bản đồ của khối Pháp ngữ và Việt Nam đang là thành viên của ACCT. ở khu vực này số người nói tiếng Pháp không nhiều, chủ yếu được truyền bá qua các trường "Pháp bản địa". Mặc dù Việt Nam có cố gắng phục hồi tiếng Pháp (tiếng Nga vẫn là ngôn ngữ chính) nhưng số người biết tiếng Pháp phần lớn đều đã cao tuổi.

+ Đại Dương: Các lãnh thổ hải ngoại của Pháp Tân Calédonie, Polynésie và Vanuatu (thành viên của ACCT nhưng số người nói tiếng Pháp giảm) tiếp nhận số lượng lớn những người Pháp nhập cư (nhiều nhất là ở Tân- Calédonie). Nhóm ngôn ngữ Mêlanêđi và Pôlynêsi vẫn còn tồn tại. ở đây không có hiện tượng pha trộn tiếng Pháp.

+ Trung Đông: Tiếng Pháp được đưa vào Libăng và Siri qua các trường thuyết giáo (thế kỷ 17, chủ yếu là thế kỷ 19) nhưng không được công nhận chính thức do quá trình Ảrập hóa hệ thống giáo dục sau thời thực dân. ở Li Băng, tiếng Pháp vẫn giữ được một vị trí trong lĩnh vực văn hóa và ngôn ngữ nhưng hiện giờ đang bị tiếng Anh và sự đối kháng chính trị - tôn giáo vẫn chịu ảnh hưởng từ phía Siri. Còn ở Siri, vị trí tiếng Pháp thấp hơn vì nước này theo chủ nghĩa dân tộc Ảrập.

▪ Tiếng Pháp trong các tổ chức.

Trong lĩnh vực luật pháp, tiếng Pháp rất được coi trọng. Cùng với tiếng Anh, đây là ngôn ngữ làm việc ở Liên hợp quốc.

Tiếng Pháp là một trong các thứ tiếng chính thức của Liên hiệp quốc (Anh, Pháp Nga, Tây Ban Nha, Ảrập kể từ năm 1973). Tiếng Pháp đứng ở vị trí thứ 2 sau tiếng Anh, ở các tổ chức quốc tế khác như UNICEF cũng thế.

Trong các tổ chức cộng đồng 12 nước châu Âu, tiếng Pháp đang dần có ưu thế. Có 3 lý do để giải thích.

Thứ nhất: Vương quốc Anh chỉ là thành viên từ năm 1973.

Thứ hai: Các cơ quan chủ chốt đều có trụ sở ở Bruxelles, Luxembourg và Starasbourg.

Lý do thứ 3 là nguyên tắc bình đẳng giữ các ngôn ngữ. Khi mọi vấn đề được nêu ra (và dịch cùng lúc) bằng 9 thứ tiếng thì nhu cầu có một ngôn ngữ chung là không cần thiết. Lợi thế lớn nhất đối với tiếng Pháp, tại tổ chức có riêng một bộ luật trước khi ký kết văn bản thống nhất, là được dùng làm ngôn ngữ đối chiếu trong lĩnh vực luật pháp. Mọi văn bản đều dịch ra các thứ tiếng của các nước thành viên nhưng trong trường hợp phản đối, thì tiếng Pháp sẽ được lấy làm chuẩn .

Tiếng Pháp ở châu Phi cũng rất phát triển do những lý do gắn với lịch sử thuộc địa. Tiếng Pháp được sử dụng trong nhiều tổ chức giữa các châu Phi hay liên Phi như một trong các ngôn ngữ chính (OUA) hay ngôn ngữ duy nhất (Tổ chức các giáo sư tiếng Pháp của châu Phi). Các trường đại học sử dụng tiếng Pháp cũng có những trao đổi trong khuôn khổ ACPPELF. Ngoài ra còn có hệ thống trường đại học sử dụng tiếng Pháp (UREF) trong đó các vấn đề bàn luận không đơn thuần chỉ mang tính ngôn ngữ (các chương trình phát triển ở các nước phía nam khối Pháp ngữ). Về phần mình, ACCT đã tham gia vào chương trình cải cách ngôn ngữ đặc biệt là ở châu Phi. Tiếng Pháp ở đây không chỉ là ngôn ngữ giao tiếp mà còn là công cụ truyền đạt kiến thức. Vì tiếng Pháp mới đầu đã va chạm với các ngôn ngữ quốc gia nên cần chú trọng đến các chương trình như: DIMO (từ điển đơn ngữ) LEXIS (từ vựng chuyên ngành) cùng sự cộng tác của các nhà ngôn ngữ, thuật ngữ (chủ yếu là người Canada) và những nhà nghiên cứu ngôn ngữ Châu Phi (người Pháp).

Từ năm 1986, việc tổ chức các Hội nghị thượng đỉnh nguyên thủ các quốc gia sử dụng tiếng Pháp đã tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của các nước mới. Các nước này có đặc trưng là đang chịu sự thống trị của các nước Pháp ngữ phía Bắc. Đó là trường hợp của mạng lưới các ngành công nghiệp ngôn ngữ vì quá trình công nghiệp hoá phụ thuộc vào công nghệ và tài chính. Cũng tương tự như tổ chức ngôn ngữ và thuật ngữ quốc tế bào gồm 9 nước (châu Phi, Bỉ, Canada, Pháp, Haiti, Maroc,

Quebec, Thụy Sĩ, Tuynidi) và một thành viên là Liên minh Latin kể từ năm 1986.

▪ **Các ngôn ngữ pha trộn.**

Các ngôn ngữ pha trộn gốc Pháp có khoảng 8 triệu người sử dụng. Phần lớn sống ở các đảo thuộc Châu Mỹ Caribe và Ấn Độ Dương.

Những lãnh thổ này có thể chế chính trị khác nhau. Gualampơ, Martinique, Guyane và Réunion đều là các tỉnh hải ngoại của Pháp. Louisiana là một bang của Mỹ. Các đảo như Dominique, Saint Lucie, Maurice và Rodrigues, Seyehelles đã giành được độc lập. Đó đều là thuộc địa trước đây của Pháp mà trước đó, thế kỷ 17, 18 dân di thực từ Pháp cũng đã dặt chân đến. Sự phát triển của ngành nông nghiệp (đường, caphê, gia vị) kéo theo làn sóng buôn nô lệ từ Tây Phi đến châu Mỹ Caribe ; từ Madagasca, Ấn Độ, Đông Phi đến Ấn Độ Dương.

Tiếng pha trộn, trước kia vay mượn từ tiếng Pháp vùng, tiếng Pháp cổ, bình dân ở phía bắc và Tây nước Pháp nay đã là một ngôn ngữ độc lập với tiếng Pháp và khác biệt giữ vùng này và vùng khác. Nguồn gốc của những ngôn ngữ này được giải thích bằng sự cấp tiến hoá các xu hướng phát triển của tiếng Pháp và tính trường tồn trong sự đa dạng của tiếng Pháp (có được qua các điều kiện học). Một số nét ngôn ngữ ở tiếng Pháp cũng bắt gặp trong ngôn ngữ pha trộn như việc bỏ mạo từ hay đi liền với danh từ, sử dụng từ đa nghĩa (Gagner = Avoir - kiếm được = có)...

▪ **Ngôn ngữ Châu Âu**

Châu Âu là một bức tranh đa ngôn ngữ hình thành từ một giai đoạn lịch sử dài, tạo ra và xoá đi biên giới độc lập của nhiều nhóm dân cư, để cho một nước nói nhiều thứ tiếng và một ngôn ngữ được nói ở nhiều nước. Dựa vào tình hình chính trị - văn hoá, có thể phân ra làm 4 vùng ở châu Âu: phía bắc (Phần lan và Scandinavơ), phía tây (Đức, La Mã, Celtic), phía đông (Slavơ, Hungari), phía nam (La mã, Slavơ, Anbani, Hy Lạp, A rập, Thổ Nhĩ Kỳ). Cũng có thể chia làm 40 nước bao

gồm các thực thể nhỏ. ở 4 khu vực này số lượng ngôn ngữ chính cũng lên 40. Các ngôn ngữ đều có tính đa dạng: Ấn Độ - châu Âu (ngôn ngữ La mã, Giecmanique, Balto - Slavơ, Celtic, Hy Lạp, Anbani) Uran (Phần lan, Hungari) Antai (Thổ Nhĩ Kỳ), Cátmit xemit (Arập, Malta) Basque và Eskimo (Groenland, Đan Mạch). Ngoài ra còn có khoảng 40 ngôn ngữ của dân tộc thiểu số sống ở châu Âu từ lâu như Phơrisơ, Ganơ và làn sóng người nhập cư hình thành nên các nhóm ngôn ngữ châu Âu như: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ hay không phải châu Âu như tiếng Pakistan, tiếng Ấn Độ ở Anh, tiếng Maghreb hay tiếng Việt ở Pháp. Hệ thống đa ngôn ngữ, ở nhiều cấp độ khác nhau cũng đã trở thành một hiện tượng tự nhiên ở châu Âu.

▪ **Các ngôn ngữ chính.**

Thể chế của ngôn ngữ chính thức có thể tương ứng với một truyền thống xa xưa hay xuất phát từ những biến cố trong lịch sử. Áp lực của ngôn ngữ vùng nhằm có một thể chế cao hơn đang là hiện tượng điển hình trên thế giới.

Chính sách ngôn ngữ của các nước thay đổi theo quan niệm của nhà nước. Nước Pháp tập quyền chỉ có một ngôn ngữ chính thức kể từ khi Francois soạn thảo sắc lệnh Villers - Cotterets năm 1539. Từ lúc đó, tiếng Pháp được dùng để soạn thảo các văn bản luật và công chứng (mà đáng lẽ là tiếng Latinh). Ngược lại Liên bang Nam Tư cũ lại phải công nhận nhiều ngôn ngữ chính của mỗi một bộ lạc thống trị. Một trường hợp điển hình khác là Tây Ban Nha, ở đây tiếng Tây Ban Nha được xem là ngôn ngữ thống nhất quốc gia từ cuối thời trung cổ. Sau đó, hiến pháp lại công nhận hệ song ngữ chính trong 3 vùng của đất nước (xứ Basque, Catalan, Yalice). Còn ở Bỉ, một nước có 5,8 triệu người nói tiếng Hà Lan, 4 triệu người nói tiếng Pháp và 150.000 người nói tiếng Đức. Ranh giới ngôn ngữ phân chia rất rõ mặc dù chỉ còn vài cuộc xung đột giữa các địa phương. Bruxelles là vùng sử dụng hai thứ tiếng (tiếng Pháp chiếm ưu thế). Bỉ đã phải thành lập thêm nhiều cơ quan và tổ chức, việc này đòi hỏi nhiều công sức, tiền bạc ở mọi cấp. Ailen cũng là nước nói hai thứ tiếng. Trong

hiện pháp Ailen có thể chế là ngôn ngữ chính thức đầu tiên, điều đó cho phép ngôn ngữ này được sử dụng trong các hiệp định ở cấp châu Âu và là ngôn ngữ làm việc tại tòa án tư pháp châu Âu. Nếu như 30% tuyên bố là biết tiếng Ailen thì lại chỉ có 5% sử dụng ngôn ngữ này trong cuộc sống hàng ngày. 10% dân số nói tiếng Ailen - Anh.

Các nước của cộng đồng châu Âu, hiện đang quan tâm đến ngôn ngữ thiểu số, đã thông qua đề nghị cấp hộ chiếu nhiều thứ tiếng trong khu vực. Ngoài ra, ghi các ngôn ngữ chính của các nước. Như vậy với Bỉ đó là tiếng Pháp, Hà Lan, Đức, với Ailen: Anh - Groen.

▪ **Các ngôn ngữ thiểu số.**

Xưa kia châu Âu từng là nơi qua lại của nhiều người. Nay, đây là nơi cư trú và đón nhận. Do vậy, lẽ dĩ nhiên là ở đây tồn tại một hệ thống phức tạp các ngôn ngữ thiểu số.

Nếu chỉ tính riêng trong 12 nước cộng đồng châu Âu thì có khoảng 30 đơn vị ngôn ngữ thiểu số nhỏ với gần 30 triệu người sử dụng. Tám bản đồ cho chúng ta thấy được sự phong phú của những ngôn ngữ này và sự chồng chéo lẫn nhau giữa chúng. Một ví dụ điển hình là Italia, ở đây có nhóm người nói tiếng Phriul (625.000 người), Đức (280.000 người), Sardaigne (158.000 người), Anbani (80.000 người) rồi Slôvênia, Occitan, Catalan (ở Alghro, Ladin, Pháp, Hi Lạp, Croatia). Ngoài Bồ Đào Nha, tất cả các nước đều có nhóm ngôn ngữ thiểu số, có thể có số lượng người nói lớn ví dụ tiếng Phơriđơ ở Hà Lan (400.000 người), Galoa ở Anh (500.000) Ba lan ở Đức (175.000) hay Catalan ở Pháp (200.000). Một số nhóm không thuộc các nước những vẫn được nói ở đó - tiếng Basque nói ở cả 2 nước bên dãy Pyrénées. Hệ thống phương ngữ Rêto - Roman bao gồm Romansơ, quốc ngữ của Thụy sĩ, Ladin của vùng Bolzano Treute, Beluno (Italia) và Phriul vùng Udine. Hệ thống Celtic được chính thức sử dụng ở Ailen cũng như ở Liên hiệp Anh (Galloa, Scotlen, ...) và Pháp (Brotông). Ngoài ra còn có tiếng Sami được nói cả ở Nauy (30.000 người), Thụy Điển (15000 người), Phần Lan (5000 người) và Nga (2000 người).

Từ khi tuyên bố ý định thông qua một hiến chương chung năm 1981 về các ngôn ngữ và về văn hoá vùng, cộng đồng châu Âu đang thực hiện một chương trình lớn nhằm bảo vệ, phát triển và giảng dạy các ngôn ngữ này. Nghị quyết A2 - 150 năm 1987 đã tiến rất xa trong việc công nhận các ngôn ngữ thiểu số bằng cách giảng dạy chúng ở mọi cấp học, sử dụng tại các cơ quan hành chính và truyền bá trên thông tin đại chúng. Nghị quyết 192 của hội đồng châu Âu tháng 3/1988 qui định việc áp dụng một Hiến chương châu Âu về ngôn ngữ vùng và thiểu số thông qua việc điều tra tại 40 cộng đồng ngôn ngữ. Có 46 ngôn ngữ (65 nếu tính cả phương ngữ) được sử dụng tại 21 nước. Và ngay khi chính phủ cho phép, đã có nhiều thay đổi quan trọng về chính sách ngôn ngữ cộng đồng. Những nhóm người thiểu số, bao gồm những người lao động nước ngoài sống chủ yếu ở Tây Âu. Những người nhập cư đến từ các nước Nam Âu, Bỉ, Pháp, Luxembourg hay Thụy Sĩ chiếm 40% ở Đức. Những người đến từ Maghreb và Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 1/3 số người nhập cư ở Pháp, Đức, Hà Lan. Phía đông (Ấn Độ - Pakistan) và Viễn đông chiếm đa số ở Anh và Hà lan do những lý do lịch sử. Với người Di gan, người di cư tự nhiên, họ nói nhiều ngôn ngữ khác nhau (Rumani, Saino, Calo) có gốc từ nhóm Ấn Độ - châu Âu. Có 7 - 8,5 triệu người ở châu Âu, người di gan sinh sống ở Nam tư cũ (800.000 người) Rumani (60.000 người) Hungari (500.000 người) cũng như các nước cộng hoà Sec và Slovakia, Tây ban nha, Pháp...

- **Giao tiếp trong nhiều thứ tiếng.**

Hiểu biết tốt về các sinh ngữ và phát triển các kỹ thuật dịch là một biện pháp tạm thời cho những khó khăn trong việc thông hiểu lẫn nhau.

Chúng ta sẽ xem xét các vấn đề ngôn ngữ của cộng đồng châu Âu. Để được áp dụng, một văn bản luật phải được công bố bằng các thứ tiếng của các nước thành viên, với các Hiệp định là 10 ngôn ngữ của cộng đồng châu Âu: Đức, Anh, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Pháp, Hy Lạp, Ailen, ý, Hà Lan, Bồ Đào Nha. Tiếng Luxembourg - ngôn ngữ chính ở Luxembourg - không được tính. Tiếng Ailen không phải là ngôn ngữ làm

việc thông dụng, do vậy chỉ có 9 ngôn ngữ đại diện cho 72 cặp ngôn ngữ (9 (8 vì tách biệt thành Pháp / Đức và Đức/ Pháp). Nhiều vấn đề nan giải đặt ra khi giảm số ngôn ngữ này xuống vì thế người ta quay sang đổi mới cách dịch. Có hơn 1.000 người làm việc tại cộng đồng kinh tế châu Âu. Hàng năm có hơn 700.000 trang tài liệu được dịch và hàng nghìn giờ dịch hội thảo. Các biên dịch viên sẽ được trợ giúp bởi bảng thuật ngữ được tin học hoá (EURODICAUTOM từ năm 1975) và đặc biệt là dịch có trợ giúp của máy tính (TAO). Sau khi làm việc với hệ thống SYSTRAM của Mỹ từ năm 1975, cộng đồng kinh tế châu Âu đã phát triển dự án EUROTRA, hệ thống sử dụng một ngôn ngữ chung chuyển cho các ngôn ngữ khác. Mỗi nước sẽ nghiên cứu các ngôn ngữ riêng của mình (phân tích, tổng hợp). Tiếng Luxembourg được sử dụng để lưu trữ tài liệu, tiếng Ailen dùng làm thuật ngữ. Ngoài ra còn phải phát triển các kiến thức về ngôn ngữ ở châu Âu. Dự án Lingua của cộng đồng kinh tế châu Âu có mục đích thúc đẩy mọi công dân tiếp thu kinh nghiệm sử dụng 2 ngôn ngữ của cộng đồng (1989). Chỉ còn vấn đề là chọn ngôn ngữ nào để giao tiếp với nước ngoài: Tiếng Nga, Ả rập, Trung Quốc hay Nhật Bản. Nếu Anh hay Tây Ban Nha không tập trung dạy ngôn ngữ thứ 2 thì Luxembourg hay Hà lan phổ biến đa ngôn ngữ. ở Phần Lan, ngoài 2 ngôn ngữ quốc gia (Phần Lan, Thụy Điển) tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 3, Đức, Pháp hay Nga được coi là ngôn ngữ thứ 4. Các phương tiện truyền thông hiện nay có thể tham gia vào việc truyền bá ngôn ngữ. Vệ tinh truyền hình trực tiếp CTDP - 1, TDF - 2 hay EUROPESAT phát đi khắp châu Âu một hình ảnh nhưng sử dụng nhiều ngôn ngữ để đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia.

- **Tình hình ngôn ngữ các nước.**

Mỗi nước có những vấn đề riêng về ngôn ngữ, văn hóa vùng và giải quyết theo cách riêng của mình nhưng vẫn không khắc phục được.

Một số nước từ lâu đã ổn định hệ thống đa ngôn ngữ quốc gia trong khi các nước khác lại phải đối mặt với vấn đề ngôn ngữ vùng.

* Thụy Sĩ: Nổi tiếng vì sử dụng nhiều thứ tiếng một cách hiệu quả. Thực tế đã chứng minh điều này. Có 3 ngôn ngữ chính thức ở các bang là Đức, Pháp, Ý và 4 quốc ngữ (cùng Reto - Roman) ở đây cũng có một vùng ngôn ngữ Phơ-răng-sơ-công-tê (Jura) và tiếng Pháp nông thôn kiểu tiếng Pháp - Provence (Fribourg và Valais). Tiếng Pháp chuẩn được dùng ở miền Thụy Sĩ nói tiếng Pháp. Tỷ lệ người nói tiếng Pháp như sau: Đức, dưới dạng phương ngữ Đức - Thụy Sĩ (Schwyzertutsch) 70%; Pháp 18% (giảm nhẹ); Italia 9,5% (tăng), Reto - Roman (1%). Vấn đề là tiếng Đức - Thụy Sĩ vượt lên trên cả tiếng Đức chuẩn đến mức mà một người Thụy Sĩ học tiếng Đức ở trường vẫn gặp khó khăn khi giao tiếp với một người nói tiếng Đức - Thụy Sĩ. Tiếng địa phương thường được các chính phủ các bang sử dụng trên phương tiện truyền thông, điều này đang gây tranh cãi ở vùng Thụy Sĩ nói tiếng Italia, ngôn ngữ Tessinoa được dùng hàng ngày, còn tiếng Italia được dùng trên truyền thông.

* Nam Tư cũ: ở châu Âu ranh giới phân chia giữa Thiên chúa giáo (ở phía Tây) và Cơ Đốc giáo (ở phía Đông) đi qua lãnh thổ Nam Tư cũ. Tiếng Serbi - Croatia phản ánh tính 2 mặt này vì đó cũng là thứ tiếng viết bằng chữ Latin ở Croatia và bằng chữ Kyn ở Serbi. Tùy theo từng trường hợp mà UNESCO sử dụng tiếng Croatia - Serbi hay Serbi - Croatia. 3 ngôn ngữ chính là Serbi - Croatia (17 triệu người nói) Slovenia (2 triệu người) và Macedonia (1,5 triệu người). Hai ngôn ngữ khác cũng có thể chế vùng là Anbani và Hungari. ở mỗi một nước cộng hoà có một ngôn ngữ chính những các tiếng thiểu số cũng chiếm rất nhiều: 20% tiếng Hungari ở Vojvodine, 20% tiếng Anbani ở Mác-xê-đô-nia. ở Kosovo một nước phụ thuộc vào Serbi có hơn 80% dân số là người Anbani và theo đạo Hồi.

* Na Uy: Đến tận năm 1814 Na Uy vẫn là một tỉnh của Đan Mạch và chỉ nói tiếng Đan Mạch. Đến thế kỷ 19, phát triển 2 ngôn ngữ: thứ nhất do K.Knudsen sửa đổi từ tiếng Đan

Mạch được tầng lớp tư sản trong các thành phố sử dụng, thứ hai dựa trên các phương ngữ ở nông thôn được Ivan Aasen chuẩn hoá. Từ đó đến đầu thế kỷ 20 có 2 ngôn ngữ Đan mạch - Na Uy hay Riksmål (tiếng quốc gia) và Landsmaal (tiếng quốc gia). Về sau chuyển thành Bokmål (ngôn ngữ viết) và Nynorsk (tiếng Na Uy mới). Nhằm tránh hiện tượng hai mặt của ngôn ngữ, chính phủ đã tiến hành nhiều cuộc cải cách về chính tả và ngữ pháp nhưng không tạo ra được tiếng Samnorsk thống nhất.

* Pháp: Nếu như làm một bản các ngôn ngữ đang được sử dụng ở Pháp ta sẽ có tiếng Pháp chuẩn (ngôn ngữ chính) và các tiếng biến đổi của từng vùng. Tiếng miền nam và miền bắc được sử dụng ở hai nửa của đất nước. Các ngôn ngữ lãnh thổ của dân nhập cư, tiếng nước ngoài đang được dạy ở các cấp giáo dục. Văn bản chính thức "chương trình ngôn ngữ trong các trường cấp 3" năm 1988 cho phép điếm lại chính sách ngôn ngữ của chính phủ sau một thời gian dài áp dụng kể từ khi bộ luật DEIXOLNE năm 1951 về giảng dạy tiếng Basque. Breton, Catalan, Coceitan, sau là tiếng Đức ở trường học. Theo văn bản mới đây danh sách ngôn ngữ bắt buộc hay tự nguyện như sau: Basque (đặc biệt là 3 phương ngữ miền biển nước Pháp, Breton, Catalan (Roussillon) Corse (tiếng địa phương) tiếng miền nam (Auvergne, Gascogne, Limousin, Nice, Provence...). Ngoài ra còn tiếng Haiti (kiểm tra kỹ năng nói) Gallo (vùng Bretagne) và các ngôn ngữ vùng Alsace (Đức - Thụy Sĩ) có 4 triệu người nói các ngôn ngữ này trong đó 2 triệu tiếng miền nam, 1,5 triệu tiếng Alsace, 500.000 người tiếng Breton, 100.000 - 200.000 cho các ngôn ngữ khác như Catalan, đảo Coóc và Flaman. Các chương trình phát thanh và truyền hình được phát với nhiều ngôn ngữ.

▪ **Hệ đa ngôn ngữ.**

Song ngữ, hình thức hình thức hạn chế của hệ đa ngôn ngữ để chỉ khả năng sử dụng hai thứ tiếng. Thuật ngữ chung này bao trùm nhiều ý nghĩa khác nhau: về trình độ hiểu biết ngôn ngữ thứ hai và các dạng tương đồng giữa hai ngôn ngữ này, hay tình hình văn hoá hội ảnh hưởng đến việc sử dụng chúng. Người ta đề cập đến hiện tượng song ngữ khi một người có khả năng diễn đạt

hai ngôn ngữ trong một tập thể. Người vùng Alsace biết nói tiếng địa phương nhưng sử dụng cả tiếng Pháp. Đôi khi anh ta có thể nói hai thứ tiếng trong cùng một câu tùy theo tâm trạng. Trên thực tế, người này biết mở rộng 3 thứ tiếng vì còn đọc được cả báo viết bằng tiếng Đức chuẩn. Người Haiti nói tiếng Pháp pha trộn và dùng tiếng Pháp như ngôn ngữ viết chính thức. ở Paraguay, tiếng Tây Ban Nha là ngôn ngữ chính nhưng đa số dân đều nói được tiếng Guarani. ở các nước Ả rập, tình hình phức tạp hơn, hiện tượng song ngữ (Ả rập địa phương và Ả rập văn học) đi cùng với việc dạy một thứ tiếng khác như trường hợp tiếng Pháp ở Maghreb. Hiện tượng đa ngôn ngữ là điều tất yếu vì hiếm khi biên giới lịch sử trùng với lãnh thổ các dân tộc và đặc biệt là với làn sóng di cư. ở Kenya, tiếng Anh và Swahili là ngôn ngữ chính nhưng nước này lại chia làm nhiều vùng ngôn ngữ: Bautou, Nil, Couchitique...tổng số có hơn 50 ngôn ngữ trong đó một số chỉ có vài người nói còn ngôn ngữ khác lại có hàng triệu người. ở Canada chính làn sóng nhập cư đã tạo ra sự phong phú của ngôn ngữ. Trong 35.000 người nhập cư có cả người nói tiếng Pháp (Haiti, Liban) tiếng Tây Ban Nha (Salvador, Guatemala) Ba Tư (Iran) Slavơ (các nước phía đông)...Cộng thêm số dân nước đó sử dụng tiếng Italia, Đức, Ucraina (Nga), Trung Quốc cùng tiếng Eskimo và Ấn Độ.

▪ **Vị thế của các ngôn ngữ.**

Các quốc gia, bên cạnh ngôn ngữ chính của mình còn công nhận nhiều ngôn ngữ khác. Việc sử dụng phát triển và qui chế của các ngôn ngữ này phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, chính trị hay xã hội.

Mỗi quốc gia có ít nhất một ngôn ngữ chính thức, đôi khi nhiều ngôn ngữ như: Ruanda (Pháp và Kinyar Wanda) Philipin (Anh, Tagalog) Luxembourg (Pháp, Anh, Luxembourg). Do tình hình sắc tộc hay chính trị phức tạp mà nhiều nước phải công nhận thêm các ngôn ngữ khác. Đó là trường hợp ngôn ngữ Sango ở Trung Phi, 8 ngôn ngữ ở Ghinê ngoài tiếng Pháp, 14 ngôn ngữ ở Ấn Độ ngoài tiếng Anh và Hindi. Ngoài ra việc đổi mới ngôn ngữ vùng cũng khiến những người nói thứ tiếng đó có những đòi hỏi mới và phổ cập chúng.

Ngôn ngữ bản địa đáp ứng được nhu cầu đi lại và trao đổi như tiếng Anh ở Ấn Độ tại các môi trường văn hoá, du lịch...ở châu Phi, nơi số lượng ngôn ngữ đã lên tới con số hàng nghìn, một số tiếng như Haoussa Lingala hay Swahili đều được áp đặt. Khi việc giao tiếp bằng nhiều ngôn ngữ trở nên phức tạp sẽ xuất hiện ngôn ngữ lai căng phục vụ mục đích giao tiếp tối thiểu như trường hợp tiếng Anh và tiếng Pháp ở Việt Nam. Hiện tại, tiếng lai căng gốc Anh được sử dụng ở Camerun hay Nigêria và ở Thái Bình Dương tiếng Mêlanedi có nhiều dạng khác nhau (Bichlama hay Beach - la - mar ở Vanuatu hay Fidji, Tok Pisi ở Tân Ghinê).

Ngôn ngữ pha trộn, qua một giai đoạn pha trộn trở thành ngôn ngữ độc lập với tiếng của dân bản địa. Chúng được xếp loại tùy theo loại ngôn ngữ châu Âu có từ vựng được sử dụng nhiều trong khi ngữ pháp lại mang nhiều nét của ngôn ngữ châu Phi: ngôn ngữ pha trộn ở Jamaica, Guyana, Surinam. Ngôn ngữ gốc Tây Ban Nha: ở Palenquero thuộc phía bắc Colombia, Papiamento đảo Antilles thuộc Hà Lan. Hiện vẫn tồn các ngôn ngữ chịu ảnh hưởng của tiếng địa phương ở Philipin. Ngôn ngữ gốc Hà Lan: tiếng Affican ở Nam Phi. Ngôn ngữ gốc Pháp: ở Luisana, quần đảo Antilles thuộc Pháp (và Anh), Haiti, Guyane, Ấn Độ Dương, Maurice...

Một số ngôn ngữ phát triển từ lâu trong lịch sử tiếng Malai trở thành ngôn ngữ chính ở Malaysia và công hoà Singapore (bên cạnh tiếng Anh, Trung quốc và Tamoul) và có dạng của tiếng Indonesia. Các viện ngôn ngữ đã tiến hành nghiên cứu ngôn ngữ mà khoảng 100 triệu người nói này. Từ vựng của ngôn ngữ này còn rất phong phú sau khi vay mượn Sauslent, Arập, Trung Quốc, Hà Lan. Một thứ ngôn ngữ khác được sửa đổi cũng cần được nêu ra: đó là tiếng Hébreu cuối thế kỷ 19, Eliezen Ben Yehuda – nhà ngôn ngữ học- sử dụng tiếng Hébreu trong kinh thánh và biến nó thành ngôn ngữ quốc gia chuẩn. Ông cũng vay mượn tiếng A rập một số từ gốc để tạo từ mới. Năm 1948 tiếng Hê-bơ có qui chế là ngôn ngữ chính của nhà nước Israel.

▪ **Ngôn ngữ và văn hoá.**

Ngôn ngữ là một trong nhiều nét văn hoá được con người giữ gìn cẩn thận nhất. Ngày nay ngôn ngữ được coi là yếu tố chủ chốt trong di sản của mỗi quốc gia.

Ở nhiều nước trên thế giới, việc xóa mù chữ đã chuyển các ngôn ngữ từ cấp độ sử dụng để nói thành ngôn ngữ viết. Nhiều tổ chức tôn giáo với mục đích thu hút người tham gia đã phái các giáo viên đi khắp thế giới. Những người này có nhiệm vụ công bố các cuốn sách đơn ngữ hay song ngữ, công cụ để học các thứ tiếng địa phương. Nhiều tín đồ đạo Tin lành Bắc Mỹ đã chuyển sang đạo Thiên chúa.

UNESCO (tổ chức văn hoá, khoa học và giáo dục Liên hợp quốc) đang tạo điều kiện để phát triển một tờ báo bằng tiếng bản địa nhằm xóa mù chữ, một tờ báo phù hợp với nhu cầu của những người mù chữ ở những vùng nông thôn như bằng tiếng Kikuyu (Kenya) Bambara (Mali)...ở mọi thời điểm, những người dịch cuốn kinh thánh - cuốn sách được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất, luôn có vai trò tích cực trong việc truyền bá ngôn ngữ. Năm 1972, các đoạn trích đã được công bố bằng 1399 thứ tiếng (kể cả tiếng địa phương). Sự phong phú ngôn ngữ thể hiện rất rõ: 8 phương ngữ cho ngôn ngữ Késoa (Pêru, Bolivia) 7 cho Eskimo, 3 cho Estonia...các văn bản được công bố chủ yếu bằng chữ viết Latin, Arập rồi đến Devaragari (Ấn Độ).

Tờ "Tin tức" của UNESCO được công bố bằng 34 ngôn ngữ năm 1989: 19 ngôn ngữ châu Âu (ngoài Ấn Độ - châu Âu, Basque, Thổ Nhĩ Kỳ và Phần Lan) 3 của vùng Địa Trung Hải, Trung Đông (Arập, Ba Tư, Pachtô) 5 của Ấn Độ (Urdu, Hindi, Bengali, Cinghal, Tamoul) 5 của Viễn Đông (Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, Việt Nam, Malaixia) 2 của châu Âu, cận Sahara (Kiswahili, Haoussa). Các bản bằng tiếng Hê-bơ và tiếng Nhật mới thất lạc gần đây.

Tình hình đa ngôn ngữ thường thể hiện qua tính đa dạng của các ngôn ngữ ghi trên các tài liệu chính thức, đặc biệt là trên các hồi phiếu ngân hàng (không chỉ có ngôn ngữ nói mà

có cả ngôn ngữ truyền bá). Có thể kể ra đây vài ví dụ: Israel (Anh, A rập, Hébreu) Burundi (Pháp, Kirundi) Maroc (A rập, Pháp)... Thụy Sĩ sử dụng 4 thứ tiếng: Pháp, Đức, ý, và Rêto Roman nhưng các tờ tiền giấy lại ghi Confoede - Ratino Helvetica (tiếng Latinh) có kí hiệu quốc tế là CH.

▪ **Tình hình đa ngôn ngữ.**

Các quốc gia phải xác định một chính sách ngôn ngữ, các chương trình giảng dạy và xem xét các phương thức cùng tồn tại của các nền văn hoá.

Trên toàn thế giới, nhiều quốc gia luôn phải đối đầu với sự bất ổn định và phức tạp của tình hình ngôn ngữ.

* Mỹ: lãnh thổ rộng lớn này chỉ có một ngôn ngữ chính là tiếng Anh, ngôn ngữ mẹ đẻ hay chuyên ngữ. Các ngôn ngữ châu Mỹ - Ấn Độ Dương, bản xứ thường được sử dụng dè dặt và không nằm trong hệ thống ngôn ngữ Mỹ cho dù số lượng người sử dụng vẫn tăng 1,5 triệu. Bản đồ địa lý cho thấy phía nam nước Mỹ có một lượng lớn người nói tiếng Tây Ban Nha và các vùng khác (Cu Ba, Porto Rico, Trung Mỹ) có hàng triệu người nhập cư đến Mỹ: 24 triệu người nói tiếng Tây Ban Nha về sau sẽ còn tăng lên do tỷ lệ sinh đẻ gia tăng. Người Mỹ bị ảnh hưởng từ Tây Ban Nha nhiều nhất là California (Los Angeles), Texas (Houston), San Antonio, (El Paso), New York, Florida (Miami) Illinois (Chicago). ở phía bắc là những người nói tiếng Pháp (Masachusets, Connecticut...) Những người nhập cư vào Mỹ chủ yếu ở giai đoạn 1971, 1980: Đức - 14%, (- 11%, Anh - 9%, Ailen - 9%, Nga - 6%. Các nhóm ngôn ngữ thiểu số khác là Ba Lan, Thụy Điển, Nauy, Slôvênia, Hy Lạp, Séc, Hungari, Bồ Đào Nha, Do Thái, Acmênia. Người nhập cư từ vùng viễn đông chủ yếu là Trung Quốc, Nhật bản, Philipin.

* Pêru: ở khu vực rừng, có 35 ngôn ngữ (250.000 người nói) ở vùng Andes, nhóm ngôn ngữ Kétsoa có 12% sử dụng một thứ tiếng, 15% song ngữ, chiếm 1/4 dân số. Tiếng Aymada chỉ được 3% người Peru sử dụng. Tây Ban Nha - 68%. Bộ luật ngày 27/5/1975 có mục đích phát huy một số ngôn ngữ không phát triển bằng cách đưa chúng vào sử dụng trong các tổ chức

xã hội... Tiếng Kétsoa được coi là ngôn ngữ chính thức bên cạnh tiếng Tây Ban Nha và được giảng dạy bắt buộc ở các cấp học. Trong trường hợp cần thiết, tiếng Kétsoa cũng được sử dụng trong các toà án. Chính phủ còn phải tạo điều kiện cho việc sản xuất sách, từ điển bằng tiếng Kétsoa như đã thực hiện với 6 ngôn ngữ địa phương lớn trong việc công bố ngữ pháp, từ vựng. Một số bảng chữ cái có gốc Tây Ban Nha đã được thông qua và sửa đổi theo nhu cầu của từng vùng.

* Nam Phi: Do có nhiều dân tộc nên tình hình ngôn ngữ khá phức tạp.: có khoảng 68% người da đen (chủ yếu là người Bantou, Zoulou, Sotho, Xhosas, Tswanas) 18% là người da trắng, 10% người lai, 3% người Châu âu. Người Ấn Độ nói tiếng Hindi - Urdu (4%), Tamoul (37%) Gujerati và Telugu. 40% người da trắng nói tiếng Anh. Ngôn ngữ trung gian hình thành, chẳng hạn như tiếng Tanakalo của thợ mỏ pha trộn tiếng Anh, Zoulou và Afrikaan. Tiếng Afrikaan hình thành từ tiếng Hà lan vào thế kỷ 17, phát triển trong môi trường tự nhiên và từ thế kỷ 18 tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ khác: Đức, Huguenot, Pháp, tiếng pha trộn của Iusulinde...Đầu thế kỷ 19, tiếng Anh thế chỗ tiếng Hà Lan. Tiếng Afrikaan, chủ yếu sử dụng nói, xuất hiện trên báo viết cuối thế kỷ 19 và được đưa vào trường học năm 1914. Đến năm 1925, trở thành ngôn ngữ chính thức thứ hai.

* Ghinê: Đất nước này đã phát triển một chính sách ngôn ngữ bản địa qua việc giảng dạy cho trẻ em và người lớn. Ngôn ngữ sử dụng nhiều nhất là Peul (40%), tiếp đó là tiếng Malinké (30%), Soussou (10%). Chúng có vai trò chuyển ngữ cho ngôn ngữ nói. Trong số này có 8 ngôn ngữ được chọn làm ngôn ngữ quốc gia bên cạnh ngôn ngữ chính là tiếng Pháp. Năm 1970, với sự giúp đỡ của UNESCO, một chương trình xóa mù chữ đã được thực hiện bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, nhưng không thu được kết quả tốt do trình độ non kém của giáo viên và thiếu phương tiện giảng dạy, vì thế số ngôn ngữ đã phải giảm xuống còn 6. Nhưng sau đó vẫn phải từ bỏ chương trình này (1984), điều này cho thấy rõ tầm quan trọng trong việc đào tạo giáo viên và chuẩn hoá ngữ pháp, từ vựng.

* Đảo Maurice: Vì sao mà một hòn đảo chỉ có 2000km² lại có nhiều sắc tộc đến như vậy? Trong 1 triệu dân, có 55% là người da trắng, 40% người Ấn Độ đến đây sinh sống sau khi xoá bỏ chế độ nô lệ, 4% người châu Âu, Trung Quốc và vài dân tộc thiểu số khác. Tôn giáo cũng rất phong phú: Hindou (52% dân số), Thiên chúa (25%), Đạo Hồi (13%) và Tin lành, Phật giáo. Về ngôn ngữ tiếng Anh, ít được sử dụng, nhưng năm 1847 lại thành ngôn ngữ chính thức. Tiếng Pháp là ngôn ngữ bắt buộc trong trường học. Tiếng Pháp pha tạp được một nửa dân số sử dụng. Sau đó là tiếng Hindi - Urdu, Tamoul, Pháp, Trung Quốc.

▪ **Ngôn ngữ và công nghệ.**

Sự ra đời của những phương tiện truyền thông mới luôn đi cùng các thành tựu của điện tử. Tin học mở ra nhiều khả năng cho việc xử lý ngôn ngữ. Để phục vụ mục đích lưu trữ các dữ liệu ngôn ngữ (từ điển điện tử, ngân hàng dữ liệu văn bản) các thành tựu về bộ nhớ hiện nay cho phép nhập hàng triệu từ. Không những thế, chính việc giao tiếp (nói và viết) với các máy tính ngày nay đang tạo ra một bước nhảy lớn. Để giúp việc sử dụng máy tính được dễ dàng, cần tạo ra các giao diện giúp người sử dụng khỏi phải lập trình. Sự giao tiếp giữa máy - người đòi hỏi phải hiểu và tự động tạo ra lời nói. Đây là một thách thức lớn đối với các nhà ngôn ngữ. Ngày nay mọi ứng dụng đều là thương mại hoá, từ khoá âm đến hệ thống giảng dạy trợ giúp. Những ứng dụng hiệu quả nhất được giới hạn trong một lĩnh vực hạn hẹp (ví dụ: giao tiếp giữa phi công và máy bay). Trong thời kỳ mở cửa để phục vụ những người sử dụng còn cần phải hoàn chỉnh các thành tựu trước đó như những khó khăn gặp phải khi thử nghiệm máy chữ nhận tiếng nói.

Vì vậy nghiên cứu sâu sắc bằng ngôn ngữ sẽ cho phép phát triển được một ngành công nghiệp ngôn ngữ thực sự. Đặc biệt, cần tạo ra các phương thức biểu đạt ngữ nghĩa. Các nhà ngôn ngữ đã dựa vào các công trình của các nhà Logic và đặc biệt là mô hình toán học được minh hoạ bằng sơ đồ Topologit để đạt được mục đích.

▪ **Xử lý ngôn ngữ bằng toán học.**

Ngôn ngữ toán học dựa trên việc phân tích thống kê các biểu đạt, vẫn là một công cụ hữu ích để nghiên cứu tư liệu gốc quan trọng. Ngôn ngữ này cho phép xác định các cấp độ của khả năng dự kiến.

Sự ra đời của ngôn ngữ toán học được xác định vào khoảng năm 1946 - 1951 dựa vào các công trình của Boole, Weaver về kỹ thuật dịch tự động. Tuy nhiên nhiều nhà ngôn ngữ hiện nay cho rằng việc nghiên cứu ngôn ngữ khó có thể thực hiện nếu không toán học hoá các cấu trúc của nó. Theo họ nguồn gốc của ngôn ngữ toán học có thể xuất phát từ Logic và ngữ pháp Hylạp và Sanskrit từ thời cổ đại. Ngôn ngữ toán học hiện đại, trên lý thuyết, được thể hiện qua các công trình của các nhà logic và ngôn ngữ giai đoạn 1910 - 1940. Các công trình này đang làm phát sinh ý nghĩ rằng toán học và hình học có thể được định nghĩa như các ngôn ngữ rõ ràng, nhờ có nó người ta có thể mô tả được các ngôn ngữ tự nhiên vốn không rõ ràng do việc tái sử dụng cùng ký hiệu ngôn ngữ. Ngược lại, ý tưởng về một phương pháp toán học quốc tế lại có thể mô tả toàn bộ các ngôn ngữ tự nhiên dường như không mấy thuyết phục. Trong số các tính chất của ngôn ngữ tự nhiên, có thể nêu ra hình thái học (dạng và biến đổi của đơn vị từ) cú pháp (trật tự và chức năng của từ) ngữ nghĩa (tương đương về nghĩa). Những tính chất này đều được đưa vào quá trình học (tiếp thu, xử lý kiến thức và khả năng thích ứng). Nhưng hiếm có các mô hình cho phép học cú pháp và ngữ nghĩa. Trong số đó có phương pháp sử dụng quá trình "Markov" (do A.A.Markov sáng tạo năm 1910). Đó là phương pháp xử lý tất cả các yếu tố mập mờ của ngôn ngữ phụ thuộc vào bối cảnh lúc đó, vào sự ngắt đoạn lời văn. Phần lớn các mô hình toán học đều làm phát sinh một hiện tượng phản hồi. Trên thực tế mô hình tập trung vào một bộ phận của các đặc trưng ngôn ngữ rồi đặt ra một cách thức mô tả các đặc trưng này. Mô hình Markov cũng không nằm ngoài qui tắc này. Chúng cho phép học được cả cú pháp và các đơn vị giải mã lời nói. Nếu việc mô hình hoá toán học của ngôn ngữ tự nhiên xử lý một phần của ngôn ngữ sử dụng, nó cũng có thể sử dụng

các thành tựu tâm lý ngôn ngữ trên cơ chế phía dưới quá trình xử lý ngôn ngữ.

▪ **Các hình thức biểu đạt ngữ nghĩa.**

Xây dựng các hình thức biểu đạt ngữ nghĩa là quá trình cần thiết để phát triển.

Mô hình đầu tiên trong lĩnh vực này là mô hình của Quillian (1966). Mô hình sử dụng khái niệm "hệ thống", mạch mà các điểm nút của nó biểu thị các khái niệm và các mối quan hệ hình thành. Nó cho phép xác định được mối quan hệ gần và di truyền giữa các khái niệm. Các hệ thống ngữ nghĩa đã tạo ra rất nhiều mô hình bộ nhớ ngữ nghĩa. Chúng có thể được sử dụng bằng ngôn ngữ vì về hình thức chúng gần giống các mô hình tạo ra hồi đầu thập niên 1960 (B.Pottier và E. Coseriu, J. Greimas). Các mô hình này phân tích các bộ phận của ngôn ngữ bằng các đơn vị nhỏ nhất của nghĩa (nghĩa tố). Lý thuyết về sự phụ thuộc khái niệm của của R. Schank (1973) bó hẹp thứ chủ nghĩa hình thức này bằng cách thu hẹp nghĩa của ngôn ngữ.

Đối lập với các hệ thống, nơi mà mọi liên kết giữa các đơn vị ngữ nghĩa cố định và bất biến thì các mô hình nối kết lại cho phép một sự biểu đạt đã được bố trí của nghĩa và các đơn vị ngữ nghĩa nhỏ nhất gắn với nhau bằng các liên kết tác động và ức chế.

Mức độ biểu đạt kiến thức nền tảng bằng trí thông minh nhân tạo đang được các nhà ngôn ngữ tìm hiểu trong chừng mực mà nó có còn là một ngữ nghĩa chung, độc lập với các ngôn ngữ đặc biệt. Ngữ nghĩa này có thể giữ vai trò trung tâm, bản lề trong kỹ thuật dịch bằng vi tính cho 2 hay nhiều ngôn ngữ. Nó phải tính đến các yếu tố sau: thực thể mà nó đề cập đến (ghế, mèo) cùng với các đặc trưng của nó (nặng, màu đen), mối quan hệ giữa chúng và vị trí (mèo ở trên ghế), các sự kiện diễn ra (mèo rơi từ trên ghế xuống, ghế đổ lên mèo); dạng thức chủ thể của người nói (ngạc nhiên, tiếc nuối...) Các yếu tố này có xu hướng được phổ biến rộng rãi.

▪ **Kỹ thuật biên soạn từ điển và công tác dịch có trợ giúp của máy tính**

Ngày nay, tất cả mọi dạng thức ngôn ngữ đều có thể được máy tính trợ giúp với kết quả khả quan. Những ngành "công nghiệp ngôn ngữ" có tất cả các khả năng mà việc xử lý tin học các dữ liệu ngôn ngữ tạo ra: báo chí, xuất bản, dịch, tin học văn phòng, giao tiếp người - máy... Các sản phẩm làm ra đã được đưa đến tay người sử dụng.

Ví dụ: một ngân hàng dữ liệu chính tả và ngữ pháp cho phép tra cứu trên Minitel hơn 20.000 từ, 500 động từ (25.000 dạng chia) cùng các ví dụ và nhận xét. Hay một cuốn từ điển giới thiệu các yếu tố của sự cấu thành ngôn ngữ và cho phép tạo ra từ pháp và cú pháp. ở châu Âu đang diễn ra một cuộc cạnh tranh hoàn hảo giữa các ngôn ngữ để có được những công cụ như vậy.

▪ **Kỹ thuật biên soạn từ điển với sự trợ giúp của máy tính.**

Các ngân hàng dữ liệu văn bản tự động hoá đã đổi mới việc nghiên cứu trong lĩnh vực từ vựng và soạn từ điển. Các ngân hàng cho phép truy cập các tài liệu gốc với số lượng lớn. Frantext, ngân hàng đầu tiên do Viện ngôn ngữ quốc gia phát triển năm 1962 lưu trữ hơn 162 triệu tài liệu. Tài liệu gốc bao gồm: tài liệu văn học, khoa học, kỹ thuật... Số lượng tài liệu không ngừng được tăng lên nhờ các máy đọc cung cấp. Có thể tra hỏi trên mạng, Frantext cho phép khoanh vùng một tài liệu gốc, nghiên cứu dang, chữ, hay đoạn (ví dụ: cảm ơn vì) hay đơn giản chỉ là một dãy chữ, rồi đến các văn bản dài, phụ lục...

Dưới đây là một minh hoạ. Khi muốn tìm một câu văn của Lamartine: "un seul être vous manque" người ta có thể tra cứu gần 3000 tác phẩm văn học Pháp và nhanh chóng tìm ra một câu trích như trên trong tác phẩm "Những người độc thân" của Montherlant.

Một ví dụ khác liên quan đến một câu hỏi đòi hỏi phải mất nhiều thời gian nhưng không chắc tìm ra câu trả lời " Từ ' tấn trò đời ' được sử dụng lần đầu tiên ở đâu trước khi tác

phẩm của Balzac ra đời? "Câu trả lời là" các nhân vật của tấn trò đời" (La Rochefoucauld, Maximes, 1664).

Một cuốn từ điển mới đã được soạn thảo chính từ dữ liệu trong Frantext: "Kho tàng ngôn ngữ Pháp". Mỗi mục được soạn từ một tập tài liệu trong ngân hàng. Phương pháp làm việc này cho phép xem xét lại ngày tháng và sửa lại các ví dụ cũ nhưng chủ yếu biểu đạt một cách khoa học và thống nhất toàn bộ từ ngữ pháp. Khi hoàn thành, cuốn từ điển sẽ lại cung cấp cho ngân hàng dữ liệu. Nhờ có ngân hàng này cuốn từ điển được hoàn thành.

▪ **Dịch có trợ giúp của máy tính.**

Ý tưởng về dịch tự động xuất hiện trong cuốn ghi nhớ của Warren Weaver năm 1949 tại Mỹ. Sau đó một nghiên cứu của Y.Bar-Hillel (1966) đã khẳng định không thể xây dựng một hệ thống dịch có "chất lượng cao". Bản báo cáo ALPAC (1964) đã đề cập đến khía cạnh không hiệu quả của việc dịch tự động khiến việc tìm kiếm và phát triển dịch tự động trên toàn thế giới phải ngừng lại. Tuy vậy, giữa thập niên 70 các công việc lại bắt đầu nhằm đáp ứng nguyện vọng của các nhà khoa học, thương gia... Ngày nay có ít nhất 10 hệ thống hoạt động có hiệu quả.

Quá trình dịch gồm 3 giai đoạn: phân tích ngôn ngữ gốc, chuyển kết quả đến ngôn ngữ đích và hình thành ngôn ngữ đích. Nhưng phần lớn các hệ thống đều cần xem toàn bộ văn bản trước vì hiện nay máy tính chỉ có thể thực hiện việc phân tích từng câu ngoài văn cảnh và không thể giải quyết được các vấn đề đòi hỏi phải có một văn cảnh rộng hơn 1 câu và những kiến thức bên ngoài ngôn ngữ. Vì thế dịch tự động vẫn chưa phải là tự động và có chất lượng không cao. Do vậy, người ta đã đưa ra khái niệm " dịch có máy tính trợ giúp" (T.A.O), mọi bản dịch đều được tiến hành cùng máy tính. Kết quả đem lại là một văn bản cho phép người người dịch hiểu được tất cả những gì được đề cập đến (chủ yếu là về ngữ nghĩa). Người dịch phải là một chuyên gia trong lĩnh vực đó, đối mặt với hàng ngàn trang tài liệu, tìm ra những lỗ hổng, sự thiếu chính xác và sự rời rạc của văn bản để rút ra những thông tin chủ

yếu. Một ngân hàng dữ liệu từ và ngữ pháp cơ bản sẽ đem lại một văn bản có thể sử dụng được. Vì dịch tự động chỉ có thể có kết quả tốt nhờ khả năng nhận thức, nên cần phát triển các hệ thống trong lĩnh vực của trí thông minh nhân tạo nhằm kiểm tra các lý thuyết về việc hiểu ngôn ngữ tự nhiên. Tuy nhiên các hệ thống này còn lâu mới được đưa vào sử dụng.

Ở Canada, các hệ thống dịch tự động hoá Anh - Pháp mỗi ngày dịch nhiều tài liệu và trong nhiều lĩnh vực của khoa học kỹ thuật, điều này làm nhẹ bớt gánh nặng của các nhà dịch thuật, những người đã bỏ ra nhiều sức lực cho các tài liệu trước khi trở nên nổi tiếng. ở Anh, cuốn "Offord English Dictionary" đã được đưa lên máy tính kèm theo cuốn phụ trương. ở Italia, trung tâm ngôn ngữ điện toán ở Pise đang đào tạo các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này. ở Bruxelles, cộng đồng châu Âu, với 9 ngôn ngữ làm việc đã tiến hành xây dựng các ngân hàng dữ liệu thuật ngữ để phục vụ con người.

Máy nói và máy nghe.

Việc xử lý lời nói tự động gồm nhiều chủ đề nghiên cứu: giải mã, nhận và tổng hợp giọng nói.

Các phương pháp nhận giọng dựa trên việc khai thác các kiến thức được đưa vào một cách công khai (hệ thống cơ sở dữ liệu) hay trên các phương pháp học tự động, các kiến thức ít nhiều sẽ là tiềm ẩn (hệ thống nhận biết tổng thể). Phần lớn các hệ thống đang sử dụng hay kinh doanh đều thuộc loại thứ hai. Hệ thống đơn giản nhất cần có sự phát âm từng từ. Hệ thống phát triển nhất có thể nhận ra nhiều từ liên tiếp của nhiều người hoặc từng từ rời rạc nhưng với số lượng nhiều từ (20.000 từ). Các hệ thống hiện đại nhận ra lời nói liên tục của một người đến tận 20.000 từ (IBM, năm 1989). Chúng được dựa trên mô hình xác suất (chuỗi Markov). Các hệ thống thông qua hệ thần kinh bắt đầu được áp dụng để nhận giọng nói. Hệ thống chính tả âm thanh sử dụng mô hình ngôn ngữ tạo ra khả năng liên tục của từ hay ngữ pháp, tiếp nhận từ các tài liệu gốc. Chúng có nhiệm vụ sửa các lỗi của quá trình nhận giọng và ghi lại chính xác các từ. Nhận biết người nói là kiểm tra một cá thể thông qua lời nói. Việc xác định người nói

là nhằm chọn ra trong số nhiều giọng nói giọng của người đã nói nhờ một hệ thống có khả năng tự tạo ra hội thoại chứ không phải dựa vào một văn bản có sẵn. Trong quá trình tổng hợp lời nói, có thể sẽ phải khôi phục lại lời nói hoặc tổng hợp từ các dữ liệu. Trong trường hợp cuối, sẽ phải thực hiện 3 bước: kiểm tra từ dữ liệu đến lời nói, so sánh âm vị với dấu hiệu trong máy tổng hợp và tìm ra lời nói tương ứng. Việc tổng hợp từ các khái niệm nhằm tạo ra các thông điệp lời nói của một hệ thống có khả năng tạo mẫu một mẫu hội thoại chứ không phải dựa vào các dữ liệu. Vấn đề xử lý lời nói tự động vẫn chưa được giải quyết do còn gặp phải các cách nói giả (từ không có nghĩa, sai cú pháp, giọng ngập ngừng...). Thông tin về ngữ điệu hiện nay vẫn chưa khắc phục được. Trong quá trình tổng hợp cần phải hoàn chỉnh giọng nói (nói tự nhiên) cũng như việc tổng hợp các âm sắc khác nhau.